



佛  
認

# Phật đàn

3-4.

ĐẶC SAN LIÊN-HOA · 8-4 CANH TÍ

2504

KÍNH QUÍ VỊ ĐỘC-GIẢ!

Nhơn dịp Phật-Đản 8-4 LIÊN-HOÀ ra số đôi 3  
và 4 (tháng ba và tháng tư) xin trân trọng tin quý  
vị rõ.

L. H.

# MỘT NGÀY TẾT

LIÊN - HOA

**N**ẾU ngày Tết có nghĩa là ngày vui nhất, thì ngày mồng tám tháng tư chính là một ngày Tết đầy đủ ý nghĩa nhất đối với toàn thể Phật-tử Việt-Nam.

Từ ngàn xưa, chúng ta quen gọi ngày đầu năm là ngày Tết nguyên-đán, ngày rằm tháng tám là ngày Tết Trung-thu; ngày này người ta cũng bắt đầu dùng chữ Tết khi muốn nói đến một ngày vui. Nhưng đối với Phật-tử, không có ngày vui nào hoàn toàn vui bằng ngày kỷ-niệm đức Giáo-chủ Thích-Ca Mâu-ni Phật ra đời.

Thử đem so sánh những ngày vui ấy với những ngày mồng tám tháng tư đề có một ý-niệm rõ ràng về chữ Tết :

Ngày đầu năm, có thật hoàn toàn vui chăng? Hay chính là một ngày đã làm cho hầu hết dân tộc Á-châu lo nghĩ, chạy vạy đầu tắt mặt tối, cháy chân phỏng trán đề chung dọn cho có vẻ Tết đối với thân bằng quyến thuộc, hàng xóm láng giềng? Cái vui ấy chỉ là một cái vui gương gạo, giả dối, thiếu hồn nhiên, trong sạch. Nếu ngày Tết vui thật, thì Cụ Tú-Xương đã không mia :

*« Đì dẹt ngoài sân tràng pháo chuột,  
Om thòm trên vách, bức tranh gà.  
Chi cha chi chát khua giày giép,  
Đen thúi đen thúi cũng lượt là ».*

Ngày Tết nguyên-đán chỉ là một ngày để người ta khoe khoang giàu có, che lấp nghèo hèn, người ta lợi dụng để ăn chơi bừa bãi, tàn bực nhau, thù tạc xã giao. Những người thành thật với mình sẽ thấy đau khổ, khó chịu vì các ngày đầu xuân ấy. Thi-sĩ Chế-lan-Viên đã than.

*« Tôi có chờ đâu, có đợi đâu,  
Đem chi xuân đến, gọi thêm sầu ! »*

và Xuân-Diệu cũng buồn :

*« Xuân đang đến, nghĩa là xuân đang qua,  
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già  
Xuân hết, thì đời tôi cũng mất ! .. »*

Thế đấy, có ai vui đâu ! Trừ các trẻ em, vì chưa hiểu rằng cha mẹ mình đã khó nhọc lắm mới may cho mình được chiếc áo mới.

Và ngày Tết Trung-thu cũng thế ! Chỉ có trẻ em vui mà thôi. Người lớn cố hòa theo con nít mà vui, nhưng cũng khó có thể vui được : không lẽ lại cũng xách lồng đèn, múa thiên-cầu ? Còn thương trăng, thì trăng có gì đẹp đâu mà thương ?

Muốn được vui thật, trước tiên nỗi vui ấy phải phát ra tự tâm-hồn. Bao nhiêu màu sắc, hình ảnh, âm điệu bên ngoài chỉ là phần phụ không có nguồn vui chân thật ở bên trong mà cố tạo ra những cảnh tượng tưng bừng, náo nhiệt bên ngoài, thì chỉ gây ra một ấn tượng rối ren, khó chịu.

Đối với người Phật-tử, chỉ có một nguồn vui chân thật, phát xuất tự đáy lòng họ là nguồn vui do ngày kỷ-niệm Đản-sanh đức Phật tạo ra. Đó mới thật là ngày Tết của họ. Ngày xưa vua Tịnh-Phạn, Ngài Ma-Gia và toàn dân xứ Ca-



tỳ-la-vệ đã vui mừng như thế nào, khi Thái-tử Tất-Đạt-Đa giáng sanh, thì ngày nay người Phật-tử cũng hân hoan vui sướng như thế ấy, khi tưởng niệm lại giờ phút xuất hiện của Ngài dưới gốc cây Vô-úu. Cờ xí rợp trời, trống kèn dậy đất. Đám rước di đến đâu, từng loạt mưa hoa đổ xuống đầy. Dân chúng lũ-lượt theo sau, hòa nổi vui mừng của nhà vua cùng nổi vui mừng của cả nước ngày xưa. cảnh tượng đón rước Thái-tử về cung tưng bừng hoan-lạc như thế nào, thì ngày nay, mỗi năm giới Phật-tử cũng cờ dăng, hoa kết, đèn treo nô-nức, đón rước kiệu Ngài diễn-hành khắp chốn cùng nơi như thế ấy. Nổi vui xưa, cho đến ngày nay đã trên 2500 năm vẫn không vì thời gian và không gian mà phai màu, đổi sắc. Từ Ấn-độ xuống Tích-lan, lên Nhật-Bồn qua Việt-Nam... đâu đâu lòng người con Phật cũng tràn đầy một nguồn vui hồn nhiên, trong sáng.

Ừ, không vui sao được, khi giữa cõi đời tăm tối, bơ vơ, lạc lõng, như những đứa con mù lòa đi trong sa mạc, bỗng thấy xuất hiện người cha tinh thần vĩ-đại, sáng suốt đến vô vè, mờ mắt từng người một và dắt dẫn đi vào con đường chính! Dừng-dừng lãnh-đạm trước sự xuất hiện ấy thì thật là quá vô tình.!

Người Việt-Nam nói riêng, và dân tộc Á-châu nói chung, là những con người rất giàu lòng hiếu nghĩa, cho nên ngoài cái nguồn vui chân thành nói trên, họ còn có bốn phạm biểu-dương lòng tri-ân sâu xa của mình đối với Đấng Giác-ngộ đã giải-thoát cho họ ra khỏi vũng lầy tăm tối.

Cho nên sự biểu dương của nguồn vui và lòng tri-ân ấy trong ngày kỷ-niệm Đản-sanh của Đức Bồn-Sư Thích-Ca là một nhu cầu một cần thiết mãnh liệt mà không một lý do, một động lực gì có thể ngăn chặn được.

# ĐỨC PHẬT THÍCH-CÁ MÀU-NI RA ĐỜI

THÍCH ĐỨC - NHUẬN

## a) Một quan-niệm lịch-sử thời thái-cổ Ấn-Độ.

ĐỜI sống một dân-tộc rất liên-quan và ảnh-hưởng với hoàn-cảnh địa-dư, của khí-hậu thiên-nhiên... tuy là một trong các dân-tộc trên thế-giới nhưng lịch-sử Ấn-độ khác các dân-tộc trên thế-giới: họ sống gần với hiện-tượng tự-nhiên của nhiệt-đới; trong một hoàn-cảnh lục-địa bao la, mệnh-mông biển cả, vòi-vòi núi Hy-mã-lạp-sơn tuyết phủ... nên tư-tưởng cũng rất phóng-khoảng « đượm màu giải-thoát ».

Đây là những điều-kiện đã giúp rất nhiều cho luồng tư-tưởng sớm phát-triển. Dầu sao, thời thái-cổ, dân trí vốn sống với tinh cảm nhiều hơn là lý-trí, ít có tinh-thần khoa-học nên quan niệm về lịch-sử cũng rất sơ-sai và thần-bí.

Tác giả Huyền-Chân trong cuốn « ĐẠO-PHẬT » đã viết về lịch-sử đức Phật:

*«...Người Tây-phương đã thất bại nhiều trong ý muốn xây dựng lại lịch-sử xứ Ấn-độ, một lịch-sử mệnh-mông mà thời kỳ cận-đại bắt đầu từ cuộc du-chinh của Hoàng-đế ALEXEN-DRE... người ta tìm thấy rất nhiều tài-liệu rải-rác trong những quyển thi-ca của tác-giả không tên tuổi, nhưng hết thấy đều thiếu xếp đặt và rất hỗn độn... chúng ta có cảm-tưởng đứng trước một công cuộc lẽ-loi của những thế-hệ rất cách xa nhau... vì thế người Tây-phương nói rằng **Ấn-độ không có quan-niệm về lịch-sử.***

*Nói đúng hơn, Ấn-độ « không cần biết một sự thực lịch-sử ».*

*một sự-thực luôn luôn nhịp nhàng theo thời-đại và phương  
sở để thay sắc đổi màu... một sự-thực chỉ có giá-trị đối-đầu  
chứ không phải tuyệt-đối, và vì thế không xứng đáng cho  
người trí-thức Ấn-độ nghiên tầm.*

*Sao lại mất công lôn chi làm sống lại những thời-đại  
đã chết nếu công việc đầu tư-ông-tượng và thiếu căn-bản ấy  
chỉ để thỏa một lòng hiếu-kỳ vụn vặt.*

*Người Ấn-độ chỉ cần với một linh-hồn thần-diệu, vén  
bức màn chữ nghĩa của sách Thánh, đi sâu vào linh-hồn của  
sự-thực tuyệt-đối không bao giờ di chuyển, mặc dầu ở thời-đại  
hay phương-sở nào.*

*Vì lý-do ấy, lịch-sử của ĐỨC PHẬT THÍCH-LA không được  
người Ấn-độ thời bấy giờ chú-trọng một cách đặc biệt... người  
ta chỉ đem toàn năng-lực của thân tâm để nghiên cứu và thực-  
hành giáo-lý của ngài để lại... một giáo-lý cao rộng, đẹp-đẽ,  
cũng đủ làm tràn đầy cả một đời sống, duy nhất hết thảy  
tu-tưởng, lời nói cho đến hành-vi của mọi người.*

**Sao người Âu lại đem phân chất những giai đoạn về  
đời sống của Phật để công kích hay chê bai. Sao người  
Tàu lại che phủ đời sống ấy bằng bức màn thần-bí để làm  
phân-uất trí suy xét của người».**

(Đạo Phật II, trang 22, 23)

Phật giáo, một đạo-học siêu-việt, đứng ngoài phạm-vi của  
tương-đối, tuyệt-đối, không có không-gian ở trước, thời-gian  
ở sau, không có danh-từ...

Thật thế, xưa kia đức Phật quá 49 năm thuyết pháp đến  
khí gần nhập Niết-bàn, Ngài cho gọi các đệ-tử lại và dạy:

**« Ta xưa nay chưa từng nói một chữ: Ngó bản lai bất  
thuyết nhất tự».**

Huyền-diệu thay lời nói của Đức Phật!

Với ánh sáng Chân-lý bất tuyệt, Phật-giáo vượt ngoài ngữ-nghôn văn tự nên chẳng có gì đáng gọi là lịch-sử...

Bởi vậy, quan-niệm về lịch-sử Phật-giáo xưa rất ít được chú-trọng là một lẽ tất nhiên.

### **b) Lịch-sử trong xã-hội hiện-tại.**

Trước kia người ta thờ-ơ với lịch-sử bao nhiêu, trái lại, cũng ngang với giá ấy sự tôn kính càng tăng lên bấy nhiêu ở hiện tại.

Từ tiền bán thế-kỷ XVII trở lại đây, do sự tiến-triển của văn-hóa, của tư-tưởng, của nhu-cầu mà lịch-sử đã là khản-yếu cho các nhà tư-tưởng, nhà khoa-học, văn-hóa v.v... một vấn đề quan trọng nhất cho tất cả mọi ngành sinh-hoạt và học-thuật.

*« Một học-thuyết, một triết-học, tôn-giáo hay một ngành tư-tưởng hoạt-động nào, nếu không có quan-niệm lịch-sử không khác gì không có chân đưng.*

*« Xét vậy ta biết lịch-sử chiếm một địa vị lớn trong học-thuật hiện-đại, nhất là: một nền học-thuật cao thâm được truyền-thống như Phật-giáo.*

*« Một nền học-thuyết nào từ chỗ phát-nguyên đến chỗ truyền-bá rộng-rãi, học-thuyết ấy thế nào cũng có sự biến-thiên, nếu ta không biết tận gốc về lịch-sử — của một vị Giáo chủ sáng-lập ra đạo ấy —; và giáo-lý ra sao? Lẽ tất nhiên người ta không tránh khỏi sai lầm về hành-động hiện-tại ».*

— Lịch-sử là ghi chép mọi hình-ảnh, dấu vết của từng thời đại; đón tìm một tia sáng bất diệt cho tương-lai, làm sống lại những gì đã chết.

— Mỗi trang sử là một bài thơ hùng-tráng lâm-liệt, rung động lòng người.

Ở đây, chúng ta hãy biết thế.

### **c) Tình-trạng và tư-tưởng xã-hội Ấn trong khi Đức Phật ra đời**

Đứng trước một hoàn-cảnh đổi thay, xã-hội Ấn-độ lúc ấy làm vào tình-trạng khủng-khoảng, bế-tắc về mọi phương diện: luân-lý, văn-hóa, chánh-trị, kinh-tế; quan-niệm chán đời thụ-động làm xáo trộn một thời, con người sinh ra hoài-nghi: hoài-nghi tôn-giáo, hoài-nghi đạo-đức, hoài-nghi tất cả...

Mỗi hoài-nghi đã ngấm-ngâm bắt rễ cho chủ-nghĩa vật-chất khoái-lạc sau này một cách cực-đoan.

Tình-tệ xã-hội như thế, tất nhiên phải cần một đấng Đại-thánh nhân ra đời để cứu-vãn, xoay chuyển hoàn-cảnh, làm lại cuộc đời tươi sáng hơn lên.

Trong khi sấm chớp âm trời, gió mưa giông-tổ phủ-phàng; đường đời muôn vạn ngã tối tăm, đầy hiểm trở chông gai, vạn-vật u buồn như đượm một màu tang;

Giữa lúc đạo-đức đang cần phải chấn-hưng trong lếch-lạc, ánh sáng chân-lý cần phải dâng cao để soi đường cho nhân-thế; khác nào như ngọn lửa bùng cháy sáng, chiếu rọi khắp nơi...

Mọi việc sẽ xếp đặt lại cho thích-hợp với trào-lưu tiến-hóa.

Ứng với thiết-cầu của thời-thế, Đức Phật THÍCH - CA MÃU-NI ra đời, — Ngài là hiện-thân của **Ánh-Sáng** và **Tình-Thương** đời đời bất tuyệt!

### **d) Một ngôi sao sáng xuất hiện**

Hỡi thế-giới nhân-loại khổ đau!

*« Đây là vị Giác-ngộ hoàn-toàn, từng đem ánh-sáng chân-lý chiếu sáng trần-gian, là bậc ĐẠI-THÍ-CHỦ coi chúng-sinh*

*như chánh mình là đóa hoa đằm tươi thắm ngát hương !»*

Đức Phật THÍCH-CA MẬU-NI như ngôi sao sáng xuất-hiện trên nền trời đen tối : mang lại cho đời nguồn sáng mới ; vạn-vật như bừng tỉnh trước cơn mê sáng..

— « Nếu cõi đời không đau khổ tối tăm, Ta không xuất-hiện ở đời ».

(Lời Đức Phật)

Ngài ra đời, chỉ vì một đại-sự nhân-duyên là khai-thị « Phật-tri-kiến » cho chúng-sinh (1) nên Ngài đã hy-sinh tất cả để quyết tìm đạo sáng cứu khổ cho muôn loài.

Sự xuất hiện ánh sáng của Đức Phật THÍCH-CA MẬU-NI biểu-tượng của một Con Người gương mẫu, kết tinh bởi muôn vàn hương hoa « Từ-bi » và « Tri-tuệ ». Là hiện thân của Chân-lý, một điềm lành cho tất cả chúng-sinh trong cõi Đại-thiên thế-giới!

... Bao nhiêu thù-hằn áp-bức, bất công sẽ lắng xuống để nhường chỗ cho **Ánh Sáng** và **Tình Thương** cao rộng hết thấy... đều được tắm trong biển giáo - lý của **Ánh Đạo Vàng**.

*« Hoa Từ-bi nở, tôi mong cho hương tỏa khắp nơi...*

*« Rồi ra, nhân-loại an vui, đạo đức xương-mình ; ánh sáng lại tỏ rõ !*

— Đức Phật quả là một ngôi sao sáng !

Tưởng-niệm công đức của Ngài và ghi vào đây một nét bút không phai trên dòng lịch-sử, nhà Đại-thí-hào Rabindranath TAGORE, trong khi dự lễ « Khánh Đản » Đức Phật ở Tích-lan (Ceylan), năm 1932, đã viết bài thơ tán-dương Đức Phật.

*« Thế-giới hiện nay thù oán nhau như thú dữ rừng hoang,*

*« Xung đột nhau bằng đủ cách,*

*« Bảo rằng công mà kỳ thực chưa đầy túi tham lam ích kỷ.*

« Toàn thể sanh-linh đang mong Ngài.

« Ban cho nguồn sống mới lạ.

« Vẫy luồng vô biên của Ngài hãy cứu vớt cho.

« Bao nhiêu hy-vọng đang chờ hương sen vô tận của Ngài.

« Xin Ngài chiếu hào-quang soi sáng trần-gian.

« Thật đã là hiện-thân của ánh sáng và tự-do.

« Từ thiện của Ngài vô hạn, xin rửa sạch kiếp làm than  
của cuộc sống tàn khốc

« Ngài là ĐẠ-L-THÍ-CHỦ cho mãi không thôi.

« Xin cho chúng tôi những năng-lực dũng-mãnh,

« Ánh sáng Tri-Tuệ của Ngài như mặt trời nâng soi đường,  
cho kẻ mờ quáng.

« Làm sống lại những kẻ sắp chết giữa biển trầm-luân. (2)

Thượng-tọa MẬT-THỀ dịch

Đọc bài thơ trên, chúng ta cảm thấy như toàn thân rung động bởi một tấm lòng chí thành tha-thiết thanh bạch biết bao! — Không rung động sao được khi nghĩ đến tình-trạng tồi của thế-giới nhân-loại đau thương?! và do sự xúc-cảm mãnh-liệt đến cực-độ đã là nguồn thi-hứng của biết bao nhà thơ xưa nay. TAGORE cũng như nhiều người khác, thấy đời là nơi tối-tăm đầy tội-lỗi, muốn cứu-vãng chỉ còn cách trông vào giáo-lý thực-tiền của Phật-giáo: bớt dục-vọng thêm Tinh-thương... xã-hội loài người trở nên thái-bình hạnh-phúc.

(1) Thế-Tôn, duy dĩ nhất đại sự nhân Duyên cố, xuất hiện ư thế — Kinh Pháp-Hoa phẩm Phương-Tiện —

(2) Ở Đây, chúng tôi xin mạn phép Tác giả và dịch-giả trích đăng trong bài này để làm tài-liệu cho công cuộc Hoằng pháp chung.

# PHÁI ZEN Ở NHẬT

*Nếu tri-huệ không, thuyền - định dẫu có,  
Thuyền-định h không có, tri-huệ cũng không.  
Tri-huệ và thuyền - định đều kèm đủ,  
Cánh-giới Niết-bàn thật chứng không xa.*

**(Kinh Pháp-cú tạng Pali)**

**Z**EN tức là Thuyền theo danh từ Việt-Nam. nhờ các sách vở viết bằng tiếng ngoại-quốc nhất là Anh-văn và Pháp-văn xuất-bản và giới-thiệu về Zen nhiều, nên Người Âu-Mỹ họ quen thuộc với danh-từ Zen nhiều hơn là Ch'an của Trung-hoa và Thuyền của Việt-Nam. Nhưng theo quan-niệm phổ-thông của người Âu-Mỹ thì họ hiểu: Zen tức là Phật-giáo, chứ rất ít người hiểu Zen tức là một tôn-phái trong Phật-giáo. Điều đó cũng không có gì sai lầm, vì ngoài Zen ra chúng ta không thể tìm thấy bản-chất thuần-tuý của Phật-giáo.

Tuy vậy, nhưng trước khi Phật-giáo ra đời, ở Ấn-độ cũng đã có nhiều tôn-giáo thực hành theo Zen và hiện những tôn-giáo ấy cũng vẫn còn tồn-tại. Cho nên quan-niệm cho Zen là Phật-giáo, dù sao cũng vẫn là quan-niệm hẹp-hoài. Vả lại, Phật-giáo không những chỉ có Zen, vì ngoài Zen vẫn còn có nhiều tôn-phái khác, như Tịnh-độ tôn, Thiên-thai tôn, Luật-tôn, Chơn-ngôn tôn v.v... Trong các tôn-phái này chỉ có Tịnh-Độ-tôn là được truyền qua các nước Âu-Mỹ nhiều nhất. Nhưng người Âu-mỹ phần nhiều nghĩ rằng: cách



thức cấu-tạo của Tịnh-độ-tôn, cũng gần giống như Thiên-chúa-giáo, không lấy gì làm lạ đối với họ, vì thế họ ưa thích nghiên-cứu tu luyện về Zen hơn. Zen đối với người Tây-phương là một môn ăn tinh-thần mới lạ, một mối tu-luyện hoàn-toàn Đông-phương vậy.

Nguyên lai, Zen là một lối tu-luyện của Bà-la-môn giáo (1) và ở trong phái Du-già (Yoga) của 6 phái triết-học ở Ấn-độ (2) cũng đã có Zen. Chẳng qua Zen trong 2 phái này về phương-pháp tu-hành cũng như quả-vị chứng-ngộ không được đúng-dẫn hoàn-bị, nên gọi là Zen của ngoại-đạo. Trái lại, Zen của Phật-giáo thì về phương-pháp tu-luyện, cũng như hình-thức, nội-dung, mục-dịch và quả-vị, tất cả đều chơn-chánh cứu-kinh, vì thế nên gọi là Zen của Phật-giáo.

Zen của Phật-giáo được tổ-chức thành một tôn-phái khác biệt với các tôn-phái khác trong Phật-giáo là vào khoảng đời Đường của Trung-

Hoa. Trước đó thì tất cả phương-pháp tu-hành của Phật-giáo đều được gọi là Zen. Người khai tổ đầu tiên của Zen là đức Phật Thích-Ca. Ngài đã ngồi thuyền-định dưới gốc cây Bồ-đề và đã chứng được đạo-quả giác-ngộ. Do đó nên Phật-giáo được gọi là một tôn-giáo khế-cơ khế-lý lấy Zen làm căn-bản.

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn Phật - Giáo được chia thành 2 phái. Tiều - Thừa và Đại - Thừa. Tiều-Thừa Phật-Giáo là do vị trưởng-lão Tê-ra-va-da (Theravāda) lãnh-đạo và hầu hết các lối tu-hành của phái này đều là Zen. Zen ở đây tức là phương pháp thuyền-quán. Những người chuyên tu theo pháp thuyền-quán này được gọi là Du-già-sur (Yogācārya) rất được mọi

(1) Bà-la-môn giáo là một tôn-giáo, mà cũng là một phái Triết-học, đồng thời cũng là một giai-cấp trong 4 giai-cấp của Ấn-độ thời ấy. Phái này thường tôn thờ « Phạm ngã » là vị thần tối cao và duy-nhất của vạn vật.

(2) 6 phái Triết-học của Ấn độ là Số-luận phái, Du-già phái, Thắng-luận phái, Chánh-tý phái, Di-mạn-tát phái, Phệ-đà phái. Phương-pháp tu-luyện của phái Du-già trong này phần nhiều đều dựa vào Thuyền-định.

người tôn sùng kinh-ngữ ngữ. Ở đây sở dĩ gọi là Du-già-sur là để phân biệt với các vị tu-hành chuyên tinh về kinh luật văn-tự mà không chú-trọng tu-niệm về Zen. Quý vị này được gọi là Trước-văn Sa-môn.

Về Đại-Thừa Phật-Giáo thì kinh điển có chia làm 2 loại Nhập - định thuyết - pháp và Xuất-dịnh thuyết-pháp. Nhập-dịnh thuyết-pháp tức là những kinh điển do đức Phật thuyết-pháp trong khi ngồi thuyền-dịnh; Còn xuất-dịnh thuyết-pháp tức là chỉ cho những kinh-diễn do Ngài thuyết-pháp sau khi đã xuất-dịnh. Do đó chia ra làm 2 loại như thế này. Nên trong Đại-Thừa Phật-Giáo cũng có một loại kinh-diễn không phải là Zen, về sau các vị Tổ-sur vì muốn lấy Zen làm phương - pháp tu-hành duy-nhất của Phật-Giáo, và đồng thời lấy Zen làm căn-bản triết-ly để thống-nhất Phật-Giáo, nên đã có các cuộc vận-động Phật-Giáo thống-nhất, Công-cuộc vận-động này lần lần được lan rộng và trở thành hệ-thống tổ-chức của một tôn-

phái, mà về sau được mệnh danh là Thuyền-tôn.

Thật ra mà nói thì Phật-Giáo trong khi còn ở Ấn-Độ chỉ có học phái, chứ không có tôn-phái, về sau khi truyền qua Trung-Hoa và Nhật-Bản, Phật-Giáo mới được tổ chức thành nhiều tôn-phái, Thuyền-tôn cũng thế, là một tôn-phái được tổ-chức thành hình ở Trung-Hoa. Chúng ta có thể nói: Thuyền-tôn là một tôn-phái tổng-hợp của phái thuyền ở Ấn-Độ và lễ-giáo tư-tưởng của Trung-Hoa. Vì rằng mặc dù Thuyền-tôn được cấu tạo, tổ-chức thành hình ở Trung-Hoa, nhưng trong đó cũng gồm chứa rất nhiều tư-tưởng, hành nghi của Phật - Giáo Ấn - Độ, cho nên người ta thường kết luận: Thuyền-tôn là một tôn-phái thuần-túy của đức Phật Thích-Ca truyền lại.

Vã lại, trong Thuyền-tôn đức Phật-Thích-Ca thường được tôn-thờ làm bậc Giáo-chủ và chú trọng đạt - ngộ bản - tánh chân-thường của tự tâm, tức là Phật-tâm. Hơn nữa phương pháp tu-luyện và hành-sự của

Thuyền-tôn, nhất là Thuyền-tôn ở Nhật, có rất nhiều điều giống với Phật-Giáo nguyên-thỉ, vì thế quan-niệm Zen tức là Phật-Giáo của người Âu-Mỹ, cũng không thể nói là sai-lầm được.

Có một điều ở đây chúng ta cần chú-ý : danh-từ Zen không phải phát-xuất từ Trung-Hoa và Nhật-Bản, Ngày xưa, trong các tôn-giáo ở Ấn-Độ cũng đã có danh-từ này rồi. Nhưng Ấn-Độ có rất nhiều thứ tiếng. Mỗi địa-phương có một thổ-ngữ khác nhau, người ở địa-phương này không thể hiểu tiếng nói của địa-phương khác được. Tuy vậy, gạt ra ngoài các thổ-ngữ phức-tạp ấy, trong tiếng nói của Ấn-Độ thời xưa, có thể chia làm 2 loại : nhà-ngữ và tục-ngữ. Nhà-ngữ là tiếng nói của các nhà học-giả, các nhà tôn-giáo dùng, tức là tiếng Phạn (Sanskrit) Còn tục-ngữ tức là tiếng nói của các hạng người phổ-thông bình-dân dùng, như tiếng Pali v.v... Nguyên-ngữ của chữ Zen là do chữ j-ha-na (jhàna) của tiếng Pali mà ra, người

Trung-Hoa mỗi khi phiên-âm tiếng Ấn-Độ họ thường bỏ bớt chữ mẫu-âm sau cùng, Ví dụ : chữ Nib - ba - na (Nibbàna) người Trung-Hoa phiên-âm là Ni-ban (Niết-Bàn) chữ Sa-ma-na (Samana) họ phiên-âm là Sa-man (Sa-môn) v. v. . . Vì thế chữ jhàna được phiên-âm là jhàn, tức Zen của Nhật-Bản, ch'án của Trung-Hoa và Thuyền của tiếng Việt-Nam vậy.

Chữ j-ha-na của tục-ngữ có nghĩa gần giống như chữ dh-ya-na (dhyàna) của nhà-ngữ. Chữ dh-ya-na là phát-xuất từ Áo-ngữ-thơ (Upanisad) của phái Bà-la-môn giáo ở Ấn-độ. Theo sách này thì đại-khái những người có tâm-lượng rộng-lớn vĩ-dại, đều được gọi là dh-ya-na. Vì thế những người vĩ-dại trong nhân-thế đều được tôn-xưng là dh-ya-na và được mọi người kính-ngưỡng lễ-bái.

Đó là giải-thích ý-nghĩa của chữ dh-ya-na theo Áo-ngữ-thơ của Bà-la-môn giáo ở Ấn-độ. Vậy trong Phật-giáo, nhất

là ở Trung-Hoa và Nhật-Bản, người ta dịch-nghĩa giải-thích chữ dh-ya-na như thế nào ? — Chúng ta hãy lần-lượt tìm hiểu sau đây.

Đại-diện cho phái phiên-dịch kinh-điển từ chữ Phạn ra chữ Trung-Hoa là 2 ngài La-Thập và Huyền-Trang. Pháp-sư La-Thập là người của thế-kỷ thứ 5, sau khi từ Tây-vực trở về, lưu-trú tại đất Trường-an, phụng-chiếu nhà Vua phiên-dịch kinh-điển rất nhiều. Công-cuộc phiên-dịch của Ngài rất hoàn-bị lưu-loát, và sự-nghiệp phiên-dịch của Ngài thật là một công-trình vĩ-đại đối với Phật giáo Trung-Hoa. Còn Pháp-sư Huyền-Trang là người của thế kỷ thứ 7, phải trải qua nhiều gian-lao cực-khổ mới qua lưu học Phật-giáo ở Ấn-độ được. Thời-gian lưu-học của Ngài là 17 năm. Sau khi trở về Trung-Hoa, Ngài mang về rất nhiều kinh sách và bắt đầu phiên-dịch lại. Sự phiên-dịch của Ngài Huyền-Trang rất đúng-dẫn, xác-thật và rõ-ràng. Người ta thường lấy Ngài Huyền-Trang làm dấu

chấm-đề phân-biệt ranh-giới giữa cựu-dịch và tân-dịch. Cựu-dịch tức là những kinh-điển dịch trước thời Ngài Huyền-Trang và đại-diện cho phái này là Ngài La-Thập. Còn tân-dịch tức là chỉ cho những kinh-điển được phiên-dịch từ thời Ngài Huyền-Trang trở về sau, và tất-nhiên là ngài Huyền-Trang đại-diện cho phái này. Vậy nguyên-ngữ của chữ dh-ya-na, giữa cựu-dịch và tân-dịch khác nhau như thế nào ?

Chữ dh-ya-na cựu-dịch là Tư-duy-tu; tân-dịch là Tịnh-lự, Tư-duy-tu nghĩa là tập-luyện theo phương-pháp tập-trung tư-tưởng và tâm-niệm vào một chỗ để suy-nghĩ quán-xét. Theo tư-tưởng của Ấn-độ, đại-phàm muốn hiểu được chân-lý người ta phải hóa mình sống vào trong chân-lý ấy. Đó là một triết-học, mà cũng là tư-tưởng đặc-biệt của Ấn-độ. Phật-giáo nhất là Zen là được phát-sanh từ tư-tưởng này. Còn Tịnh-lự nghĩa là lắng đứng tâm-niệm để suy-nghĩ và

quán-xét. Về ý-nghĩa của chữ Tịnh-lự trong luận Đại-tỳ-bà-sa chép: «Tịnh tức là tịch-tịnh, lự tức là trừ-lự». Và trong luận Cu-xá giải-thích: «Do tịch-tịnh mà có thãm-lự, và do thãm-lự nên hiểu-ngộ được thật-nghĩa». Nói một cách khác, tịch-lự tức là phương-pháp làm cho tâm-niệm lắng-đứng yên-tĩnh lại để suy-nghĩ quán-xét chân-lý.

Ngoài ra, trong Tiểu-thừa Phật-giáo cũng có rất nhiều kinh-luận đề-cập đến Zen. ví dụ: trong luận «Giải-thoát-đạo» có một đoạn nói về Zen như thế này: Thuyền là gì? —Thuyền tức là bình-đẳng tư-duy. Nghĩa là chúng-sanh thường bị «ngũ-cái» (3) hoành-hành, cần phải lấy bình-đẳng tư-duy mà đối-trị nó. Trong luận «Thanh-tịnh-đạo» cũng có viết, «vì chuyên tâm tư-duy nơi một cảnh sở-duyên, và đồng thời dùng phương-pháp tư-duy ấy để diệt-trừ nguồn gốc «ngũ-cái», nên gọi là Thuyền». vì thế chúng ta có thể kết-luận, Zen tức là

chuyên-tâm vào một mục-dịch một định-xứ, quán xét bình-đẳng, không thiên kiến nghiêng ngả, không bị phiền-não loạn động.

Căn cứ vào ý-nghĩa ấy, nên Zen cũng có khi dịch là khi-ác, nghĩa là cởi mở đoạn-trừ tất cả ác-khí phiền-não như tham, sân, si v.v... và đôi khi cũng căn cứ vào kết-quả của Zen mà dịch Zen là công-đức tụ lâm, hoặc là công-đức từng lâm, Nghĩa là do tu-tập theo phương-pháp của Zen mà được các công-đức, trí-tuệ thần-thông tự-tại.

Ngoài ra chữ Zen cũng thường được dịch là: định (samādhi), nghĩa là tâm thần chuyên-chú an-định vào một chỗ, không rong-ruổi loạn-động theo ngoại cảnh. Trong kinh «Hữu-Minh-Tiểu-kinh» của tạng Pali chép: «tâm nhất cảnh tánh, gọi là samādhi, tức là định». Trong luận «Thanh-tịnh-đạo» cũng có chép: «do nghĩa đẳng-tri nên

(3) Ngũ-cái tức là 5 thứ phiền-não thường làm nhiễu-động và che lấp tự-tâm thanh-tĩnh, 5 thứ ấy là tham-dục, sân-hận, hôn-trầm, trạo-cử và nghi.

dịch chữ samàdhi là định. Nhưng đấng-trì là gì? — Tâm và tâm sở duyên vào một cảnh bình - đẳng bảo - trì không hề loạn - động rong ruổi theo ngoại cảnh, nên gọi là đấng - trì. phương-pháp bảo trì cho tâm và tâm-sở được bình - đẳng định tĩnh ấy cũng được gọi là đấng trì ». Phương - pháp ấy tức là Zen vậy.

Nói một cách tổng - quát, đấng-trì tức là giữ cho tâm niệm được bình - đẳng duyên-xứ không rong - ruổi, không thiên-chấp một bên. Vì thế những tâm niệm hôn-trầm, trạo-cử hoặc phan-duyên chấp trước vào một cảnh như : HỮU-dẫn-thiên vv... thì không được gọi là đấng-trì. Thật ra mà nói thì chữ samàdhi là là phát-xuất từ chữ samàhita trong Áo-nghĩa-thơ của Bà-la-môn-giáo. Trong sách này chép « Do trí quán xét nên tâm được tịch-tĩnh, do tâm bình-tĩnh nên được an- ổn, nhần-nhục kham-khở và tâm được thống nhất (samàhita), do đó mà thấy được Phạm-ngã.

Phật - giáo mượn danh - từ

samàdhi này để diễn-tả trạng-thái bình - đẳng của tâm niệm tức là định hoặc Zen. Zen và định có ý-nghĩa liên-quan mật thiết như thế, nên trong Phật-giáo thường có thuật - ngữ « thuyền-định » và ở trường-hợp này thì thuyền và định cũng đồng nghĩa.

Nên nhớ rằng, chữ samadhi ngoài các nghĩa đã trình bày trên, đôi khi cũng được dịch là Chánh-thọ, nghĩa là đoạn-trừ các tạp-niệm tà-loạn, thọ dụng cảnh - giới Chánh - thọ; hoặc dịch là Chánh-tâm hành-xứ, nghĩa là dùng sức Tam-muội mà đoạn-trừ các tâm-niệm tà-khức, an-trú vào cảnh-giới Chánh-định; cũng dịch là chánh-tư tức là tư-duy chọn chánh, ngoài ra, theo luận: « Du-già-sur-địa » thì định cũng có 7 tên khác nhau 1. — Đấng-dẫn (samàhita), 2. — Đấng-trì (samàdhi), 3. — Đấng-chỉ (samàpatti), 4. — Tĩnh-lự (dhyàna hoặc jhàna) 5. — Tâm nhất cảnh tánh (cittaikàgratà hoặc citta-ekaggatà) 6. — Chỉ (samatha) 7. — Hiện pháp lạc trú (drstadharmasukhavihàra).

Vì chữ Zen là phát-xuất từ tiếng Ấn-độ, vì thế từ trên xuống đây chúng ta đã lần lượt tìm hiểu ý-nghĩa của nó, và đồng thời cũng đã được sự liên-quan mật-thiết giữa Zen và Định như thế nào rồi. Vậy để kết luận, một lần nữa chúng ta cần nhớ rằng: mặc dù Zen đã bắt đầu nảy mầm từ Ấn-độ, nhưng khi truyền đến Trung-Hoa và Nhật-Bản. Zen mới được cấu-tạo thành một tôn-phái và phát-triển mạnh mẽ. Vị Tổ-sư đầu tiên đem Zen truyền nhập vào Trung-hoa là Ngài Bồ-đề Đạt-ma (Bodhidharma). Zen của Ngài Đạt-ma là vừa tọa-thiền, vừa dùng trí-quán để thể-nhập vào tự-tánh thanh-tịnh tâm. Nói một cách khác là dùng phương-pháp tọa-thiền để ngộ-nhập vào Phật-tâm, Phật-tánh vậy. Cũng do nghĩa này nên ở Trung-Hoa đã dịch Zen là Tư-duy-tu, hoặc là tịnh-lự.

Còn Zen của ngài Lục-tổ

Huệ-Năng thì như trong kinh «Lục-Tổ bảo-dàn» đã chép: « Bên ngoài thì thoát - ly tất cả hư - trần huyễn - tưởng, ấy gọi là Thiền ; bên trong thì đoạn-trừ tất cả tâm-niệm loạn động tà-khúc, ấy gọi là định ». Ở một đoạn khác cũng trong kinh ấy viết: « Thiền là thể-hợp với bản tánh thanh-tịnh, diệt-trừ các loạn-dộng trong tâm-tư ». Do ý-nghĩa của Lục-tổ Bảo-dàn kinh trên, nên Zen của Nhật-Bản là chú-trọng làm cho tâm-niệm dung-thông hóa-hiệp với Phật-tánh, và do sự dung-thông hóa-hiệp ấy nên thiền-dịnh và trí-huệ được phát-sanh. Do thiền-dịnh và trí-huệ phát-sanh nên được thể-nhập vào tự-tánh thanh-tịnh tâm, chứng-ngộ cảnh-giới Niết-bàn giải-thoát. Đó chính là mục-đích tối-cao của Zen ở Nhật-Bản vậy.

Kỳ sau

« Phương pháp thực-hành của Zen »

**THÍCH THIÊN-ÂN**

## *Đây, Ngày Phật Đản*

**Đ**ây cả non sông còn vẹn mới  
Đường vừa khai-mạc đón người đi  
Đây niềm hoài vọng ngàn thiên-giới  
Gót ngọc vờn qua lưu lại gì ?

Đây nắng ban đầu mưa gió dứt  
Cỏ cây hơn hở đượm vui nhiều  
Đây người cô quạnh năm ray rức  
Như được lòng đời đón ấp yêu

Đây cả bình minh đang hé dậy  
Muôn chim nhộn nhịp hót trên cành  
Đây vàng, đây bạc vừa tìm thấy  
Nhựa sống dâng đầy ngập tuổi xanh

Đây ánh trăng rằm soi xứ vắng  
Đêm dài quên ngủ mãi vui say  
Đây hồn dân-tộc đang thầm lặng  
Theo tiếng chuông ngân vọng tháng ngày.



Đây cảnh chia ly vừa hội ngộ  
Cảm thông, hoan-lạc tận bao giờ ?  
Đây niềm giao cảm qua hơi thở  
Vũ trụ chìm trong thế-giới Thơ

Đây phố phường say ngày Đại-Hội  
Hát ca vang dội khắp đô-thành  
Đây đàn con dại về bên gối  
Lòng Mẹ bao la bát ngát tình

Đây nước Sông Hương ngừng đứng lại  
Soi hình Phật-Đản những năm qua  
Đây đoàn rước Phật đi đi mãi  
Mạch sống dâng cao khắp nước nhà

Đây những sen xinh bùng nở mạnh  
Mừng Ngày Phật-Đản thuở xa xưa  
Đây đàn chim dại vừa tung cánh  
Sắc nước, trời xanh lảm đợi chờ

Đây lá cờ thiêng hồn Phật-Giáo  
Năm màu sắc Phật lộng muôn phương  
Đây hương lòng thoảng thềm tôn-giáo  
Phật-Đản, ngày vui khắp nẻo đường.

HUYỀN-KHÔNG

# CHỮ'



Đây là mẫu vận đầu tiên trong 12 mẫu vận của Phạm-tự, là chữ thứ nhất trong 50 tự môn. Trong Phạm-tự, chữ này làm gốc và đứng đầu mà có ra các chữ khác. Kinh ĐẠI-NHẬT số cuốn VII có nói: «Chữ A là căn bản của tất cả giáo PHÁP. Phạm ở miệng nói ra, đầu hết khi nào cũng có tiếng A; bỏ tiếng A thì không có hết thầy lời tiếng, nên nó là mẹ của các tiếng

khác». Cũng trong Kinh ấy ở cuốn XII lại có nói: «Chữ A là chủng tử của tất cả tự môn khác» Bộ LÝ-THỨ cũng nói: «Chữ A là nghĩa Bồ-đề-tâm, đứng đầu tất cả các chữ».

Những lời giải thích trên đây đã cho ta hiểu đại khái nghĩa của chữ A: đứng đầu và làm căn bản của âm thanh văn tự, do đó, nghĩa lý của nó đứng đầu và làm căn bản của tất cả giáo pháp, của tất cả tự môn, lại biểu trưng cho bồ-đề-tâm: tâm đứng đầu tất cả, tối thắng hơn tất cả, làm căn bản cho tất cả.

Do đó, chữ A có rất nhiều nghĩa, nghĩa là biểu-trưng cho rất nhiều pháp nghĩa: Có chỗ nói chữ A có một trăm nghĩa, có chỗ nói chữ A có bảy nghĩa. Một trăm nghĩa rất rộng, nhưng ít nhất ta cũng phải biết bảy nghĩa của chữ ấy. Bảy nghĩa của chữ A biểu thị là những gì?

- 1°) Nghĩa Bồ đề tâm.
- 2°) Nghĩa pháp môn.
- 3°) Nghĩa bất nhị.
- 4°) Nghĩa pháp giới.
- 5°) Nghĩa pháp tánh.

6°) Nghĩa tự tại.

7°) Nghĩa pháp thân.

Nghĩa Bồ đề tâm là chữ A phát sinh tất cả tri giác.

Nghĩa pháp môn là chữ A thông đạt tất cả pháp nghĩa.

Nghĩa bất nhị là chữ A biểu thị thể tánh bất nhị.

Nghĩa pháp giới là chữ A phát sinh tất cả các pháp.

Nghĩa pháp tánh là chữ A biểu thị thể tánh chân như.

Nghĩa tự tại là chữ A đầy đủ tất cả diệu dụng.

Nghĩa pháp thân là chữ A biểu thị pháp thân của Phật.

Tất cả nghĩa lý này kết luận rằng chữ A là căn bản của tất cả. Cho nên trong Mật Giáo (một bộ phận của toàn bộ Phật Pháp), chữ A là căn bản nghĩa, căn bản nghĩa ấy là « bản bất sanh ». Bản bất sanh có hai ý :

a) Bản tánh vốn có, không phải nhân duyên mới phát sinh. Chính vì bản tánh vốn có, không phải nhân duyên mới hòa hợp phát sinh, nên chuyển thành nghĩa thứ hai là :

b) Đương sanh bất sanh, nghĩa là vì bản tánh vốn có nên nhân duyên phát sanh mà thật không thật sanh, nghĩa là không phải tự sanh, tha sanh, cộng sanh, và vô nhân sanh.

Vì nghĩa chữ A là như thế, nên kinh ĐẠI-NHẬT cuốn II đức Phật có dạy : « Căn bản của giáo pháp chân ngôn là chữ A, nghĩa là tất cả pháp vốn bất sanh ». Và để chúng-sanh biết cái nghĩa « tất cả pháp vốn bất sanh » ấy nên chư Phật Thế-Tôn dùng chữ A để biểu thị.

Cách đọc chữ A lại có chuyển biến. Đọc là **ā** là tiếng chánh, ý nghĩa như trên đủ giải thích. Nếu đọc là **à** là tiếng đọc dài, tiếng phụ chữ **ā**, ý nghĩa là tất cả pháp

tịch-tịch (Kinh-Kim-Cang Đảnh nói), xa lia ngã chấp (Kinh Văn-Thù-Vấn nói), tự lợi, lợi tha (Kinh Đại-Trang-Nghiêm nói) thật hành hạnh Như-Lai, là Kim-cang tam-muội (Kinh Đại-Nhật-Sớ nói). Tất cả pháp tịch-tịch là giải-thích bằng chữ **aranya**, xa lia ngã chấp là giải-thích bằng chữ **atman**, ngoài ra, lại do chữ **akasa** mà giải-thích là « không », do chữ **arya** mà giải-thích là « Thánh-giả » (vô lậu).

Ngoài chuyển ngữ ra, tùy chữ A đứng đầu mà các tự môn khác thành diệu nghĩa vô tận. Như chữ **Ahum** (a hồng) làm căn bản của hết thấy âm thanh: a là tiếng khai, hồng là tiếng hợp, tất cả âm thanh đều qui nạp về hai tiếng khai hợp ấy. A là chủng-tử của Đức Đại-Nhật-Như-Lai, Hồng là chủng-tử của Đức Kim-Cang Tát-Đỏa.

Bộ TẤT ĐÀM TAM MẬT SAO nói: hai chữ A Hồng là tiếng ra và vào, tức là tánh đức của tất cả chúng sanh. Tánh đức ấy đủ nghĩa tự-chứng, nên gọi là A và đủ nghĩa hóa-tha nên gọi là Hồng. Hằng sa diệu đức đều bao gồm trong hai tiếng ấy. A là tiếng đuổi căn bản: nhất tâm đuổi ra, phổ biến cả pháp giới; Hồng là tiếng rút ngành ngọn; pháp giới rút vào, nhiếp tàng nơi nhất tâm. Do nghĩa đó, A là nghĩa Bồ-đề, Hồng là nghĩa Niết-bàn.

Chữ A chuyển ngữ vô cùng, chuyển tự vô lượng, thật là căn bản của tất cả âm-thanh và văn-tự vậy.

Bởi vậy, chữ A có bốn dụng sau đây:

a) Vì bản bất sanh nên có dụng « tức tại »: bản tánh tịch tịnh bất động;

b) Vì bản bất sanh nên có dụng « tăng ích »: đầy đủ hết thấy diệu đức.

c) Vì bản bất sanh nên có dụng «hàng phục»: hàng phục tất cả tội ác.

d) Vì bản bất sanh nên có dụng «nhiếp triệu»: thành tựu tất cả các sự.

Bởi chữ A ý nghĩa và năng lực như thế nên thuật ngữ Chơn-ngôn-tôn có câu «tâm bồ tâm». Ý nói chữ A là tượng trưng tâm tánh, bồ khắp tâm tánh hành giả (Nói một cách khác): tâm tánh hành-giả tu hành gì cũng là chữ A. «Tâm bồ tâm», nghĩa ấy cũng gọi là «A tự bồ tâm» (chữ A bồ khắp tâm tánh), hoặc gọi tắt là «tâm tâm» (tâm tánh phổ biến tâm tánh).

Đã nói tâm tánh phổ biến tâm tánh, nghĩa là tâm tánh hành-giả thật hành gì cũng là pháp môn tâm tánh mà tượng trưng bằng chữ A, vậy cách thật hành chữ A như thế nào?

Hành giả quán nơi tâm của thân mình một vầng trăng sáng tròn, trong vầng trăng ấy quán một hoa sen trắng nở có tám cánh, trên đài hoa quán chữ A sắc vàng. Nghĩa là ngoại trừ hoa sen trắng 8 cánh ra, quán y như kiểu viết trên đề bài. Tại sao quán như thế? Nghĩa là như thế có ý nghĩa gì?

Vầng trăng tròn là tượng trưng cho trí, chủng-tử của trí là chữ A. Cho nên nghĩa «bản bất sanh» của chữ A có lý có trí: trí-bản-bất-sanh là trí thể chứng lý-bản-bất-sanh, nên chủng-tử của Mặt Trăng Trí-Tuệ là chữ A. Nói như Hiền Giáo: vô-phân-biệt trí là trí chứng vô-phân-biệt-ý, mà thể của trí ấy là chân như tâm vậy.

Còn hoa sen tám cánh sắc trắng là biểu thị ý nghĩa gì?

Tâm của ta vốn tức là Bồ-đề-tâm, cho nên nơi tâm quán vầng trăng sáng trong có chữ A vàng. Bồ-đề tâm ấy tuy ở

phàm phu bây giờ bị ần khuất nhưng vốn đủ 4 diệu trí và 4 nhiếp-pháp (diệu-dụng của tri-tuệ), cho nên quán hoa sen 8 cánh là biểu thị rằng hệ Bồ-đề-tâm nhờ quán chữ A mà biểu lộ ra, thì đầy đủ 4 diệu-trí và 4 nhiếp-pháp, đại dụng vô cùng vậy.

Nói tóm, như thế nghĩa là trong Vòng Trăng Tri-Bản-Bất-Sanh vốn đủ 4 diệu-trí và 4 diệu-dụng của diệu-trí (4 nhiếp-pháp) mà biểu thị bằng hoa sen 8 cánh; trên hoa sen và trong vòng trăng quán chữ A là vi chữ A là thể tánh của Trăng Tri-Bản-Bất-Sanh vậy.

Quán chữ A như vậy có 3 cách :

- 1o) Tiếng,
- 2o) Chữ,
- 3o) Thực-tướng.

Nói là ba cách nhưng quán đồng thời. Cách quán như thế này : quán chữ A như trên đã nói, trong khi quán thấy « chữ » thì miệng theo hơi thở ra và vào mà đọc « tiếng » A, đồng thời ý nhiếp vào đó không rời; như thế vọng tướng tự trừ, chân trí tự sanh, « thực-tướng » hiển lộ vậy.

Hành giả quán — chữ quán nên nhớ là đủ tất cả các nghĩa quán-tướng, quán-chiếu, thật-hành, hiện-chứng, ứng-dụng — chữ A như vậy thì có thể được công đức của chữ A sau đây :

- 1o) Củng dường phụng sự,
- 2o) Phát bồ-đề-tâm,
- 3o) Đồng hội Bồ-tát,
- 4o) Lợi ích chúng sanh,
- 5o) Cầu được tất địa,
- 6o) Cầu nhất-thế-trí,
- 7o) Thật hành Phật tâm.

«Phật tâm» là chữ A, — Nói là «Phật tâm» hay nói là chúng-tử của Tri-Bản-Bất-Sanh, nói là chúng-tử của Đức-Đại-Nhật-Như-Lai cũng như nhau. Thật hành «Phật tâm» chữ A để cầu thành tựu, các pháp tất-địa, cầu thành tựu nhất-thế-tri-tri, thì kết quả có thể thật hành cũng đường (phụng-sự Tam-bảo, phụng-sự chúng-sanh), có thể phát minh trí giác bồ đề (chứng được Vô-Thượng-Chánh-Biến-Chánh-Giác, nghĩa là thành tựu 4 diệu-tri) có thể thật chứng Tịnh-độ đồng câu hội với các vị Bồ-tát) và có thể lợi ích chúng sanh (phân thân vô số cứu độ chúng sinh, nghĩa là thật hiện 4 nhiếp-pháp). Như thế nghĩa là 7 năng lực của chữ A như trên, 4 thứ đầu là kết quả, 3 thứ sau là phương-tiện. Kinh ĐẠI-NHẬT có dạy: «Bồ-tát nếu muốn cúng dường phụng sự, muốn phát bồ-đề tâm, muốn cùng Bồ-tát câu hội, muốn đại lợi ích chúng sinh, muốn cầu các pháp tất-địa, muốn cầu nhất-thế-tri-tri, thì đối với «Phật tâm» (chữ A) phải siêng năng tu tập»

Ấy vậy, tự thể chí chung của sự tu-hành (phát tâm, tu hành, chứng quả, lợi tha) đều là chữ A, đều do năng lực chữ A tác thành, nên chữ A là căn-bản của tất cả giáo-pháp vậy.

*Nói tóm tắt, căn-bản nghĩa của Phật-Pháp là «bản-tánh bất sanh»; «bản-tánh bất-sinh» ấy là chữ A nói theo Mật-Giáo, là Bồ-đề-tâm nói theo Hiền-Giáo. Bồ-đề-tâm có lý có trí, trí bồ-đề (tri-bản-bất-sanh) là chứng lý chân như (lý bản bất sanh); lý tri-bản-bất-sanh ấy biểu thị bằng chữ A vậy. Đó là đại nghĩa của chữ A.*

*Sự tu chứng là lấy Tâm tu chứng Tâm, nghĩa là tri bản bất sanh tu chứng lý bản bất sanh. Mà bản-bất-sanh-tánh là chữ A, cho nên chữ A là bản-tánh bất-sanh của chúng sanh, là tâm pháp vô-thượng của chư Phật.*

*Chữ A quả là CĂN-BẢN-NGHĨA của PHẬT-PHÁP vậy.*

釋尊寶誕恭紀

中天調御應金身影現珠  
光坐剎塵不二佛生還  
自訃雙融權實向誰分慈  
悲普利開三五吏理全  
提說假真劫數應疾難盡  
紀歆彰果海要隨因

庚子年乾月

碧峯拜題



## **Thích - Tôn Bào Đản**

### **Dịch âm**

**T**RUNG-THIÊN Điều-ngự ứng Kim-thân  
Ảnh hiện Châu-quang tọa sát-trần.  
Bát-nhị Phật, sanh, hoàn tự tín.  
Song dung quyền, thiết, hướng thùy phân.  
Từ-bi Phổ lợi khai tam, ngồ.  
Sự lý toàn đề thuyết g'ò, chân.  
Kiếp số ung tri nan tận kỷ.  
Dục chương quả hải, yếu tùy nhân.

### **Dịch nghĩa**

*M*ột đóa Ưu-dàm hiện giữa trời.  
Mười phương đều hiện khắp nơi nơi.  
Phật, sanh chẳng khác, vì tiêu tướng.  
Quyền, thật gồm thâu, khó cạn lời.  
Thuốc đủ phương, thang mà chữa bệnh.  
Cửa chia Chơn, Tục cũng theo thời.  
Mừng ngày Khánh-đản còn riêng chạnh.  
Bề quả, nguồn nhơn, cách dặm khơi.

**BÍCH-PHONG**

# ÁNH MẮT

## TÙ - IBI

Chuyện ngắn của Tàn-Xuyên

«Kiến Phật liễu sanh tử»

**B**UỒI sớm mùa đông nhất vùng, có thể làm thỏa  
ấy, tiếng guốc của Sudas vang  
lên một âm thanh mồn mồn,  
ngái ngái trên sườn đồi hẻo  
lánh. Với chiếc gàu tưới trong  
tay, Sudas rào bước cửa hát  
thì thầm, tiến về phía dòng  
suối dưới chân đồi. Sudas mỉm  
cười khoan - khoái, nghĩ đến  
những luống hoa đang chờ  
đợi những gàu nước mát sau  
một đêm đông dài.

Anh ta đến đây lập nghiệp  
từ bao giờ, không ai hay biết.  
Chỉ biết Sadas sống cô độc  
trên đỉnh đồi, và hoa của  
Sudas bán là thứ hoa tốt

Đồi hoa của Sudas ở biệt  
lập, suốt năm không hề một  
người du khách đặt chân. Và  
thành thị gặp Sudas mỗi tuần  
một bận, khi anh ta đem hoa  
bán đê đồi lấy những nhu  
cầu cần thiết. Ngoài những  
hôm ấy ra, quanh năm thui  
thui trên ngọn đồi vắng vẻ,  
Sudas sống một cái đời ở  
ngoài cuộc đời.

Ngày ngày chăm bón những  
luống hoa, sáng tưới nước,

trưa che nắng, chiều bắt sâu, Sudas tự mãn với công việc ấy. Đê làm gì? Đê hoa tốt. Tốt đê làm gì, đê bán. Bán đê làm gì, đê mua lương thực. Đê làm gì nữa? . . . Rủi thay và may thay, Sudas chẳng bao giờ tự đặt những câu hỏi ấy. Đầu óc giản dị của anh ta chỉ chú đến một việc: trồng hoa, Sudas sống không vui không buồn, không sở thích, không đam mê. Hoa của anh là cứu cánh và cũng vừa là phương tiện. Những luống hoa anh đã chăm bón hằng ngày với tất cả triu mến và say sưa, đến cuối tuần cũng chính anh ta sẽ cắt bó thành bó đê đem xuống thành thị làm vật đổi chác. Rồi một thế hệ hoa mới lại được nâng niu và sẽ cùng chung số phận như những luống hoa đã đi qua...

Sudas đứng dừng lại bên bờ suối. Mặt nước xao động, và những đợt sóng như những bàn tay mềm đang từ từ xóa

những dấu chân Sudas in trên cát. Chưa bao giờ mặt nước ban mai lại xao động như hôm nay. Sudas khẽ rùng mình, Linh tính báo cho anh ta một việc gì khác thường sắp xảy đến. Lập tức, Sudas vội gàu nước xuống suối đê lấy nước. Nước băng giá tung tóe vào mặt, vào tay anh. Sudas không kịp cảm thấy giá buốt. Anh nóng lòng muốn thấy lại các luống hoa và vội rảo bước lên đồi. Lá úa phủ đầy lối đi, và cây cối phô bày bộ xương thiêu não của mùa đông. Đêm qua hẳn gió thổi nhiều, và biết đâu lại không có bão táp. Bão! Sudas giật mình, bước chân lên đồi hoa. Nhưng kìa! Đã đến chân đồi, mà sao những giò hoa thắm sắc vẫn mắt hút tâm dạng? Sudas hoảng hốt bước lên thì... Chao ôi, cả một vùng hoa đã rạp nát dưới bùn lầy, không còn lấy một giò ~~hoa~~ tươi tốt. Đêm qua đã có bão thật rồi! Cả một sự nghiệp

đồ nát, một công trình tan vỡ!  
Thiên nhiên đã phá mất của  
ta tất cả lẽ sống còn. Thần  
thờ, thiêu náo, Sudas bước  
những bước chênh - choáng  
xuống sườn đồi thoải thoải.  
Anh ngỡ mình đang ở trong  
một cơn mơ không lành. Có  
lẽ nào! Những luống hoa tươi  
vừa mới hôm qua đầy hứa hẹn  
một buổi chợ đặc hàng, thế  
mà chỉ qua một đêm... Sudas  
quẩy lui và nhìn lại một lần  
cuối đề biết chắc rằng mình  
không mơ: Đây, ở nơi đã  
vươn lên những chồi hoa mập  
mạnh, bây giờ là một khung  
trời mờ nhạt, lạnh-lùng...

Sudas xuống đồi đi lang-  
thang, lòng buồn hơn cả trời  
đông. Men theo dòng suối,  
anh đi mãi không mục - đích  
và mặc cho ngọn gió buốt làm  
cho tay và mặt anh tê cứng.  
Anh đã đến biên giới của  
miền hoang-vu. Qua một công  
thành, anh sẽ bước vào một

thế-giới của Đô-thị náo-nhiệt,  
Sudas dưng chân, hoang mang.  
Nhưng lạ kỳ chưa, dưới chân  
thành, trong hồ sen tàn úa của  
tiết-đông, anh bỗng bắt gặp một  
đóa hoa sen đang vươn lên, đơn  
chiếc. Đóa hoa trắng muốt và to  
lớn một cách dị thường. Anh  
chưa hề thấy một bông sen to  
như thế cả đến trong những  
mùa sen nở. Thế mà giờ đây,  
đang giữa mùa đông, đóa hoa  
vươn già ấy lại xuất hiện  
trong một hồ sen công cộng!  
Sudas mừng rỡ lội xuống hồ  
bể. Anh cầm chiếc hoa sen đi ra  
công thành, định bán để mua  
lại một ít đồ ăn lót dạ. Nhưng  
bỗng Sudas chóa mắt khi thấy  
bao nhiêu người đều đổ xô đến  
anh ta và tranh giành nhau để  
mua đóa-hoa. «Ta phải bán nó  
với một giá thật đắt». Sudas  
nhủ thầm trong khi khách mua  
mỗi lúc một đông và giá trả  
đang lên như điều gặp gió.  
Sudas làm cao, từ chối tất cả  
các khách hàng: — «không

bán cho ai hết. Tôi sẽ đem  
bán cho nhà vua»

Khách mua lãng xa, bằng  
lòng nhường để bán cho nhà  
vua vì họ đều biết rằng vua  
cũng sẽ mua đóa hoa quý ấy  
để cúng dường đức Phật đang  
thuyết-pháp trong vùng.

Sudas đi đến kinh thành  
nhưng một hành khách sang-  
trọng dừng bước anh ta đòi  
mua cho kỳ được đóa hoa với  
một giá chưa từng có: hai trăm  
quan tiền vàng. Sudas gần  
muốn điên lên vì sung sướng.  
Hai trăm quan! Cả một đời  
hoa tươi tốt của anh ta cũng  
chưa bao giờ bán được với giá  
ấy. Và vì lòng tham không hề  
lùi bước, anh ta quyết đem bán  
cho nhà vua thật. Nhưng  
Sudas không phải nhọc công  
đi vào kinh thành, vì kia, đức  
vua đã ngự đến. Về giản dị  
của ngài vẫn không làm giảm  
cối cách cao sang. Ngài đứng

dừng lại, ôn tồn bảo hành  
khách:

— Nay du khách, người có  
thề nhường cho ta mua đóa hoa  
này chẳng? Để ta đem đến  
dâng cúng đức Thế-Tôn

Cúng như những người  
mua trước, du khách bằng  
lòng và bỏ tiền vào túi rảo  
bước. Nhà vua nói với Sudas:

— Người sẽ bán đóa hoa  
cho ta với giá gấp đôi giá hành  
khách kia đã trả, được chứ?  
Sudas ngẫm nghĩ. Đức Thế-  
Tôn là ai? nhưng chắc hẳn  
phải là cao sang và giàu có  
hơn nhà vua này. Thế nên mọi  
người, cả đến nhà vua, mới  
hăm hở mua hoa để dâng Ngài  
như thế. Tại sao ta lại không  
bán cho chính đức Thế-Tôn  
ấy? Ta sẽ giàu to chuyển này.

Và Sudas từ chối nhà vua:

— Tâu ngài tôi sẽ đem hoa

này bán cho Đức Thế-Tôn  
Xin ngài vui lòng chỉ dẫn cho  
tôi ông ấy hiện ở đâu?

Nhà vua vui lòng chỉ lối đi.  
Sudas rảo bước về Tịnh-xá,  
nơi Đức Phật đang tĩnh tọa  
đề đợi giờ thuyết-pháp cho  
Tăng sĩ,

Sudas đã đến cõi thanh bình.  
Đây là vườn Cấp-Cô-Độc,  
người đã cúng Phật khoảnh  
đất để làm thuyết-pháp.  
Tuy là giữa mùa đông mà  
lá cây xanh rờn, khắp không  
trung bằng bạc một mùi hương  
thanh tịnh. Sudas bỗng lạnh  
người .. Dưới gốc cây, Đức  
Phật đang ngồi, uy-nghiêm,  
chói lợi. Sudas đứng dừng và  
toan lùi bước. Nhưng Đức

Thế-Tôn đã nhìn thấy Sudas ..  
Ánh mắt từ-bị! Ôi, cả một  
đại dương mà tình thương  
không chứa đầy đôi mắt ấy!

Sudas từ từ tiến đến Đức  
Phật, bao nhiêu tham lam hèn  
hạ đã tàn biến đâu mất. Sudas  
quỳ xuống, dâng đóa hoa lên  
cúng dường. Đức Thế-Tôn nở  
một nụ cười hiền dịu nhìn  
Sudas. Ngài đã biết tận can  
phế của đứa con yêu và dịu  
dàng sẽ hỏi:

— Con muốn gì nữa?

Sudas cúi đầu ấp úng:

— Bạch Ngài, con muốn  
hôn chân Ngài.

TÂN-XUYEN

Đọc và cổ động Liên-Hoa nguyệt-  
san tức là góp phần bảo vệ chánh-  
pháp, xây dựng chánh-tín, đạo-đức  
cho đồng - bào dân tộc.

# M Û A S E N N Ô<sup>1)</sup>

của TÂM-HƯƠNG

**A**l đã từng lưu học tại Huế, chắc không sao quên được mùa sen.

Sắp đến kỳ thi, một buổi sáng mai nào đó, đi học ra khỏi cửa thành, bỗng nhiên dừng bước lại. Trời xanh cũng như hôm qua, nắng mai cũng như hôm trước thấp ánh vàng lên lầu chuông «Thượng-Tứ» và tiếng xe đạp, xe hơi vẫn rộn ràng vang lên trong im lặng ban mai. Không có gì khác lạ. Nhưng ta vẫn ngần ngại. Một mùi hương tinh khiết phất phất đâu đây. Cúi mặt nhìn xuống hào thành mới biết «Ả ra hoa sen đã nở rồi!» Đỏ, trắng chen nhau, nhụy vàng, lá xanh, nước biếc; màu sắc giản dị, không có một chút gì hào nhoáng loẹt loẹt. Còn mùi hương thì êm dịu, nhẹ nhàng làm cho ta phải nhớ đến cảnh thanh-tĩnh của đồng quê một chiều trăng lên sớm, của các đền đài lẫm tẫm, thành thất trang nghiêm, hay một cõi lòng không vướng ưu tư.

Sen đã nở rồi!

Cùng một lúc với phượng đỏ thêu duyên trên con đường nhựa đến trường Khải-Định, hoa sen đã rắc hương tinh khiết vào các tâm hồn ngây thơ đang độ nở dưới trời xuân. Hoa phượng nhắc cho ta: các kỳ thi đến nơi rồi đó «Ve ve kêu sang sàng như tiếng đọc bài dưới nắng hạ», và cũng sắp đến ngày chia ly với bạn bè thân mật dưới mái trường quen thuộc thân yêu. Màu đỏ thắm tươi ấy, vừa là màu hy-vọng, vừa là màu đau khổ, khiến cho một thi-sĩ đau thương đã thốt ra câu:

Sao bông phượng đỏ như màu huyết

Đỏ xuống lòng tôi những hạt châu?

Trái lại hoa sen báo tin: Từ đây đã hết rét mướt rồi, đồng quê với gió nam dịu, với tiếng sáo diều sẽ mở lòng bạn. Bóng im các cây cỏ thụ bên sân chùa lặng-lẽ, bến nước trắng lên, giếng làng sương đọng, bầu không khí yên lặng êm đềm, quen thuộc từ tấm bé thơ với mùi hương sen dịu sẽ là nơi ta tạm yên nghĩ để

hồn hoa theo với cánh vật và cảm thông với sự thật nhiệm mầu.

Nhất là với tuổi 18, 20, bỡ ngỡ với đường đời vạn ngã nhiều hoa; Hồng khoe thắm n, cúc đua vàng, đào cười với hạnh, thì hoa sen trong trắng, tượng trưng hồn không gợn bùn nhơ, sẽ là đóa hoa dẫn đường cho ta trong vườn đời đầy gai gổc.

Cho nên không gì làm cho tôi cảm động ngày rời khỏi nhà trường trong mùa sen nở. Nước sông Hương, trên bến đò « Thừa-Phủ » hôm ấy tôi thấy trong hơn, và như chờ bớt lo nghĩ vẩn vơ mới chớm dậy trong hồn sắp rời khỏi bạn thầy, sách vở. Mùi hương sen thoảng bắt được bên hào thành như còn đọng lại đầu đây, theo dõi mãi người học sinh trên đường từ giả.



Năm lại qua năm.

Cuộc đời vật lộn, cuộc đời tranh đấu, làm cho lòng người khe khắt, co-nhúm lại, tự trói mình trong vòng ích-kỷ quanh quẩn trong bản-ngã hẹp hòi để mưu sinh, tôi thấy hình như cần phải sứt đá hơn lên mới sống còn được. Thêm vào đó, ảo ảnh hào nhoáng của phồn hoa, tôi đi, than ôi! từ lối làm này đến lối làm khác, mãi theo màu, theo sắc, theo dáng, theo hình... trong lúc :

Sen nở rồi lại tàn, tàn rồi lại nở...

Tôi có bao giờ để ý đến mùa sen nữa. Lặn lội trong bùn đục-vọng, dầm đuối trong xác thịt đênh cuông, đường danh, ngã lợi, tôi còn bao giờ thấy vùng trời trong sáng đang soi xuống lòng sen. Cho đến ngày bùng một cái, khói lửa bốn phương trời ngất dậy, hoa xương, hoa máu (màu phượng với màu sen) rơi rụng khắp non sông. Đâu cũng thấy lệ, thấy khổ, thấy đau; đau cho có vô tri đến đau, người ta cũng phải bắt đầu tỉnh mộng. Lúc đó, ai ai cũng nhận thấy phần nào chân lý trong lời Phật dạy : « Nước mắt của chúng sanh nhiều hơn nước bể Đại-dương »... Lúc đó, mỗi người chiến đấu với khổ đau một cách, nhưng cũng, không ngoài mục đích diệt cái khổ do tham, sân, si, của lòng người đã tạo lên.



Một mùa xuân nào đó, trở về thành phố, lang thang lên phía nhà ga Quảng-Trị, đến một ngôi nhà đồ nát, tôi bỗng gặp lại mùi hương trong sạch. Giữa cảnh hoang tàn, trên bờ hồ nước biếc. Vẩn nhựt vàng, dài trắng, lá xanh... Những câu thơ trong cuốn sách « Tập đọc » đầu tiên tự nhiên trở về trong trí :

Trong đầm, gì đẹp bằng sen,  
Lá xanh bông trắng lại chen  
nhị vàng.



Tôi nghe reo lên trong trí tôi, nắng vàng đem bông trên ngọn lúa ngày mùa, len lỏi vào hồn tôi, mùi vị hương sen bên các đình chùa thời bé và những kỷ-niệm hoa sen ngày học-sinh cũng sôi nổi trở về. Tôi thấy rằng, dẫu trụy lạc bao nhiêu, nên tin tưởng ở một cái gì trong trời, sâu xa, tự nhiên của con người vẫn chưa mất hẳn ở trong mình, và còn có thể đợi chờ, mong mỏi...

Cho đến khi ánh sáng Từ-Bi của đức Thích-Ca Mâu-Ni soi sáng tâm hồn quần quai của tôi, thì mùa sen đối với tôi là một mùa đầy ý-nghĩa. Tôi được biết rằng, một mùa sen cách đây hơn 2500 năm, tại một vườn hoa thành Ca-Tỳ La-Vệ ở Ấn-Độ, một hoa sen đẹp đẽ nhất, tinh khiết nhất, đã nở để rải hương trên khắp trần gian để làm gương mẫu cho tất cả chúng-sinh, để làm nở trong tất cả tâm hồn một niềm tin tưởng trong sạch thanh cao.

Mùng-Tám tháng Tư, trong mùa sen nở, là ngày đức Thích-Ca Mâu-Ni ra đời, để chỉ cho nhân loại một con đường giải-thoát khỏi khổ đau Và Đạo của Ngài cũng mệnh danh là đạo Hoa-Sen, vì đã đem lại cho chúng-sanh một lối sống như sen gần bùn mà vẫn vươn mình lên

ánh sáng để tỏa hương khắp bốn phương trời.

Từ đó nhân-loại khổ đau đã có một con đường để đi, một Người để dẫn lối.

Từ đó năm năm sen tàn rồi lại nở...

Nhưng sen tàn ở ngoài hồ, lại nở ở trong lòng người để ấp ủ hương sen. Nên một độ sen về, một lần lễ Phật, mừng Tám tháng Tư, ngoảnh lại con đường đã đi, ai cũng có thể nhận thấy rằng, ta đã bước được một bước nào khỏi mặt bùn lầy lội đang giam cầm trí huệ của con người.



Mùng-Tám tháng Tư, mùa sen bắt đầu nở... mùa lúa chín mùa nắng vàng, mùa hoa kết trái, và bước thoát khỏi kén tơ chặt hẹp, tung bay phất phới khắp cỏ cây. Muôn vật đều ca tụng một ngày tươi đẹp trong lịch-sử vũ-trụ. Sao ta nở đứng đưng?

Trước dãi sen, hướng về Tam-Bảo, ta hãy lắng mình một chút, để thoát khỏi, dẫu trong giây phút, hình hài nhỏ hẹp, cho tâm trí hòa với bản nhạc chung cùng đang trôi dạt dưới hương: tinh-khiết bác-át và Từ-Bi.

TÂM-HƯƠNG

## Một ý niệm về

# THUYỀN-TÔN

DANH từ Thuyền-tôn do chữ Phạn «Dhyana» mà ra, nghĩa là tham thiền, trầm tư mặc tưởng. Nhưng trong trường hợp chúng tôi nói đây Thuyền-tôn không hẳn là môn phái chú trọng sự tham thiền mà lại là một phương pháp «trực tâm chỉ tánh» mục đích khai triển cái trí huệ nơi người tu thuyền để ngộ đạo.

Phái Thuyền-tôn này (1) rất đặc biệt trong lối tu hành không căn cứ vào văn tự kinh sách gì cả, mà chỉ dựa ra những phương pháp tu tập bằng đàm thoại và trực giác.

Thuyền-tôn luyện cho con người tự mình không Thầy không sách có thể thành Phật ngay trên đời này nhờ ở cái ý chí nội tâm của mình. Lý tưởng của Thuyền-tôn là sống một đời sống giản-dị, làm chủ lấy mình và thực hiện những «đức-tánh bí-mật» tức là những đặc điểm của lẽ lối đạo đức trong Thuyền-tôn. Những đức tánh bí mật đó có nghĩa là «làm việc thiện mà không cần mong đợi một sự tưởng thưởng nào của người khác, hay nơi mình bằng tư tưởng, tự lấy làm mãn nguyện». Người Thiên-chúa-giáo cũng biểu lộ một cảm niệm tương tự khi họ thốt ra câu «Xin tuân ý Chúa». Thí dụ: một đứa bé rớt xuống sông ta liền nhảy xuống vớt nó lên. Thế là xong. Ta không còn nghĩ gì đến đó nữa. Ta cứ theo con đường ta đi, không trở lui, không nhớ rằng ta vừa mới cứu xong đứa bé. Thiên nhiên cũng hành động như thế: Một đám mây thoáng qua, xong rồi trời lại quang đãng; không có gì là công đức trong đó cả. Đây là điều mà Thuyền-tôn gọi là «hành động không công-

đức». Người ta ví hành động đó như việc làm của người lấy tuyết đổ vào giếng. Khác với Thiên-chúa-giáo, Thuyền-tôn không muốn con người mất thì giờ cầu nguyện và ép xác để mong khỏi tội. Người tu thuyền không có ý muốn thoát tội, ý muốn đó là ích kỷ, mà tu thuyền cần phải tránh khỏi mọi ích kỷ. Người tu thuyền có nguyện vọng cứu thế giới khỏi tội lỗi, còn tội lỗi của mình thì không thiết đến, vì biết rằng chúng nó liên-hệ với bản tánh của mình. Người tu thuyền là người mà ta có thể nói «khóc cũng như không khóc, vui mừng cũng như không vui mừng, xử dụng mọi vật ở đời cũng như không xử dụng».

Khi Chúa Ki-tô nói: «Hãy chớ để tay trái của người biết tay phải làm việc thiện», điều đó cũng thích hợp với cái đức tánh kín nhem của Phật-giáo, nhưng khi Ông nói thêm: «bởi vì Chúa Cha thấy người mà người không thấy đặng sẽ thưởng cho người» thì Phật-giáo và Thiên-chúa-giáo lại xa nhau hẳn. Nếu anh còn tin rằng có một kẻ nào đó, Thần hoặc quỷ, thấy anh làm việc thiện thì Thuyền-tôn sẽ nói với anh: «Anh chẳng phải theo chúng tôi». Vì đấy không phải là «hành động không công đức», nó còn để lại dấu vết, di tích. Áo quần đẹp là thứ áo quần không thấy đường may. Chúng ta không mong mỗi gì cả, nơi Trời hay chính ngay nơi lương tâm của ta.

Lý tưởng Thuyền-tôn không khác gì ngọn gió kia đem lại mát mẻ cho chúng ta và chúng ta nghe nó réo rắt mà không thể nói rằng nó từ đâu đến và sẽ đi đâu. . . Cũng như người Phật-tử chúng ta khi tu hạnh bố thí không biết mình cho, không biết cho ai, không biết cho cái gì.

Ngài Lão-Tử cũng diễn đạt cái trọng thái tâm hồn ấy: «Tôi để cái tâm trí tôi mơ màng tùy thích, tôi không còn phân biệt cái gì là của tôi, cái gì không phải của tôi, tôi không còn phân biệt những cái tôi được, những cái tôi mất, tôi không biết

Lao-Sơn là thầy tôi, hay là Bạch-Cao là bạn tôi. Tôi đã hoàn toàn biến đổi. Lúc đó, mọi giác quan đều đồng nhất với nhau, trí tập trung lại, con mắt trở thành như lỗ tai, lỗ tai trở thành như lỗ mũi, lỗ mũi trở thành như lỗ miệng. Mọi hình dáng đều tan rã, xương và thịt đều biến thành nước. Tôi ở đâu? Chân tôi bước đi đâu? Tôi đi hờ hững như gió mát, qua đông hay qua tây, không khác gì ngọn lá lia cành. Gió đang mang tôi đi, hay là tôi đang mang gió đi?».

Mọi ước nguyện của lòng đều bay biến cả, mọi tư tưởng, vô ích cản trở sự sanh hoạt đều biến mất. Những hiên-giả đều nghèo nàn không có gì cả. Bởi vì đạm bạc nên họ biết thưởng thức hoa Xuân, trăng Thu. Mục đích của phương pháp Thuyền-tôn là đạt đến một trạng thái «bất hoạch» (nghĩa là không thu nhận gì cả). Điểm chính là làm cho con người nghèo nàn nhu-mi, hoàn toàn thanh khiết. Trí thức chỉ là một thêu hoạch hời hợt, một «phù hoa và gió chợp» làm cho con người trở nên kiêu hãnh. Cái trí cần phải được gạn lọc cho thật hết tất cả những cái gì mà thế kỷ này thế kỷ khác đã dồn dập lâu nay. Và lúc đó nó sẽ hiện ra minh bạch trống rỗng, tự do, và chân thành, nhờ vậy tim lại được sức mạnh nguyên thủy của nó, và như thế tức là một hỷ-lạc, một thứ hỷ-lạc mà người ta không còn thêm bớt gì vào được nữa. Chắc rằng những người tu về huyền bí đều đeo đuổi một mục đích tương tự như thế, nhưng trong Thiên-chúa-giáo người tin đồ vẫn đang còn một ý thức quá mạnh về vị Chúa Trời.

Thuyền-tôn nhắm tiêu diệt mọi ý thức về một vị Trời, cho đến có thể nói ra được rằng: «nhà người đừng nên chần chừ nơi đâu có Phật và nên lướt nhanh qua chỗ nào không có Phật.

(Viết theo *Essays in Zen Buddhism* của D. T. Suzuki)

**QUANG-ANH**

(1) Xin xem lại các bài «Phật tánh», «Đối Thoại trong Thuyền-Tôn» ở Liên-Hoa số 1 và 2.

# Hoa Trên Đường

của NGUYỄN THÁI

## I

CÁNH bướm non rực màu trong sáng. Buổi mai này bướm lượn khắp sân vườn.

Bướm đến tự đâu? con bướm đẹp trong ngày đầu tháng mới mùa tươi, ngỡ như đã thấy từ ngày nào xa trong xa dĩ vãng: con bướm ủ hoa mơ nơi giấc mơ trắng thời xanh tuổi mướt nhưng vàng.

Bướm đến tự đâu? vào giờ bắt chợt, nhẹ-nhàng khoác cánh réo gọi hồn hoa.

Ôi cánh bướm, sáng trời ngày mới. Đẹp hiện về rực-rỡ, bởi chết trong quên lãng, thoảng một chốc trở mình sống dậy. Đòi dâng cho tất cả sắc màu.

Nhưng niềm say đắm tiêu mòn trong quá vãng buổi non thơ. Vì đời dạy cho biết bọt biển tan, dạt tấp khắp lối ghềnh bờ bề. Như tâm hồn say đắm hôn mê cuộn vào lòng sóng kiếp.

Mất bướm trong. Cánh bướm cườm màu. Thân-bướm nhẹ trên lượn vòng tìm kiếm.

Ôi cánh bướm non!

Hoa không còn là hoa xưa nữa! Bởi hoa đã dâng hương rồi và hương trở về trời trong sáng.

Hoa không còn là hoa xưa nữa cánh bướm ơi!

## II

Con bướm non tự tự cõi vô-tình chợt về trong mùa mới.

Mỗi mùa mới sang, bướm rỡ-ràng sắc phấn, múa cho đời các gợn của hương hoa, trong khóm nắng dạt-dào linh-dộng.

Mỗi mùa mới sang. Con bướm theo sang. Con bướm đẹp trong những ngày tươi sáng.

Rồi một mùa mới sang. Con bướm không theo sang. Đậu một thời dưới chân hoàng-lạp. Rồi một thời bám chân hoàng-lạp. rồi một thời dán thân vào hoàng-lạp.

Triền miên màu đen cầu ánh sáng. Hoàng-lạp bưng lên xua bóng tối. Con bướm dâng mình cho hoàng-lạp.

Con bướm đẹp vô ngần vì con bướm thành ánh sáng góp vào ánh sáng trở về với Ánh-Sáng.

### III

Lá sim khô chợt thấy màu tươi ló vòng mắt biếc. Mùi vị xa ử hoài trong lãng-lặng. Một ngày nào bóp nát vật vô tri, vật biến thành hình đeo-dặng.

Hương không về qua khứu-giác. Lời không vang qua âm-thanh.

Tất cả nói năng bằng tri tưởng. Tri tưởng không chỉ là tưởng-tượng, mà chính là con đường in dấu hải đến tự trăm phương.

Ngày nắng đi rồi. Đêm trăng thoáng hiện. Mắt biếc trầy bước chân về lại, ngỡ đón, sẵn cười, ghé đợi chờ hội-ngộ, hồn thành thang mới-mẻ, hồn sẵn-sàng trao nhau.

Ngày nắng đi rồi. Như ngày nắng chưa đi. Bởi chờ hoài một buổi sáng.

### IV

Em là Niềm Yêu đến ngự trên thân chiều, tay đêm bàng hoàng rủ thõng trước bước đến của chân em.

Em là ai? Buổi chiều hỏi.

Em là ai? Trời đêm hỏi.

Em là ai? Là ai đã đem tâm tư lự hết các chiều ngang dọc. Tâm-hồn ưu lắng triền-miền, Tâm hồn lang-bạc bơ-vơ... Vương cánh em rồi thì lòng reo xao-xuyến, hương nguyên kin phủ, ngô đường hứa-hẹn, trời xa hé dần.

Em là Niềm Yêu đến ngự trên thân chiều. Em là Niềm yêu đến trời bóng đen đêm. Em là Niềm Yêu đem ý-nghĩa của ban ngày vào tia sáng đầu vĩnh-cửu.

Em là con Đường.

Em là hạt Ngọc. Hạt Ngọc đính-hòn trên nhẵn hện của triều trời Giải-thoát.

## V

Buổi sáng hôm đầu, giấc ngủ bỗng giật mình thức tỉnh vì một tiếng ồn ở tầng hạ. Hôm sau thì bắt đầu để ý đến cái thứ tiếng ồn-ào làm nao động này: tiếng của một trẻ em nói bâng-quơ nhưng lớn giọng.

Những hôm sau nữa, tự nhiên thích phân tích tiếng ồn ấy: tiếng bi-bo chu-chéo song nũng-nịu và an lành, một thứ tiếng ồn không như tiếng ồn cãi-cọ, không như tiếng ồn ở chợ đình, hay từu quán, không phải tiếng ồn của người lớn. Một thứ tiếng rỗng thơ đại, dễ yêu, trong vắt, nghe ở tiếng trong vắt đó những lời vô nghĩa mà kỳ thật rất nhiều ý-nghĩa, thứ ý-nghĩa gì không định được song cho ta một cảm-giác hồn-nhiên, tin-tưởng, chưa bợn mảy-may gì xáo đục, mur-mô. Trần đầy niềm vui dài, tin lớn.

Có những buổi sáng không nghe được tiếng bi-bo ngân vắng tự tầng hạ dấy lên thì thấy như thiếu một cái chi êm ở lòng. Có lẽ nỗi thiếu-thốn còn hơn cả sự thiếu-thốn một chén trà, một liều thuốc vào ban mai của các cụ.

Nỗi thiếu đó làm cho nhớ, cho mong. Nhớ mong đây âm-ấp.

Nhớ mong làm cho vọng tưởng, hình-thành ngay ở trí, em bé đỏ hồng-hào, môi ngọt-ngào chu-chéo hay bi-bo đời

hỏi, mắt sáng như tấm lòng trong, như hạt sương trong đọng trên cánh hoa nhưng.

Và tự-nhiên thấy yêu thương tha-thiết của quý-giá hồn-nhiên đó. Rồi đây có sự gì xảy đến làm đụng chạm của quý-mỏng-manh kia thì phải làm gì? chắc là phải bảo vệ đến tận cùng, bảo-vệ bằng tất cả tấm lòng thương mến dù đã héo hon già cõi trong muôn áp-lực của tâm-thường và đe-đọa.

Chỉ có thể tiếng trẻ em mới vang đầy khắp lối. Thứ tiếng bị lãng quên vì sự quan-trọng kịch-hề của những người muốn đi tìm một cái chi to-tát hơn cái bất dịch Chơn-như của tâm-hồn. Thứ tiếng kêu gọi phải thương yêu nhau trong đời. Thứ tiếng hồn-nhiên trong trẻ, dạy cho người lớn thế nào là hạnh-phúc và bắt người lớn phải biết giữ gìn của-cải quý giá kia và tiếng đó cứ vang lên như lời ca, giọng hát, vang dài và lớn rộng mãi hoài trong một niềm sáng rực, ngây-thơ và nhân-dạo.

## VI

Nếu một sáng mai nào mới mẻ, ưu tư đã chôn rồi trong đêm dài, người nghe một tiếng chim thanh hát ở vườn quanh lòng trở nên phơi phơi hồn nhiên, không gọn, không xáo, chỉ phẳng bình thanh-tịnh.

Nếu một đêm nào mệt nhọc trở về nhà, qua ngõ vắng chợt bắt gặp trong khoảng gió vô hình làn hương thơm ngào ngạt, người đứng lại hít tận vào lòng phổi hơi mát dịu thơm tho đó, ngỡ như hương sẽ thấm tận vào hết thấy giác quan, cơ thể, để cho người cũng thơm tho, bay biến như hương hoa.

Nếu một buổi nào, người có thể bình an pha ấm trà, bình an rót vào chén, bình an hớp giọng và đi theo chất nước xuống từ từ lan dần cơ thể, tâm hồn sáng khoái trong niềm yên lặng vô tư đề vọng về vĩnh viễn.

Nếu có phút nào người thấy hình người trong trẻo.



thiệt thà, bé bỏng phản chiếu trên đôi người em bé nhỏ hồng hào và quên đi mọi sự ác người đã dẫn thân.

Nếu có giây nào người thấy người không còn cứng cõi, man rợ, anh hùng, như tự bấy nay vẫn tưởng, song người tan biến như hơi mây, loảng dệu như bóng sáng lảnh trong dòng nước biếc theo giọng cười chắt phất ngày thơ của người con gái trắng trong.

Nếu có hôm nào lỡ dẫn thân vào bãi chiến, người chợt thấy ở đầu gươm hay họng súng bỗng nở lên hoa, tay người thả lời ngay khi giới, bàng hoàng chiêm ngưỡng và nếu quân thù xốc tới giết người, người lặng yên cười nụ cười bé bỏng và nghĩ rằng: cõi sống mới sao quá bình yên, thanh thoát, tại sao ta lại không chết như ta tưởng?

Nếu có lần nào lòng rộng mở trước bình sen nở đầy vào buổi sáng lúc người trang hoàng bàn Niệm, bắt giác người thấy chén nước cúng trên bàn sao trong mắt lạ thường, chén nước mưa hôm trước người múc ra, hôm nay thu hút điểm kỳ, càng nhìn vào càng yên-ả, càng thấy mình tan hòa trong chất nước và quên đi mọi nỗi nhọc nhằn, cảm dỗ, khổ đau.

Thì người hãy tự nói rằng: các phút giây kia, các hình tượng nọ là những thoáng trong muôn nghìn thoáng của bầu trời Giải-thoát, mà bỗng chốc, tuy ngắn-ngủi, người đã chứng được.

Người hãy tự nói rằng: Đó là những ảnh hình của chốn Vẹn Toàn!

## VII

Đêm kia tôi nằm mơ thấy gặp một người trông dễ mến như mọi người trong cuộc đời. Người ấy hỏi tôi:

— Phật là ai?

Tôi bèn thưa :

— Phật là Giác-ngộ, Phật là Vạn Toàn !

Người ấy lại hỏi :

— Đạo Phật là gì ?

Tôi đáp :

— Thưa, Đạo Phật là con Đường đi đến Giác-ngộ.

— Nhân thế có lắm đường, vậy con đường đó là con đường nào ?

— Thưa, con Đường nào mà ở đó ngài không còn thấy âm ảnh bởi hận thù và vô-minh, lòng ngài trong sáng trong niềm yêu mến tất thấy mọi gì gặp gỡ, thân ngài không còn bị nén dè bởi một sức lực nào cả, thanh-thời như làn hương ngát dầm vũ-trụ, biền biệt vào trời yên tịnh cửu trường. Giáo điều, đe dọa, cám dỗ, sức lực chỉ còn là trò chơi của trẻ nít dưới mắt ngài. Thưa, đó là con Đường.

— Ta muốn đến đó.

— Xin ngài hãy cứ đi !

— Nhưng bằng ngõ lối nào ?

— Bằng sự từ bỏ hết thấy mọi cám dỗ, liên hệ trói ngài vào trong cuộc sống quay cuồng này.

— Ta sẽ bỏ vợ con ta ?

— Không !

— Ta sẽ bỏ đất nước ta ?

— Không !

— Ta sẽ bỏ hết mọi hành động giúp đời ?

— Không !

— Thế là nghĩa làm sao ? Người bảo phải từ bỏ hết thấy

mọi cảm dỗ, liên hệ trời ta trong cuộc sống quay cuồng này kia mà ?

— Phải từ bỏ những gì trói buộc ngài trong cuộc sống quay cuồng, ích kỷ, thù hận, tham lam này. Người chưa Giác-ngộ lấy vợ con, dất nước, hoạt động làm điều hưởng lạc, riêng tư : họ quay theo dòng sống quay cuồng khổ ải. Kể thấy Đạo rồi, lấy mọi sự dễ hoán cải, lấy mọi sự trợ giúp cho hạnh cứu đời. Cũng thế, ngài không bỏ vợ con ngài, ngài không bỏ dất nước ngài, ngài không từ chối các hoạt động cứu trợ, bởi ngài đã không làm nô-lệ cho các điều đó, ngài chỉ phục vụ và chu toàn nghĩa cả ngài đang mang. Như thế ngài đã đạt đến con Đường.

Người ấy thốt lên một lời :

— Hay thay ! Quý thay !

Tôi cúi đầu đáp lễ và chiêm ngưỡng con người đang muốn bước lên Đường đó.



Sáng ra thức dậy, tôi không còn biết mình là người nào trong mộng ?

## VIII

Nàng có vẻ đẹp của những đám mây, vẻ đẹp của những con sóng. Song đấy chỉ là hình dáng bên ngoài. Vẻ đẹp thật của nàng rất ư trong sáng, dịu dàng, hiền hậu. Một vẻ đẹp mơ màng, xa vắng nhưng rõ ràng và toàn vẹn, chỉ hình dung được trong cảm giác mà thôi.

Có một người trẻ tuổi, cũng như bao nhiêu người trẻ tuổi trước kia, mê say vẻ đẹp kín đáo hồn nhiên này và công trình yêu đương của anh thực mặn mà, kiên nhẫn. Một hôm anh tìm đến gặp, như đã biết trước lòng ao ước của bao nhiêu người trẻ tuổi, nàng hỏi :

— Anh là ai ?

— Tôi giông dõi họ Lã, chỉ muốn làm việc lớn...

Nàng không nghe thêm, cúi đầu đáp lễ tạ từ và tránh mặt.

Người trẻ tuổi không còn thấy màu trời đất, anh quay cuồng vào cõi tối đen, đảo lộn. Thất vọng là tảng đá đè trên ngực, cuộc sống là hơi thở thoi thóp thiếp dần.

Tuy nhiên thời gian sẽ gội sạch phần nào sắc màu của kỷ-niệm loang lnh trong trí tưởng. Nỗi đau thương người dẫn song anh vẫn nhớ về đẹp nọ, lòng tự nghĩ có lẽ chỉ vì mình nghèo, không chức tước, danh phận, mà nàng từ chối chẳng. Anh bôn-ba học nghề lập nghiệp. Thời gian dài trong niềm mong chờ, anh kiên-nhẫn kiên-nhẫn...

Rồi một hôm trở lại, giờ này anh không còn là cậu trẻ ngây-thơ hôm trước nữa, anh bệ vệ như một nhà đại phú. Nàng lại hỏi :

— Anh là ai ?

— Tôi là nhà Kỹ-sư họ Lã, cai quản một khu kỹ-nghệ trùng-diệp, tôi có thể dâng hiến cho em tất cả những gì em muốn...

Nàng không nghe thêm, cúi đầu tạ-từ đáp lễ và tránh mặt.

Nhà phú gia tưởng như có tiếng sét bật phá trong lòng. Hừ! Có thể từ chối tất cả sự-nghiệp giàu sang của ta ư?

Anh suy nghĩ triền-miên. Cái mộc-mạc, hồn-nhiên, đơn giản của vẻ đẹp kia không làm cho anh khinh-bĩ được mà chỉ làm tăng thêm lòng yêu quý khát-khao trong anh.

Rồi một ngày người ta không thấy nhà triệu phú ở Đô-thị nữa.

Anh đã ra đi... Bỏ tất cả sự nghiệp, bỏ quê hương biển-

biệt qua các miền khách-địa, chẳng còn ai biết anh sống chết ra sao. Anh như hơi gió lớn của trận bão đã được chôn vùi trong lòng quá vãng của mọi người.

Nhưng bỗng một hôm anh lại trở về, mắt sáng chói niềm tin, anh tìm ra trước mắt vẻ đẹp ô-m-ấp tự bấy nay. Nàng lên tiếng hỏi :

— Anh là ai ?

— Ta sẽ nói cho em nghe công trình của ta đã thật-hiện tự bấy nay. Nếu em hình-dùng được một miền nào hoang vắng đìu hiu, cơ-hàn là cuộc sống, bệnh tật làm chủ cõi thì đó là nơi ta ở, ta cứu trợ. Em không còn nhớ ta là ai ư ? Thôi, em hãy quên đi những gì trong quá-vãng, song hiện-tại em phải biết rằng ta là nhà Y-sĩ họ Lã. Và em đã bằng lòng đến với ta chưa ?

Nàng không trả lời, cúi đầu đáp lễ tạ từ và tránh mặt.

Để lại nỗi trống trải bơ-vơ trong lòng yêu mến-má, tha-thiết của Y-sĩ. Lớn tuổi rồi, chàng không còn cái khổ đau bông-bột, căm giận hăi-hùng của thời niên-thiếu. Qua bao nhiêu đau đớn nhọc-nhân của đời, giờ có thêm nỗi khổ, tấm lòng chàng cũng chỉ có bấy nhiêu trần nự chịu đựng mà thôi. Hiện tại ngoài tấm lòng yêu thất vọng, chàng còn cả nhiệm-vụ cứu đời, cứu những con bệnh đang chờ chàng.

Và nhà Y-sĩ trở về với công việc. Tìm sự lãng quên trong công-nhiệm-vụ hay tìm gặp nỗi nhớ nhung ở bao nhiêu giờ tu-tưởng ? Ai biết được đâu !



Thế rồi một hôm, thân tàn theo năm tháng, thân tàn trong có quạnh, thân tàn trong khổ đau, nhà Y-sĩ còn bị lây bệnh trong khi cứu chữa, chàng biết giờ của mình đã đến. Một buổi sáng kia, rời căn nhà nhỏ bé thả bước đi vào rừng vắng, chàng đi, đi trong niềm xa vắng hoang-liêu, song lòng chàng đã bắt gặp niềm vui kỳ lạ, niềm vui của sự đã biết các bầm vùi nhỏ-nhoi kia chỉ là hơi gió, hơi mây, chỉ có sự hòa mình chung lòng với tất cả là niềm giải-thoát phải đạt. Chàng đi,

chân nặng-nề lè-lết, song tầm tư-tưởng như bay bổng lên dần, Ánh sáng tỏa một làn xao-xuyến rơi vào chàng và như nhấc bổng, như vuốt-ve triu mến. Chàng đắm người vào cảm-giác kỳ lạ đó, giây phút chợt tan biến hết những gì lưu-luyến, khổ đau của một đời khổ nhọc qua. Chàng đi, đi cho đến lúc không cất nổi bước và cả tấm thân như cây to ngã xuống, trời đất quay cuồng rồi trấn tĩnh mất chàng nhìn vào khoảng trời xanh trên vòm lan mãi rộng ra. Và chợt có tiếng chân nhẹ-nhàng đi đến... Một người đàn bà tha-thướt cúi xuống nâng đỡ nhà Y-sĩ. Qua mắt chàng, người đàn bà có một vẻ đẹp mơ màng xa vắng song trong sáng, rõ-ràng, chàng bàng-hoàng nhận rõ ra không ai ngoài cái vẻ đẹp mình ôm-ấp tự bấy nay, chưa kịp hỏi thì người đàn bà đã lên tiếng:

— Ông là ai?

Nhà Y-sĩ trả lời một nhọc trong khi thiếp dần trên tay người đàn bà:

— Ta không có tên, không tuổi... Ta chính là Em, ta chính là Em!...

Nghe đến đó, người đàn bà liền ôm sát vào lòng mình tấm thân mệt nhọc, mỗi mồn của nhà Y-sĩ, và nói nhỏ vào tai chàng:

— Anh chính là người mà Em tìm kiếm tự bấy nay!

**Đức, 2504 NGUYỄN-THÁI**

Chúng tôi vừa nhận bộ kinh **TÂM - ĐỊA - QUÁN** do Dịch-giã Thượng-tọa THÍCH-TÂM-CHÂU gửi tặng.

Bộ kinh này gồm có 8 quyển 480 trang, nội dung nói rõ Đạo, lý thế-gian và xuất thế gian, sự triền-phục của chúng sanh và cảnh giải-thoát của chư Phật. Thật là một bộ kinh rất cần thiết cho những người muốn nghiên-cứu giáo nghĩa cao thâm của đạo Phật và muốn thực-hiện con đường giải-thoát Giác-ngộ cho mình và người.

Chúng tôi trân-trọng kính lời tán-dương công đức Dịch giã và ân cần giới-thiệu cùng quý vị độc giả Liên-Hoa.

L.H.

# NHỮNG NÉT ĐẸP

## CỦA NGƯỜI PHỤ-NỮ

*Kinh tụng những ai có  
tâm-hồn xây dựng nữ-giới*

**Thích-nữ THỀ-QUÁN**

Hôm ấy nhơn giảng về đề tài « Phương-pháp báo hiếu của người Phật-Tử », vì giảng vào Rằm tháng 7, nên tôi có nói sơ về ý nghĩa Kinh Vu-Lan. Thễ rồi một Đạo hữu đứng lên hỏi: Thưa Sư Cô, « vì sao trong kinh thường nói đàn bà bị đọa như bà Thanh-Đề trong Kinh Vu-Lan; bà Duyệt-đề-Lợi trong Kinh Địa-Tạng, chớ không thấy nói đàn ông? »

Tôi chỉ cười mà chưa trả lời. Nhưng nhơn câu hỏi của Đạo hữu hôm ấy, đã gợi lên trong tâm tôi những nét đẹp của người phụ-nữ. Nét đẹp đây không phải lộng-lẫy say-sưa đến nổi khuynh thành khuynh quốc, mà nó chỉ đậm-dà duyên-dáng ý nhị bên trong. Thì đây:

### ĐÔI LÀN THU THỦY

Tôi có bà bạn bị chồng phụ, sau khi ra tòa ly-di, nàng tranh đấu đến kỳ cùng đề được đem cả đàn con về mình, từ ấy năng bỏ hết phần son, lo tần tảo để nuôi đàn con dại. Một hôm nghe đứa con trai bạn đau nặng, tôi đến thăm. Thấy đứa bé nằm trong lòng mẹ, 2 chân tréo nhau, mặc dù vạc áo dài của bạn đắp kín, tôi cũng thấy được bụng đứa bé to tướng,

chân tay như 4 ống sậy cắm vào, da xanh trong, mắt nhắm nghiền, mũi chảy lò thò, trên đầu đầy sài chốc; bạn tôi mặt mày hốc hác trông tiêu tụy quá, đứa bé có lẽ vì bệnh hành, nên tụy ngồi trong lòng mẹ, nó vẫn khóc nhè-nhè, bạn tiếp tôi một cách ưỡn-òì một nhọc, đôi mắt nàng lờ-dờ mắt hết tinh thần vì thức đêm. Thế mà chốc chốc bạn lại cúi xuống hôn lên đầu sài chốc của con, chỉ khi ấy tôi mới thấy đôi mắt bạn sáng lên, trong nét thu-ba lai láng một nguồn thương không bến hạn.

Thế rồi ngoảnh đi ngoảnh lại hơn 20 năm, một hôm tình cờ gặp bạn, nhưn hỏi thăm chú bé đầu «quan sát» năm xưa, bạn cười hả hê: cháu học ở Pháp mới đậu Tấn sĩ chị ơi!

Ôi! không biết ông tân khoa Tấn sĩ có còn nhớ chăng một khối nhọc nhằn của đấng mẹ hiền ở quê hương, mà non sông nước Việt đã un đúc nên những nét địu hiền của đôi mắt ấy!

### ĐÔI BÀN TAY ĐẸP

Tôi có bà cô họ, ngày nhỏ đi học, buổi trưa đến trọ nhà cô tôi (cô nấu cơm tháng cho học sinh) rồi bằng đi một thời gian lâu, một hôm gặp lại cô tôi, người già đi nhiều quá, cô chống gậy lom khom, mắt kèm nhèm, má móm hết! Tôi hỏi:

— Cô còn nhớ cháu không?

— Có chứ, cô cầm chắc tay tôi: chà giỏi quá, thật tu là cội phúc — Tôi hỏi thăm 2 chị con cô tôi, và ông anh tí hon cút hùm với tôi ngày nhỏ.

Cô tôi cười: hai chị có cháu rồi cháu ạ! còn anh thì làm Đại-sứ bên cái nước chi chi cô quên tên rồi, con anh 2



đứa mới đậu Cử nhơn, 2 đứa học Tú tài, còn một đương nhỏ; thẳng út con chị cả cũng mới đậu Tấn sĩ. Ồi mà Cử nhơn Tấn sĩ chi cũng không bằng tu, cô thấy cháu tu như ri cô mừng lắm.

Cô tôi góa chồng tự ngày 28 tuổi, có 3 con, 2 gái 1 trai. khi còn chú tôi cô cũng phong lưu lắm, nhưng chú đau dài ngày nên khi mất thì cô nghèo túng, cô xoay ra nấu cơm tháng và may thuê (cô may tay chớ không có máy) thế mà nuôi được 3 con ăn học đều thành tài cả, tôi nhớ ngày ở nhà cô, buổi trưa tôi hay vào phòng cô chơi, nói là phòng nhưng thật chỉ là một chái nhà tranh kê vừa một giường tre, ngoài che bức màn mỏng. Cứ dọn cơm học sanh ăn, thì cô tôi lại vào may áo, tôi thấy 2 đầu ngón tay cô tôi thâm đen vì tròn kim châm, thế mà đôi bàn tay ấy đã vun xới những chồi hoa quý đề ngày nay trang diềm trên mảnh đất Việt-Nam.

### MỘT TẤM LÒNG SƠN

Đây cũng một sương phụ (đàn bà quá) nàng đương trẻ đẹp, bỗng ông chồng trở bệnh lẫn ra chết, để lại một đàn 4 đứa con thơ (đứa nhỏ mới sinh) nhờ thâm tín Tam-Bảo nên trong cảnh đau thương nàng vẫn giữ bình tĩnh được. Sau khi đám tan xong, nàng xin việc làm để nuôi con. Rồi cứ thế, mỗi tuần nghỉ nàng lại đem con lên thăm mộ chồng và vào chùa lễ Phật một hôm lên chùa gặp bà bạn, bà thấy đàn con mặt mày xinh xắn mập mạp, ăn mặc đẹp để bà khen: chà cháu tôi ngoan xinh quá, áo đẹp quá! — thiếu phụ dịu dàng: dạ ngày ba các cháu còn em thương các cháu 10, ba cháu mất đi em thương các cháu gấp 20, em nguyện hy sinh phần mình để lo cho các cháu được đầy đủ kéo cháu tử tội. Bà bạn thở dài: (vì bà mồ côi

mẹ) Ừ mờ coi cha ăn cơm với cá, mờ coi mẹ lượm lá dộc đường.

Câu nói tuy nôm na mộc mạc, nhưng cũng đủ chứng tỏ đức hy sinh, chí nhẫn nại của người đàn bà thật vô cùng vô tận.

### MỘT LỜI NÓI ĐẸP

Thánh Ghandhi lúc còn là một cậu bé lên sáu, thường ngày đi học, mẫu thân ngài vẫn thân hành đưa con đi một quãng đường, và ngày hai buổi tan học, bà đứng đợi ở cửa đề đỡ cặp, cất mũ và hôn lên trán con. Vì thường lệ như vậy, nên một hôm cậu bé đi về không thấy mẹ đón, cậu lấy làm lo, chạy vào phòng tìm mẹ. Thấy bà cụ nằm xây mặt vào tường, cậu kêu, cậu lay bà cũng làm thình, cậu đưa tay sờ trán mẹ mới biết mẹ khóc, nước mắt ướt cả gối, cậu bé hoảng kinh: — Thưa mẹ sao mẹ khóc? hay con có điều chi làm mẹ buồn? xin mẹ dạy cho con biết. Vẫn tiếng nói dịu dàng qua giọng thồn thức: con đừng đến gần mẹ — mẹ là người có tội lỗi với quốc gia. . .

— ? ? ?

— Mẹ không ngờ mẹ có một người con còn nhỏ mà đã lừa thầy, dối mẹ, đi học nửa đường quãng sách đi chơi lâu lờng. Ôi! con mẹ còn nhỏ mà đã dối trá như vậy, lớn lên sẽ là người dân hư đốn, làm nhục nước hại nhà. Mẹ lấy làm xấu hổ tủi nhục cho giòng họ ta quá, rồi bà khóc nức lên.

Cậu bé biết việc trốn học, đi chơi của mình bị bại lộ. Mặt cậu bỗng đỏ gay, cậu bặm môi lại, và chạy thẳng một mạch xuống bếp.

Khi lên phòng mẹ, cậu qui xuống: thưa mẹ, mẹ tha tội cho con, con trót dại một lần, đây mẹ coi, con sẽ lấy lại tiếng thơm cho đất nước cho gia tộc.

Bà cụ nghe mùi khét và có tiếng cháy xèo xèo, bà ngoảnh ra thì... một viên than đỏ rất nằm gọn trong lòng bàn tay cậu bé. Bà hoảng-hốt vùng dậy, hất viên than và ầm cậu bé vào lòng.

Rồi từ đó, trên đường sự nghiệp mỗi khi gặp việc gì cam go gay gắt, thánh Gandhi chỉ nhìn vào vết sẹo trong lòng tay, ngài lại phấn khởi lên nên vượt qua nhiều trở ngại, đi đến chỗ thành công rực rỡ.

Một hôm có người tán thán danh đức ngài, ngài mỉm cười đau đớn: « Thân tôi là của hiền mẫu tôi sanh ra, sự nghiệp của tôi cũng hiền mẫu tôi sanh ra, còn tôi, tôi chỉ là một đứa bé quăng sách vào bụi dề đi chơi rong, nếu không có hiền mẫu tôi thì tôi đâu được như ngày nay.»

### VÀ MỘT BÀ CỤ NỮA

Bà cụ đau chi không biết mà 2 năm trời chỉ nằm một chỗ. Hôm ấy bà cụ trở bệnh, người con đến mời chúng tôi về nhà tiếp dẫn. Nhưng khi tụng kinh xong thì bà cụ tỉnh lại, khuya ấy chúng tôi nghe bà cụ vừa rên vừa nói: Lạy Phật tha tội cho con, con chỉ vì thương chồng thương con mà tạo nghiệp gây tội, mua dẫy bán lưng, cân gian đo thiếu, nói láo nói lường, thiệt cũng vì chồng vì con, rồi muốn chồng ăn cho ngon, con ăn cho bõ, mà còn sát hại sanh linh... ngày nay

một mình con chịu lấy ác báo, cầu sanh bất đắc cầu tử bất đắc, xin Phật cứu cho con . . .

Nhơn đây tôi xin nói ra ngoài «đề» một chút để trả lời câu hỏi của Đạo hữu trên — Vì sao bà Thanh-Đề, bà Duyệt-Đề-Lợi bị sa đọa ? thì có chi lạ đâu — Chỉ vì người đàn bà phần nhiều hy-sinh cho chồng con, như bà Cự trên đây. Nhưng nói cho đúng, thì một phần cũng vì cái thiên chức của người đàn bà dễ tạo tội như bà Cự vừa than trên. Trái lại, nếu ông Thanh-Đề hay ông Thi-La-Thiện-Kiến (chồng bà Duyệt-đề Lợi) lãnh lấy cái thiên chức nội-tướng, thì chắc 2 ông ấy sẽ đọa địa-ngục chớ có gì đâu.

Song thật ra vì Đạo hữu chỉ đọc ít kinh thấy ít chuyện nên nghi mà hỏi vậy, chớ địa-ngục đâu phải chỉ lơ-thơ vài người đàn bà ? đàn ông cũng nhiều lắm chứ. Nhưng thôi, nói nhiều không nên. Vậy tôi xin trở lại vấn-đề trên — Chúng ta thử buông tầm mắt nhìn khắp đông tây, quanh vòng kim cõ, ta sẽ thấy những vị anh-hùng cứu quốc như: Washington, thánh triết như Mạnh-tử, đại-hiền như Vương-Tôn-Cồ, trung cang nghĩa-dũng như Thôi-huyền-Vi, liêm-khiết như Nhạc-Dương-Tử, ái quốc như Phan-Chu-Trình, Sào-nam, Hiền-triết như thánh Gandhi v.v. Phải chăng đều nhờ đôi bàn tay đẹp, đôi mắt dịu hiền, lời nói êm ái của các đấng từ-mẫu, các bậc hiền-phụ nên mới thành công trên đường sự-nghiệp, làm vẻ-vang cho đất nước . . .

Nét đẹp của người phụ-nữ còn nhiều, song có lẽ vì «hồng nhan nên bạc-mệnh». Người phụ-nữ phần nhiều bị chồng chết,

chồng phụ, chồng dề (ly-dị) chồng di... Nhưng mặc dù trải bao giông-tổ trong lòng, người phụ-nữ vẫn dũ can-dảm lặng-lẽ bình-tĩnh dề thung-dung tiến bước trên đường hy-sinh nhẫn-nại. Đưa đôi mắt dịu hiền, trải một tấm lòng son, với đôi bàn tay đẹp dề nâng-dỡ, đào-tạo nên những vị anh-hùng liệt-nữ cho non sông Tô-Quốc.

Ôi! nét đẹp của người phụ-nữ tả sao cho hết, đây tôi chỉ vụng về chắm phết sơ sơ đôi nét đơn thanh, chứ làm sao lột hết tinh-thần những nét đậm-dà duyên-dáng của người phụ-nữ được ?!

Và tôi cũng ước mong rằng : Trong thời nguyên-tử ni-lông này, trong giới chị em chúng ta vẫn không thiếu những gương « liệt-nữ trinh-thê » dề duy-trì thanh-danh người phụ-nữ và tô-bồi cho đất nước Việt-Nam thân-mến, những nét tươi-dẹp của nghìn xưa vậy.

## Hộp thư

Còn một số độc-giả chưa thanh toán tiền Liên-Hoa năm Kỷ-Hợi, chúng tôi mong quý Vị ấy thông-cảm hoàn cảnh tài chánh của Liên-Hoa thanh toán gấp cho. Đa tạ.

Có độc-giả nào dềi số nhà xin tin rõ cho chúng tôi biết, dề tránh sự thất lạc và phiền phức trong khi gửi báo. Rất cảm ơn.

LIÊN - HOA

## Đòi diện với

# TAM QUY

Một vài khía cạnh của một trường-hợp quy-y đầu Phật

Tác-giả: Ni-Cô DHARMARAKSITA viết bằng Pháp văn trong  
Tập-chí France Asie, đặc-san « Présence Bouddhisme » 1959

### I

**N**HẬP đạo — bất luận đạo nào — là một trong những phương-diện phức-tạp nhất của tâm-lý-học. Không một lối giải-thích tổng-quát nào có thể vạch được cái tâm-trạng của người mới vào đạo, thậm chí muốn biết tại sao họ thay đổi tin-tưởng, cũng không thể được. Mỗi trường-hợp nhập môn cầu đạo là một trường-hợp độc nhất cũng như mỗi cái « ngã hiện-tại » của Heidegger. Đề qua một bên vấn-đề tánh-tình, giáo-dục, khả-năng trí-huệ và đạo-đức của người trong cuộc, hình như có ba loại « vào đạo » khác nhau :

1.— Loại thứ nhứt thuộc trường hợp người thờ nay không có óc tôn-giáo, hay nghịch hẳn với tôn-giáo, hay nữa chưa hề chịu tùng-phục một cái gì, dù trong một tổ-chức giả-dối của xã-hội cũng vậy, nhưng nay bỗng đứng lại tin-tưởng vào một mối đạo.

2.— Loại thứ nhì thuộc trường-hợp người đã có tâm đạo nhưng một cách mù-mờ, gần như bất thức, nhưng thành-thực, tức là người có tính dễ tin và cũng đã tin phần nào nhưng chưa phải là người thực có tín tâm, rồi nay lại bước sang con đường chánh-tín và tu-hành thực-tiến.

3.— Loại thứ ba thuộc trường-hợp người đã có một sự tin-tưởng vững chắc và sáng-suốt ở một giáo- lý nào đó rồi, nay lại bỏ mà nhận lấy một sự tin-tưởng và một giáo-ly khác, sau một cuộc « khủng-hoàng » có tính-cách siêu-hình hay lịch-sử.

.....

Một tín-đồ Thiên-chúa-giáo mà bỏ đạo mình để theo đạo Phật, đó là một trường-hợp mà chúng ta có thể cảm chắc là thuộc loại thứ ba,

bởi lẽ Phật-giáo không có cái năng-lực quyền rũ bằng tình-cảm, bằng xúc-động. Có một số người, trong lúc nghiên-cứu và thực-hành Phật-pháp, đã tỏ ra là những phần tử thượng-thặng của Phật-giáo, nhưng đến khi họ quy-y, không phải Phật-pháp làm cho họ hồi tâm hướng thiện, mà là những cái duyên-cớ khá xa lạ với Phật-pháp, hay quá tầm thường, thí như họ thấy cái tịch-tĩnh, cái nhu-hòa bất chấp của nhà Phật mà họ mến, hoặc vì thấy Phật-giáo không có những tín-điều bắt-buộc phải tin, thấy Phật-giáo tuy có đoàn thể nhưng không kết thành Giáo-hội trên có Giáo-chủ, nên họ thích, hoặc nữa chỉ vì một lời nói lẻ-loi của đức Phật như câu : « **Hãy tự mình làm được soi đường cho mình** » Một vài hiểu lầm căn-bản cũng có thể là nguyên-động-lực của sự quy-y, nhưng về sau được sửa lại cho chân-chính, như làm cho đạo-Phật là một khoa triết-học thuộc lý-trí (theo nghĩa triết-học hiện kim), hoặc là một thuyết bất-bạo-động theo chủ trương của Gandhi, trong khi, đúng với sự thực, bất-bạo-động chỉ là kết-quả thực-tiến trên vài phương-diện của nền luân-lý Phật-giáo nói chung, và của sự phát-triển Đại-thừa nói riêng, chứ không phải một trong những nguyên-tắc giáo-lý cơ-bản, cũng không phải là sự bắt buộc hoàn-toàn phải theo. Những lối « nhập môn » gián-tiếp như thế rất dễ giải-thích. trước hết, thường rất khó cho người Phương-Tây bao-quát trọn vẹn cái phạm-vi triết lý văn-hóa và tôn-giáo, cũng như « chiếc thang quả-vị » của một hệ-thống to rộng và thâm sâu như Phật-giáo. Lẽ thứ nhì, nếu lễ rửa tội không đủ làm cho một tín-đồ Thiên-chúa giáo trở nên một người đầy đầy lòng thương, thì cũng thế, lễ quy-y không thể biến một Phật-tử trở nên một vị Phật được. Sự chứng quả Vô-thượng chánh-dạng chánh-giác, và mỗi bước tiến hướng về quả-vị ấy, là một kết-quả của sự quy-y và của việc tu-hành.

Là tác-giả của những giòng chữ này, tôi sẽ không thuật lại từng chi-tiết một, câu chuyện quy-y của tôi. Trước kia tôi là một người Thiên-chúa-Giáo thực tu, thực hành, thực đến mức tột cùng của con người phạm-phu yếu-duối. Bây giờ muốn nói tại sao tôi đã ly-khai với Thiên-chúa-Giáo thì phải hết trang này đến trang khác mới ghi chép đủ, một đàng những gì mà tôi đã căn nhắc dân-do nhiều về mặt Thần-học, một đàng khác, những gì đã xảy ra trong chỗ quá thâm kín của tâm-hồn tôi. Ở đây tôi chỉ nói sơ rằng có hai vấn-đề nan giải đối với tôi, một là vấn-đề thần-học « thiên-nhiên », trụ cốt Hy-lạp của tòa lâu-dài Thiên-chúa-Giáo, hai là vấn-đề giảng-thế. Tôi cũng cần

nói rõ ràng đối với Giáo-hội Thiên-chúa-Giáo tôi vẫn giữ một lòng thành-kính và tri-ân. Lòng tôi đã như thế thì lẽ cố nhiên sự chia tay đã và hiện nay vẫn còn làm cho tôi đau khổ. Nhưng tôi phải nhận sự đau khổ ấy vì lòng ham chuộng sự thực. Sách Phúc-Âm há không nói: Cái gì mà mình thấy như một ánh sáng huy-hoàng hơn, như Chân-lý, thì cái ấy sắc bén như lưỡi gươm, một cắt là đoạn...? Lòng thành kính và lời ca tụng của tôi đối với Thiên-chúa-giáo không có nghĩa là tôi nhận chịu một sự bá-nạp. Người Thiên-chúa giáo không thể đi hàng hai, thì người Phật-giáo càng không thể hơn nữa, nếu nói như vậy không có gì là sai. Những « truyền thống » của các tôn-giáo luôn luôn tiến bước **trên những con đường song song, không bao giờ gặp nhau được, dù những con đường ấy được kéo dài ra tới đâu cũng vậy.** Cái khoa lấy những hình-ảnh tượng-trung của tôn-giáo này đem ra so-sánh với những hình-ảnh tượng-trung của tôn-giáo khác, và những cố-gắng đem sự kiện lịch-sử ra đối chiếu — những sự kiện thường được chứng minh là chưa có gì thật là lịch-sử trước một cuộc khảo-sát rạch-ròi — tất cả những cái ấy không giúp gì cho Tôn-giáo hoặc cũng như cho vấn-đề đạo-đức.

Nhờ hiểu được cái nguyên-tắc này mà tôi đã tránh được sự căm đố của nước Ấn tân thời về phương-diện tôn-giáo. Tôi đã sống bốn năm trên đất Ấn, sống theo phong-tục người Ấn, trong một hoàn-cảnh hoàn-toàn Ấn, sau khi học hỏi rất cần thận tất cả những gì thuộc về dân tộc Ấn. Tôi rất mến Ấn-độ. Tất cả những của báu nghìn xưa lưu lại về mặt tôn-giáo và văn-hóa còn nằm nguyên vẹn trong lòng của Ấn-độ-giáo, phái chính-tông. Nhưng tôi cũng đã phải tự lánh xa những quyển rủ mãnh-liệt, để làm cho trí-tuệ mình dễ sa ngã, của học-thuyết Advaita-Vedanta của Senkaracarya (1). Xin đừng hỏi tôi tại sao, vì để gì trong vài hàng đem ra đối chiếu những chỗ siêu-việt nhất của đạo-lý. Tôi chỉ nói sơ rằng trên phương diện đời sống thực-tiến, cái bồng-bộ của tôi đối với Ấn-độ-giáo đã phải giảm sút phần nào, vì khắp nước Ấn, tôi chưa hân-hạnh gặp được sự thực hành triệt-để cái thuyết « bất-nhị » của đạo ấy. Có lẽ vì tại phái Advaitisme quá thiên về một biện-chứng pháp mà trong vấn-đề sinh sống hàng ngày bị bỏ rơi.

---

(1) Phái này chủ-trương « tất cả là một » rất gần với pháp « bất-nhị » của Đại Thừa.



Tại sao tôi quy-y Phật và tôi đã quy-y như thế nào? Đó là hai vấn-đề liên-hệ với nhau, không thể phân tách ra được, vì Phật-giáo là cái gì linh-động, sống chứ không phải chết.

Tùy cái mức độ mà Tạp-chí **Pháp-Á** làm hài lòng các độc-giả Viễn-đông, và nhất là những người Cam-bốt, tôi sẽ cố gắng, với tấm lòng nặng nợ tri ân, thuật lại cái "xúc-động" căn nguyên đã làm cho tôi diện đối diện với Đức Phật tự tại, một xúc động khác hẳn với những xúc động do tình-cảm gây ra.

Trước đây, tôi không biết gì hết về nền tư-tưởng Ấn-độ — trừ ra những phong-trào vĩ-đại gần đây do Thánh Gandhi và thi-sĩ Tagore tạo ra — nhưng tâm tôi hình như đã "tò ngộ" nhờ có tập tham-thuỳn theo phương-pháp Thiên-chúa-giáo, nhờ sống một đời sống đôi phần khổ hạnh và cũng nhờ đã quen sống cô-tịch trong thiên nhiên rừng núi cũng như trong chỗ phiến-ba đô-hội. Một hôm, nhân đọc tờ phụ bản của quyển **Bilan de l'Histoire**, tôi thấy nói tới Viện Bảo-tàng Guimet. Một buổi chiều thu, vừa mới ở miền Thượng-du tỉnh Provence về sau mấy tháng sống tịch tĩnh ở đây, tôi đến thăm Viện, và như trăm ngàn khách nhân-du khác, tôi đặt chân vào phòng dành cho Cam-bốt. Nào bao-lan, nào thành-vọng nằm trơ ra đó, không nói được với tôi một lời nào, chỉ vì tôi quá mù-mờ về khoa khảo-cổ, nhưng mới bước đầu trong phòng, tôi đã cảm thấy như bị một sự im lặng thượng-thặng và lạ-lùng bao-bọc xâm-chiếm. Bên tay phải, một vài tác-phẩm điêu-khắc thuộc thời tiền Đế-Thích. Đây là một tượng Phật: đẹp. Rồi, bất thần, — ai đi xem viện Bảo tàng mà không thế? — tôi lại đưa mắt sang xem một pho khác, kể đó. Tôi chưa kịp thấy rõ coi pho tượng ấy như thế nào, bỗng tôi cảm thấy toàn con người tôi như bị một sức mạnh vô song đẩy bật lên, chẳng khác cây bị trốc rễ, nhưng một cách êm-dịu không gẫy, không sút chỗ nào. Không phải tôi cảm vì cái đẹp (vì trên phương-diện này và theo tôi, những pho tượng bán thân ở phòng Bayon còn đẹp gấp mấy), cũng không phải tôi rung-động vì tánh-cách tôn-giáo hay huyền-bí (theo nghĩa thông thường) của pho tượng thoảng trọng. Một sự tin-tưởng đột-ngột mà hoàn-toàn đã xâm-chiếm tôi: Cây cỏ thiết-tha với ánh nắng bao nhiêu, lòng tôi lúc ấy thiết-tha bấy nhiêu với cái gì do gương mặt của tượng diễn-tả. Đồng thời, trên phương-diện ý-chí, tôi tự thấy một cách quả-quyết rằng tới đây đã chấm dứt những cuộc chiến đấu trong đó tôi đã phí trọn buổi thiếu-thời đề tiến cao trên nấc

thang đạo-dức tinh-thần, bởi vì, ngay ở cái giây phút vừa nói, tôi thấy tôi có một sức tự chủ lạ-lùng. Các năm về sau đã minh chứng phút khai-ngộ này. Tất cả những gì tôi thuật lại đây một cách quá dài giòng, thật ra lúc ấy nhanh như điện chớp. Rồi thì, như trong một bưng mắt, tôi đã thấy cái Mặt chân thật của Phật.

Trong con người tôi, một biến đổi sâu-xa, nhất thời và không giải-thích được vì thuộc về cái Tối-cao Chân-thực, đã xảy ra. Phật-giáo, kẻ luôn phái Nam-tôn rất chú trọng đến vấn-đề gạt bỏ ra ngoài tâm-thức mọi sắc tướng, mọi vọng hoặc, thế mà Phật-giáo đã chịu khổ chạm tượng, vẽ hình không phải, như người ta thường cất nghĩa là vì muốn nâng-dỡ mối đạo tâm của quần-chúng đang khao-khát việc thờ cúng lễ bái có hình, có tướng, bởi họ không có khả-năng làm nổi cái việc cao-xa là tham-thiền nhập-dịnh. Không phải thế: hình tượng có một giá-trị tượng-trung; một khi hiểu được cái giá-trị ấy, ắt thấy trong hình-tượng một nền Thánh giáo mà hình-tượng dù tốt đẹp đến đâu cũng không làm sao so-sánh kịp. Gần như một dấu của môn đại-số (algèbre), tuy chỉ là một dấu, nhưng đó là bí-quyết của cả bài toán; cũng thế, cái lối tượng-trung bằng hình tượng, khi hiểu được, là một phương pháp giúp ta trực-ngộ một cách dễ-dàng và đầy-dủ hơn là những kinh-nghiệm về sắc-tướng, hơn cả những lời giải-thích bằng suy-diễn hay tông-luận. Đừng tưởng đó là tranh vẽ tiền ngày Tết cho hạng bình-dân. Muốn hiểu được những hình-tượng của nhà chùa, phải là người mà tâm trí đã được khai-mở phần nào, phải là người quen hơi bên tiếng với đường lối chân chính, trong sáng của một truyền-thống. Ở Tây-tạng, chỉ các vị Lạt-ma đã dày công học hỏi, nghiên-tầm môn luận-lý của nhà Phật, mới tìm ra được những phản-ứng vừa phong-phú vừa tinh-vi trước những hình vẽ và những lá bùa. Nên đề-ý rằng ở đây tôi không đặt vấn-đề vẽ đẹp hay không đẹp, giống hay không giống sự thật. Nếu cái hình tượng-trung được vẽ đúng lý, thì tự-nhiên nó phải khéo, còn giống hay không giống, sự ấy không thành vấn-đề. Một triệu chứng đáng phân-nàn của sự suy-bại thời nay đã bộc-lộ ra trong cái xu-hướng ấ-hành « tranh Phật » của Phật-giáo Nam-tôn (in hệ những tranh Thiên-chúa-giáo gọi là « Saint Sulpice » mà rất may người ta sắp bỏ trên đất Pháp). Vẽ tranh Phật mà theo lối Nam-tông như vừa nói là không biết một tí gì về pháp môn **saddhāna**, là lối quán-tưởng-xuyên-qua các đồ hình, các đạo-phù. Vì không đạt đến cái mức không tịch và thanh-tịnh cao vời ấy, người nghệ sĩ Nam-tông ngày nay

phải dựa theo lịch - sử mà tưởng - tượng, phải cố gợi tình - cảm, bằng lối vẽ những cảnh mà họ cho là những đoạn đời "chân - thật" của Đức Phật. Thí dụ, họ cố vẽ thân - hiph Đức Bồ-như cho giống với vóc - vạc và sự cân - đối của một người thường, và như thế, họ đã vì đốt - nát và ngu - muội xóa bỏ tất cả những gì mà người tham - thiên có thể thấy khi quán - tưởng đến 32 tướng tốt của Phật, là điềm mà Tam tạng ba - li nhìn nhận. Pho tượng Phật Cao - miên, cò từ thế kỷ thứ 9 - 10 mà tôi đã trông thấy àn - hiện dưới mái nhà đầy mùi hiếu học và gần như thiêng - liêng của Viện Guimet, có thể sửa đổi tâm tính con người của bất luận thời - đại nào, xứ - sở nào, bởi vì pho tượng ấy ghi chặt vào khối đồng những nét chân - chính và sự trọn vẹn của một nền tín - ngưỡng lâu đời.

Nhưng một việc xảy ra như thế chưa đủ một cuộc chuyển hướng. Thật vậy, tôi không hề nghĩ đến việc quy y đầu Phật, cũng không ước đoán thiên vị một điều nào, mà chỉ cố công tham - khảo. Những quyển Na - Tiên Tỳ - kheo, Pháp - Hoa kinh, **Visuddhimagga** gieo trong tâm trí tôi một ấn - tượng to - tác — có lẽ hơn kinh của Tiều - thừa. Mà nhất là bộ Cu - Xá - Luận, của Thế - Thân Bồ - Tát, mà tôi nghe giảng ở Trường Cao - đẳng (2), cũng như sự quen hơi bén tiếng với giáo - pháp Trung - đạo, đã khiến tôi quyết - định.

Sau nhiều năm tìm - tòi nghiên - cứu lao - lực và chờ đợi khổ - đau, tôi tự thấy không thể còn đứng trong hàng ngũ Thiên - Chúa - giáo nữa, để giữ vẹn lòng sùng kính của tôi đối với Cơ - đốc - giáo với sự chân thật. Nhưng tôi vẫn chưa là một Phật - tử.

Hai năm hoạt - động ở Ấn - Độ, vừa dạy ở Đại - học - đường vừa khảo - cổ, làm cho tôi thêm cảm mến đất Ấn, dân - tộc Ấn, đồng thời cũng làm tăng lòng hâm mộ của tôi đối với cái kho tàng văn - hóa bất tận của Phạm - ngữ và cái dĩ - vãng nghệ - thuật của nước Ấn, nhưng Ấn - Độ - giáo không còn sức hấp - dẫn tôi - nữa. Tôi chỉ mong mỗi sự chân thực của Phật - Giáo. Lần tiếp xúc đầu tiên của tôi với Phật - Giáo Tây - tạng ở Sikkim, kể đó cuộc lưu trú ở Tích - lan, hai việc ấy đã thắng những cản - dèng cuối cùng của tôi. Không bao lâu, tôi thấy sống đời cư - sĩ không làm cho tôi thỏa - mãn; tôi muốn sống trọn vẹn đời sống nhà Phật, nghĩa là xuất - gia nhập chúng. Vì tình thế xô đẩy, tôi thụ giới - pháp Nam - tôn. Phật - Giáo

(2) Ecole des Hautes Etudes (Paris).

chỉ có một, điều ấy đối với tôi hiển-nhiên, không thể chối cãi được, nhưng trong cái một ấy, có những cái bất nhất, bất đồng, nghĩa là có sự chia chẻ ra nhiều môn phái đề hạp với trình-độ văn hóa, văn-minh sai khác và những dặt-diềm tâm-lý của từng hạng chúng-sanh. Không ai biết căn cơ của các hạng này cho bằng Phật và Giáo-pháp của Ngài là một Giáo-pháp bao hàm vũ-trụ, nhưng thực tại và độc-nhất, lại không bị thời-gian chi-phối. Hơn tất cả các tông, tông Bát-nhã và Giáo-thuyết của Bồ-tát Long-Thọ đã đáp đúng với sở-vọng và lòng khao-khát siêu-phàm của tôi, tôi nảy ra cái ý muốn tu theo Đại-Thừa-giáo mà tôi biết ở Nê-bạt-nhĩ (Népal) Trung-Hoa và Tây-tạng, Ni-bộ được tôn-chức đứng-đầu. Tôi đã được cái đại hân-hạnh nhận làm Sa-di-ni trong một tông phái Đại-thừa.

## II

Người mới xuất-gia đầu Phật giống như khách hành hương nhằm đại cò tháp Barabadur hay đền Đế-thiên Đế-thích mà tiến bước. Xa trông thật là vĩ-dại, nhưng trong tháp trong đền có những gì, chưa biết được. Người mới xuất-gia tưởng mình đã biết đạo, tưởng mình đã bước qua khỏi cửa đạo và đang in bóng mình trên mặt đường tâm-thức. Nhưng một khi qua khỏi ngưỡng cửa, họ tự thấy chết hay phải chết với những cái tin-tưởng trước kia đã làm cho họ thế-phát. Giữa cái phát tâm bùng-bột đầu tiên với cái tuần-tự khép mình vào khuôn khổ giới-luật, Sự sai khác một trời một vực. Sự thế-phát quy-y có thể ví như phút lâm chung của người đời. Ai đã ăn hiền ở lành, khi nhắm mắt, thần-thức sẽ an-vui, bằng không sẽ đau khổ. Người mới xuất-gia cũng thế, tùy nghiệp đã gây và sức cố-gắng diệt-trừ phiền-não mà được hay không được sự an-vui. Tâm trạng của kẻ mới nhập chúng khó khăn hơn nặng nề trách nhiệm hơn tâm-trạng của người đã tu lâu. Khó vì trong phải gặp một sự tan vỡ của những căn-bản hiểu biết xưa nay, ngoài phải đụng chạm với một xã-hội mới, tùy dja-dur, lịch-sử, nhân-chúng và nghệ-thuật mà có tính-cách như thế này hay thế khác. Tuy là một giáo-lý bao hàm vũ-trụ, Phật-pháp, trên thực-tế chỉ sống trong tâm-hồn của các dân tộc Á-châu và của những nền văn-hóa Ấn-Độ, Trung-Hoa và Tây-Tạng.

Cái phản ứng của người mới xuất-gia tùy ở sự sáng-suốt của họ : Sáng-suốt đối với tất cả những gì họ vừa xa lìa, sáng-suốt đối với con đường họ mới bước chân vào. Nếu người ấy không có ý-thức rõ rệt về

cái giáo-lý căn-bản đượm màu Hy-lạp của Thiên-chúa-giáo mà dù muốn dù không họ đã là một tín-đồ vì gia-đình và giáo dục bắt buộc, lại nếu đối với Phật-Giáo họ chỉ có một kiến thức tổng-quát, thì có lẽ không có gì khó-khăn, có gì thắc-mắc. Cũng thế người ta có thể vào rừng cạy lấy một miếng vỏ cây đề-rôi mà hãnh diện, mà tường là đã bút được rễ-sâu, Chúng ta nên cẩn thận, đừng kiến tạo một Phật-Giáo giống theo « hình-ảnh » của mình. Ở đây không có vấn-đề hiểu kỳ, cũng không có những câu nghe nói đi nói lại mãi như nào là cái « văn-minh vật-chất » đáng ghét, nào là cái « nụ cười từ-bi » đáng yêu, mà chỉ có vấn-đề chân-lý, thanh-tịnh. Vì vậy người xuất-gia phải sửa tâm để sẵn-sàng chịu đựng mọi thử thách và phải làm thế nào mặc đượm vào mình mảnh giáp đại hùng đại lực của chư Bồ-Tát.

Trước kia, người mới xuất-gia đã được học câu : « **Tôi tư-tướng, vậy có tôi** » (1), nay lại nghe Phật-giáo nói khác : « **Trên phương-diện hiện-tượng, vọng-hoặc thì có tư-tướng, nhưng không có một « năng-tướng »** (2) **nào mà anh có thể gọi là Ta đượm** ». Phương Tây tin có cái Bản-thể tồn-tại và lập lên luận-thuyết Bản-thể đề ngày đêm nghiền ngẫm, Người mới xuất gia từ trước đã quen với sự tin-tưởng ấy, nay lại được nghe một thuyết mới, trong đó sự cấu tạo của vũ-trụ đượm trình bày một cách kỳ hoặc theo những mẩu truyện cổ của dân-tộc Ấn, Cái gì ngoài hành-tướng có đáng gì và xa-xôi, khó nhận thế nào, cho nên người ta đâu có thử tìm bản-tính và căn-nguyên của cái ấy làm chi ! Người ta thì chủ-tướng rằng mỗi việc xảy ra trong Lịch-sử đều có ý nghĩa và Con người đượm sinh ra là vì một nguyên-nhân cuối cùng, đến nỗi đặt Thượng-đế vào vòng sinh diệt, còn Đạo Phật lại dạy phải phá tan thời-gian và những tạo-tác của dục-vọng, bắt đếm cái Nhân-bản chủ-nghĩa. Luật Nhân-quả, mà trước kia người xuất-gia tin gần như một sự thật cứu-cánh, nay bị tước mất cái trạng thái Nguyên-nhân đầu tiên và Bản-thể nguyên-nhân. Tất cả là trùng trùng duyên-khởi, chất này đối đãi với chất kia mà sinh sinh hóa hóa, đó là lời quả quyết của Phật-giáo, chứ không có đấng nào đứng ra sáng tạo vì một mục-đích lợi-ích.

---

(1) Câu nói của Descartes, một triết-gia Pháp : « Je pense, donc je suis » Đây là một câu nói của người chấp-ngã, tin có cái ta.

(2) Năng-tướng : agent, pensant, nghĩa là có người hay có cái gì đó biết tư-tướng.

Bao nhiêu niềm tin - tưởng trước kia của họ đã đổ vỡ, người xuất-gia quay sang mỗi tín-ngưỡng mới của họ là Phật-giáo. Họ có thể tìm một cái gì quen thuộc hơn với họ trong thuyết " ly-tưởng ", trong niềm chánh-tín và trong cái công - phu " trừng thanh tịnh lực " của họ không ? Trước kia họ đã cả tin ở Lòng-thương của một Thượng-đế hữu hình hữu tướng. Đối với họ, dù trên phương - diện tâm-lý, tin như thế là một ảo vọng dĩ nữa, điều ấy có hại gì nếu ai cũng cho ảo vọng ấy là một sự thật và nếu ảo vọng ấy chế-ngự được lỗi xử thế của con người. Cái chánh-kiến, cái ngộ đạo dù thoáng qua, của nhà Phật, có thể, trong vài tháng, trong một lúc đánh tan cái ảo-vọng ấy, tuy nhiên, khi tâm đã quá nhiễm sắc-tướng, thì không làm sao có những phút đón ngộ như vừa mới nói. Trước đã tin, đã hướng về một lối rồi, nay phải đổi thái-độ nào trong tâm-tư, nào trong tình thức, luôn cả trong xác thịt, việc ấy dễ đâu, phải công-phu, gian khổ lắm mới được. Lắm khi, người ta kẻ trường-hợp của một ít người theo đạo Phật, đến giờ phút lâm chung lại bỏ đạo. Trường-hợp ấy có một giá trị nào ? Nó giống trường hợp của một người có tuổi đã sống lâu ở nước ngoài và luôn luôn nói tiếng nước ngoài, nhưng một hôm bệnh ngặt, bị cơ-thể hay sự kiệt sức kích-thích quá mạnh, lại đâm ra nói tiếng mẹ đẻ. Đến phút lâm chung mà bỏ đạo Phật, là tại những Phật-tử ấy chưa hoàn-toàn ly khai với cái thói quen cầu nguyện, chiêm-ngưỡng thuở xưa. Nay sự cầu nguyện trở thành như cái quạt nước quay trong không trung, bảo họ đừng hốt-hoàng sao được. Thật thế, với Đạo Phật, không có cái thuyết người là con của Thượng-đế, không có sự chuộc tội cứu rỗi, không có sự hiện-diện của Thượng-đế liên kết tất cả thành một và biến hóa vô cùng trong cõi đời vừa hai mặt vừa là một khối duy nhất, cũng không có sự hiện thân của Thượng-đế trong bánh thánh, trong rượu lễ để làm dịu cuộc xung đột giữa linh-hồn và xác thịt. Cũng không có cái bất-diệt là cái được xem như ngược lại hay sai-biệt với một thời-gian hữu tận, chỉ vì không có cái thời-gian nào hữu tận cả. Cái bất-diệt đã không, thì niềm hy-vọng còn đâu ! Trong Thiên-chúa giáo, **mong muốn** và **hy-vọng** là hai đức tính căn-bản, còn Phật-giáo lại cho hễ còn mong muốn, dù là mong về Niết-bàn hay mong thành Phật cũng vậy, đều là bất thanh-tịnh đều là hữu-lậu.

Trong cái bất hy.-cầu ấy, hình ảnh Tử-thần lại nổi lên, một hình ảnh mà đa số chưa thật biết là thế nào, nên phải hãi hùng lo sợ Vì nỗi lo sợ vu-vơ này mà Phật - Giáo đưa ra nhiều pháp-môn để cho người tu hành tập quán sát cái chết. Nhờ pháp môn ấy mà có kẻ, khi gặp hoàn cảnh bức bách, dám ngó ngay Tử-thần mà lòng tự-tại, giải-thoát. Có kẻ khác,

trái lại, vừa lọt lòng ra, là ngòm - ngóp với cái chết và họ thấy vạn-vật đều tương-quan với cái chết. Đối với hạng người sau này, giữa sự tu-hành theo Phật - giáo và Thiên - chúa - giáo, có một hố sâu cách biệt. Buổi xưa là người của Thiên - chúa - giáo, họ có thể sợ cái giây phút hấp-hối, sợ sự phán xét thiêng - liêng, nhưng không phải vì đó mà họ cảm thấy được cái huyền - diệu của sự phúc - lạc ở Thiên - đường và của cõi Bất - diệt. Tuy nhiên, họ biết rằng cái linh thể của họ, thậm chí cái sắc thân của họ, sẽ sống trong cái Đại ngã bất tư nghi, không bao giờ chết, và chính họ là cái Đại ngã ấy từ vô thì dĩ lai. Họ đã nghe những bài hát khải - hoàn như « Ai ăn được Thân Ta sẽ sống đời đời kiếp kiếp... », « Ta sẽ làm cho linh hồn ấy sống lại ngày phán xét cuối cùng... » « Hỡi tử - thần, người còn thắng ai được, đâu là ngọn giáo nhọn kích - thích của người?... » « Tại sao người khóc như kẻ không còn biết nương cậy vào đâu?... ». « Những đau khổ hiện nay có nghĩa lý gì đối với sự huy - hoàng mai hậu... ». Bây giờ thì là Phật tử, lắm khi đêm khuya canh vắng, một mình một bóng, họ có lúc nghẹn - ngào khi nghĩ đến cái chết của xác phàm. Họ thử tưởng - tượng đến cái « chết là hết » là một cái gì gần như phi - lý, nghĩ đến cái « đoạn diệt », mà Đức Phật đã lên án như một trong những tà - kiến đưa dẫn con người đến bước sa đọa. Tình ngộ hơn, họ cố theo gương những bậc gan lỳ xem cái chết nhẹ như lông hồng mà tự trấn tĩnh. Họ biết không phải chết là hết đâu, và tướng không phải là tánh. Họ nhớ lại lời dạy của Đức Phật : « Nay các Tỷ - kheo, có một cái bất sinh, vô - tướng... ; nếu không có cái bất - sinh vô - tướng thì không thể có sự Giải - thoát được ».

Nhưng bao nhiêu đó chưa đủ giải mối nghi ngờ đang bóp nghẹt họ đâu. Trong cái « Bất sinh » « Vô - tướng » ấy, trong cái « Không - thể - tả » ấy, ai sẽ được giải - tho ? Nhất định không phải cái « ta hiện nay » tức là cái thân ngũ - uẩn này. Cũng không phải linh - hồn, vì đạo Phật không nhận có linh - hồn. Vậy thì ai hay cái gì được giải - thoát ? Không thể đặt một câu hỏi như thế được, vì hai chữ ai và cái gì hoàn toàn vô nghĩa. Đến đây, lời vàng của Phật trở lại bên tai : « Tất cả những luận giải về vấn - đề này không đưa con người đến chỗ Giải - thoát đâu. Chỉ có diệt Dục mới đi đến Giải - thoát... » Người

phương tây lắng nghe và tìm kiếm sự an tĩnh, nhưng miệng họ không ngớt hét lên những tiếng kinh - hoảng khi nghĩ đến những vấn-đề siêu-hình. Nên đừng tự mình làm cho mình khiếp đảm.

Đối với ai đã quen theo gót những người tin tưởng ở sự thiêng-liêng huyền-bí, lấy sự cầu nguyện theo lối Cơ-đốc-giáo làm cốt yếu, pháp-môn tham thiền nhập định của Phật-giáo thật là một con đường đầy trở ngại và dễ làm điên đảo. Trước hết, theo pháp-môn này, phải từ bỏ mọi xu-hướng lấy sự tin tưởng suông làm đủ. Sự từ bỏ này không có cái nghĩa đơn giản "diệt tình" là điều thật ra không xa lạ với những bậc thâm tu của Cơ-đốc-giáo. Cái phải bỏ ở đây là cái thái-độ căn-bản hiển mình nhận chịu: người cầu nguyện không tin ở pháp-môn, cũng không tin ở kết-quả của lời cầu, mà chỉ tin ở ý Thượng-đế, Thượng-đế xử sao thì họ hiển mình nhận chịu như vậy. Đối với Phật-giáo, giữ tâm cho thanh-tĩnh chưa đủ. Còn phải hai điều-kiện nữa là phải biết phương pháp tu hành và phải tu hành cho đến chỗ chứng. Phương-pháp ấy có nhiều hình-thái, tùy giáo - phái, nhưng vì Phật-giáo rất cuộc chỉ có một, chúng ta không nên nghĩ đến việc phân chia cao hạ, vì mỗi hình-thái hợp với một tâm-trạng cá-nhân riêng biệt cần phải biết đề khỏi thất bại trên đường tu hành. Do đây mà vấn-đề **trạch-pháp** (upaya) rất là quan-trọng, nhất là đối với Đại-thừa giáo-. Một trong những đặc-điểm của Bồ-tát-đạo là vấn-đề lựa chọn đường lối tu hành thích hợp, không những cho việc mình tâm kiến tánh mà còn cho việc hoằng hóa độ sanh. Khốn thay, trong việc "trạch-pháp" này người phương Tây tu theo Phật-pháp ít tự lượng tâm hướng của mình mà thường quyết định một cách nông nổi, hoặc tùy theo sở-đắc trong chỗ học tập, hoặc tùy theo những cuộc gặp gỡ, hoặc tùy theo phương-tiện xuất dương. Nghĩ ai đã từng được một bậc chân sư dắt dẫn trên con đường Tịnh-quán, nên chỉ cho những người bước sau biết những trở ngại cũng như những gì mình đã chứng được khi tu tập. Có những căn-cơ không hợp với pháp-môn này, nhưng lại hợp với pháp-môn niệm Phật. Lại có những căn-cơ khác chỉ theo được Mật-tông, hoặc chỉ đạt ngộ với lối hồi-quang của Thiên-tông mà thôi.

Nhưng dù với pháp-môn nào, điều đáng ngại là sự sốt-sắng của người mới nhập môn sẽ bị thử-thách ghê gớm. Lộ trình bắt buộc hành-



giả phải đến cái diêm cuối cùng là **Diệt-Vô-Không**: **Diệt** là diệt dục, khử trừ mọi tham muốn; **Vô** là không còn cái ý ham sống ở đời; **Không** là thấy vạn vật không thật có mà là do cái bản-thể Không mà ra. Phải thực hiện cái Diệt-Vô-Không ấy trên mọi mức độ và dưới mọi hình-thức. Con đường như thế không nói ra ai cũng thấy là ngược dòng thế-tục. Ở đây không còn vấn đề hy-sinh những gì hạ đẳng, phàm tục cho một cái gì có thật (linh-hồn), mà là cho Phật-tánh là cái phi-hữu. Có lẽ con người hiện kim khó có một lập trường thuận tiện như người Hy-lạp thời xưa hay như hạng người chánh chân của thời cổ-diễn đề ngộ ngay, diện đối diện với sự thật quá tàn nhẫn này. Thật vậy, những đệ-tử của chủ-nghĩa cá-nhân, một khi chạm trán với Phật-pháp, là bị đánh ngã ngay, còn con người đời nay có thể né tránh được, Thời đại bây giờ là thời-dại bốn biên một nhà, là thời-dại của những « vấn-đề vũ-trụ » trong đó thi văn, nghệ thuật, tất cả đều phải hướng về cái gì chung chứ không phải cái riêng, thì làm sao không thoát ly với cái « ta » bé nhỏ cho được! Con người đời nay tưởng như vậy. Họ có thể cho rằng Phật-giáo không hiểu họ, đề lấy có không tìm hiểu Phật-giáo. Cái tâm bất thiện của họ không chịu nổi ánh quang-minh soi xét của nhà Phật đâu; dưới ánh sáng ấy, những chỗ vi tế nhất cũng bị lột trần và cái « lương-tâm của con người kim thời » sẽ bị lột tẩy, đề lòi cái chân tướng « Ta là Người, Ta là Ta » Phật-giáo không dung túng cái lối cao-siêu-hóa, siêu-việt-hóa sự vật. Thật là một sự sai lầm nếu lấy lối này mà giải-thích Mật-tông. Không, không siêu-việt-hóa, không diệt bỏ mà cũng không « không hóa » một vật gì, Phật-giáo chỉ dạy có một điều là dùng Trí-giác thối lui Vọng-tướng. Nhưng người phương Tây hiện nay lại khác, họ vừa tự xưng là rất quý chuộng sự chân thật mà cũng vừa hết lòng triều mến sự tà-vọng, bảo sao họ không cho Phật-giáo là khó quá!

Cái mà người ta có thể gọi là những « nghịch - ý » của Phật - giáo — nghĩa là những cái mà luận - lý không thể biết được, dung túng được — và sự huyền-diệu của một cái toàn-thể bình như trái ngược với sự mong chờ của chúng ta, những cái ấy hiện bày chẳng những trước mắt của người

học các bộ Luận Đối-Pháp, (1) mà còn ở mỗi giai-đoạn của con đường tiến tu. Nhưng phải biết, tâm-pháp nào mà không có những bước khó ấy thì chỉ là một mớ sờ-đắc cẩu xén và chấp nối, chứ không phải là đạo giải-thoát. Ai bác bỏ cái huyền-diệu tức tự mình từ chối không chịu thoát ly cái huyền-diệu. Sự hành chứng này, đối với người tu theo Đại-thừa rất khẩn thiết hơn là đối với người tu theo phái Nguyên-thì. Thật vậy, người tu theo phái Nguyên-thì có thể bám víu vào sự tin-tưởng vạn-vật là thật có, để che mắt không thấy cái hố trống không. Trái lại, ai đã nhận theo con đường cứu-cánh của Đại-thừa, lấy sự khai mở Trí-Bát-nhã làm trọng, như Bồ-Tát Long-thọ chủ-trương, tức tự thấy phải từ bỏ mọi sờ-đắc. Tất cả những gì có thể gọi được, có thể làm được. Đại-thừa đều cho là những sự thật thỏa-hợp (giữa chúng-sinh sống trong hư-vọng). Ngoài tâm cũng như trong tâm, không có gì là không giả danh. Chính Đức Phật cũng là một giả tướng; Niết-bàn là một hóa thành và không có gì chân thật cả, y như Ta-bà là cảnh-giới hiện-tượng mà Niết-bàn xem tuồng như là đối-tượng. Vậy thật không có gì đáng gọi là Giải-thoát. Và như thế, tại sao không chịu an trú trong cái Vô-vi, trong cái Bất-nhĩ, là cái « không » đối với cái « hữu » của thế-tính (tuy nói không, nhưng không phải là cái trống-không)? Đáng khâm-phục thay con đường của Bồ-tát là con đường của đại-hùng, đại-lực, của tinh-tấn dũng-mãnh, của bất thối chuyển ! Trong Lục-ba-la-mật — có khi cũng nói là Thập-ba-la-mật — ba-la-mật được giải-thích nhiều nhất là **tinh-tấn ba-la-mật** hay đức trí chí, trạng-thái thụ động của đức hùng-lực. Cái kiên gan cao độ nhất của con nhà Phật không nằm trong cái sức chịu đựng những nghịch cảnh, những ác-nghiệt của thế-tính, cũng không nằm trong tinh-thần tử vì đạo hay trong cái khẳng-khái trì-giới, khổ-hạnh mà ở chỗ nén lòng hành Pháp, đặc hành trong-không-không, chẳng hối tiếc cũng như chẳng kỳ vọng một điều gì. Về vấn-đề này, người ta có thể viết hàng vạn cuốn sách dày mớ, nhưng khi đem ra thực hành, không phải dễ như vậy đâu.

---

(1) A-tỳ-đạt-ma, (Abhidharma)

Trên con đường hết sức nghiêm khắc như thế, hết sức từ xả như thế, hành-giả có một sự giúp đỡ nào không, dù là tạm bợ? Có. Đó là sự giúp đỡ của vị Minh-sư mà địa-vị, trong Phật-giáo Tây-tạng, hết sức lớn lao. Trong khuôn khổ của mấy trang này, không thể nào nói cho cùng tận tính cách và lý-do của sự gia-hộ ấy. Nhưng, ở đây, nghĩ không cần nhấn mạnh một lần nữa rằng cái khó không phải ở Thầy mà ở khả-năng hấp thụ của trò. Người nào đã quen với mối tình tâm-giao của giới-luật phương Tây hay với lối tự thân «*Điêu dặt*», nên xa lạ những thói ấy đi kẻo bị thất vọng cay chua. Vị Minh-sư nói ở đây chính là người giúp cho kẻ đệ-tử có những kiến giải chân chánh, trông nom đề tránh những bước lạc hướng hoặc thúc đẩy đề sửa chữa sâu xa hơn, nhưng đối với trò, Thầy gần như người xa lạ. Giữa hai đảng có một mối liên-quan vừa hoàn-toàn vừa bất thức, vì nó thuộc về lãnh-vực của Pháp-thân.

Cứ như thế, việc truyền Pháp không phải không có những khó khăn trọng đại. Thầy và trò khó thông cảm nhau, (2) thường là vì ngôn ngữ bất đồng, luôn luôn là vì đôi đảng có những khái-niệm khác nhau và về mặt tâm-lý, có một dĩ-vãng tuyệt vô đồng diễm. Thật vậy, dù trong thí-dụ một người Tây-phương ít tọc mạch nhút, cái chứng ngộ của người ấy trong lúc bế quan tu tĩnh, hoặc ở chùa hoặc ở nhà, vẫn rất khác, trên hai phương-diện tầm kích và trọng lượng, với cái chứng ngộ của nhiều tu-sĩ Á-dông, và nhút là của tu-sĩ Tây-tạng. Sự sai khác ấy có thể ví với sự sai khác giữa những kinh nghiệm của người trưởng thành và những kinh nghiệm của trẻ con. Cái gì mà lúc đầu đã làm cho người Phật-tử Âu-tây xúc động và thích thú, sẽ sớm làm cho họ khó chịu. Nếu về mặt tu hành, tình trạng ấy sẽ trái ngược hẳn lại khi người Phật-tử Âu-tây cố gắng bước những bước đầu trên nẻo Chánh Đạo, vẫn còn e rằng sự kiến giải của họ khó được người khác hiểu thấu và nhận ra. Cũng thế, họ khó bày tỏ những khó-khăn mà họ phải gặp, về mặt tâm lý, khi họ tập thiền quán, thí-dụ: Tình trạng ấy dễ đi đến chỗ bế tắc: phần Thầy thì thật là khó nghĩ vì không biết phải năng đỡ đi dặt như thế nào, còn trò thì bị lâm vào

---

(2) Ở đây, tác giả nói với độc-giả tây-phương (L.T.S.)

tình cảnh của cá mắc lưới, hết sức vùng-vẫy mà không thoát. Vậy những độc giả của các loại sách gọi là « Cầu Đạo » (3) đừng mong dễ gặp bậc Minh-sur lý-tưởng, có tha-tâm-thông, có khả-năng đáp lại những thắc-mắc không nói ra và dùng oai thần làm sáng tỏ tâm tánh của người đệ-tử Những bậc Đại Đạo-sur, các bậc Hiền Thánh không có nhiều đâu !

Ở đây, tôi không có ý dài dòng về một loại khó khăn chót, nhưng không phải không đáng sợ đâu : đó là sự cách biệt giữa xã-hội Phật-giáo hiện nay với cái lý-tưởng mà họ tự tin là đại-diện. Cái nghiệp chung của chúng-sanh là phải luôn sống với và trong những cái bất hảo, bất thiện của hoàn-cảnh, quốc độ mình. Tuy nhiên, những khiếm-khuyết của một hoàn-cảnh lạ lại lắm khi có những nét nổi bật không biện hộ được.

(Trích Nguyệt-san Từ-Quang số 94, 95, 96  
và 97 do Hội Phật-học Nam-Việt xuất bản)

## NHÀ SÁCH MINH - ĐỨC

27, Đại-lộ Phan-Châu-Trinh — ĐÀ-NẰNG

### TỔNG PHÁT HÀNH :

- Kinh — Sách — Báo Phật Giáo.
- Chuỗi lần — Cờ Phật Giáo vải và giấy.
- Huy hiệu, Cặp hiệu và tài liệu về Gia Đình Phật Tử.
- Pháp khí: Chuông Mỏ Hương Trâm.
- Tượng Phật đeo đeo và để thờ.

### SÁCH GIÁO KHOA — VẬT DỤNG VĂN PHÒNG

Hiện nay Nhà sách MINH ĐỨC có Hai quyển sách của Tác giả **VÕ ĐÌNH CƯỜNG** mời tái bản :

— **ÁNH ĐẠO VÀNG** In lần thứ VI. Trình bày đẹp, có những minh-họa của các Họa-sĩ hữu danh, Giấy vừa 30\$, giấy tốt 35\$.

— **THỦ HÒA ĐIỀU SÓNG** In lần thứ III. Trình bày đẹp, in trên giấy trắng giá 25\$.

Các nơi muốn mua Sĩ đề phát hành, xin giao thiệp với Ông Lê văn Lộc.

(3) Spiritualité.

**H**OA nở một lần  
Hương còn muôn thuở  
Bao lần qua xuân  
Thuở ấy dương trần  
Ưu - đàm - hoa nở  
Chim vàng bờ - ngõ  
Đưa lời thanh - thanh  
Một con chim xinh  
Ngàn con chim mộng  
Vèo qua biên thành  
Rừng xưa lối ấy  
Mấy ngàn xuân qua  
Tàn ưu - đàm - hoa  
Hồ xưa lắng đáy  
Trời xanh - xanh huyền  
Nghiêng - nghiêng xứ thiên  
Một con chim lạ  
Dừng soi dậm nghìn.

**THẠCH TRUNG - GIẢ**

Hiếu thức giấc bởi tiếng chuông chùa ngân dài và lọt vào nhà đánh thức. Đêm nay mồng 7... sáng mai chắc Hiếu sẽ đặc mì lắm, vì mồng 8 tháng 4.

Tiếng mõ khoan thai, tiếng tụng kinh đều đều từ chùa bên đưa lại.

Định ra chùa xem, song đường xóm tối quá, đi lẫn trong bóng tối, và Hiếu đã ra đến chùa, một bầu ánh sáng quy tụ ở nơi đây.

Hiếu nghĩ thầm sung-sướng vì mới đêm mồng 7 mà người đi lễ đông thế... Hướng chỉ ngày mai là mồng 8.

Hiếu nghĩ bụng sẽ chơi suốt đêm nay ở đây, độ 1 giờ sắp mì bán cho đạo-hữu đến hành lễ.

Trong những ngày hội. Hiếu thường sung-sướng vì mì bán được, lãi nhiều. Bởi thế ngày

mồng 8 đối với Hiếu là cả một cái gì mà nó mong ước từ lâu.

Trên ngọn các cây dương-liễu, phượng, đèn điện sáng choang, suốt dọc đường, cách chùa hàng mấy chục mét, ánh sáng của những chiếc lồng đèn cũng bỏ về quy tụ nơi đây, như muốn bao trùm cái tối tăm mà từ lâu nó vẫn ngự-trị. Trên đài cao ảnh Đức Thích-

Ca, với đôi mắt hiền từ đương nhìn xuống...

Hiếu sợ sệt vì hình như cái ánh sáng

ở đây làm tôi được cái đỡ bần ở áo quần mặt mũi, và cả thân thể Hiếu nữa... hay là ở bên trong... mà Hiếu không thể hiểu được.

Trở vào nhà tin cho mẹ biết đêm nay Hiếu sẽ thức chơi, và đợi đến 1 giờ sáng đi sắp mì về bán, người đi làm lễ càng lâu càng đông hơn... mặc dầu mới đêm mồng 7...

## TIẾNG CHUÔNG NGÀY

# M Ì Ò N G 8

với em bé bán mì

Cảnh tối tăm ở trong xóm không mấy vừa lòng. Bởi thế Hiếu lại ra chùa... 10 giờ, người bắt đầu thưa-thốt có lẽ họ dưỡng sức để khuya, còn phải dấy vào 1 giờ khuya để dự lễ... Riêng Hiếu vẫn đợi cho kỳ được... mặc dầu quá buồn ngủ. Song nghĩ đến số tiền lời mà Hiếu đã thu được, khêu gọi làm Hiếu phấn khởi thêm.

Ngồi một lúc mỏi quá, nằm xuống ở bệ chuông cạnh chú Tiểu đang thông thả niệm Phật, ánh điện sáng, mát và dịu ở đây, hòa với tiếng tụng kinh thanh-thoát làm Hiếu thích lạ.

Giác ngủ sắp đến với Hiếu! Hiếu quả quyết: không! nếu nhờ sáng dậy trưa, bán không được mì... Hiếu sẽ bị mẹ mắng, gia-đình sẽ khổ, mẹ con sẽ bị thiếu hụt, lo sợ quá song hai con mắt chỉ chực nhắm lại.

Nghĩ ra một kế hay, nó xick lại thắp chuông, hẳn quả quyết, 1 giờ là lúc sẽ cử hành lễ chắc thế nào chú tiểu cũng đánh chuông, khi ấy nhờ tiếng

chuông, hẳn sẽ giậy, cũng chưa muộn và hẳn mồm cười nhảm mắt bắt đầu ngủ.

Giờ hành lễ đã bắt đầu, người đi lễ đã đông, chuông chùa đã 5, 7 lần đánh thế mà Hiếu vẫn say sưa với bóng tối không hay biết gì cả.

Hiếu thức giấc có lẽ bởi tiếng chuông to hơn, ngạc nhiên nhìn quanh một lượt, ánh sáng làm mắt hẳn khó chịu, đứng nhanh dậy và chạy thẳng về nhà, vừa chạy vừa suy nghĩ. Thế là mất rồi, hẳn sợ sệt, có lẽ giờ này mẹ hẳn đang tìm hẳn.

Hắn thầm oán tiếng chuông chùa, sao lại đánh nhỏ thế, nếu tiếng đầu tiên đánh thật to, chắc hẳn đã dậy kịp và không sợ sệt như lúc này... Hắn về đến nhà trong khi mẹ hẳn đang tìm hẳn ở mấy nhà hàng xóm.

Mặc thêm chiếc áo, hẳn chạy bay về phía lò mì. Hắn nhớ lại cách đây mấy hôm hẳn có xem truyện «Tiếng chuông

thức-tỉnh» không biết những người cần tiếng chuông thức-tỉnh có đến muộn như hân không, hân quên mất. Hay là họ cũng đợi đến mấy chục tiếng mới thức-tỉnh được...

Người trong truyện và hân, nếu không nhờ tiếng chuông có lẽ giờ này sẽ bị bóng tối bao trùm lấy, mặc dù hơi muộn.

Đến lò mì khi nào không hay biết, sấp mì vào bao xong mang lên vai đi nhanh vào chùa, thấy người đi dự lễ đông quá, hân mừng thầm. Chưa ai mua cho hân một ổ nào hết, hân ôm mì vào lòng cho ấm, hân sợ sệt vì hân vừa suy nghĩ: nếu không có tiếng chuông kia đánh thức. Khi ấy mẹ hân sẽ thế nào, và cả gia đình hân nữa, ngày mà hân chắc sẽ đắc địa nhất. Mỉm cười đứng dậy vác mì lên vai và bắt đầu rao! rao khản cả giọng mà chưa ai mua cho hân ổ nào cả.

Trời tạnh nắng mà chưa bán được phần nữa, lo sợ, hân đi và rao nhanh hơn, không để ý đến cảnh vật hai

bên nữa, đến sáng chưa chắc đã hết.

Người đến làm lễ càng lâu càng đông hơn, tiếng tụng kinh to dần, làm cho tiếng rao của hân bị cái âm thanh ấy cuốn theo, đi khắp đó đây, thế mà vẫn chưa hết. Quần áo đã ướt bởi mồ hôi thấm ướt, song hân vẫn cố gắng.

Trời sáng tỏ hơn, mì của hân bán gần hết, cái cố gắng của hân đã có kết quả. Cố gắng có thể vượt qua tất cả khó khăn, suy nghĩ thế hân thấy đứng với hoàn cảnh hiện giờ của hân quá.

Cái ánh sáng của điện mờ đi, khi rạng đông đã trở về và tiếng chuông chùa vừa dứt.

Ngồi cạnh chủ Tiểu đánh chuông, chủ Tiểu xích lại gần và hỏi hân:

— Cậu dậy làm gì sớm thế? Sao cậu không đi lễ? Hân bẽn lẽn cúi xuống nhìn lại áo quần. — có lẽ cái quần rách rưới của hân, đủ nói lên rằng: hân là một đứa trẻ nghèo nàn



dậy sớm đây có lẽ vì sự sống.

— Dậy để bán mì! hán trả lời.

— Chắc chắc lắm phải không?

— Dạ! Hán thấy hán lạc lỏng giữa rừng người đi dự lễ quá. Định đứng lại xem tí nữa. Song hán nghĩ, nếu thấy số tiền lời này chắc mẹ hán mừng lắm. Về tới nhà trong khi em hán chưa dậy, mẹ hán đi chùa chưa về.

Lãi được 45\$ một số tiền mà hán suy nghĩ mãi chưa có khi nào lãi nhiều đến thế.

Mẹ hán vừa đặt chân vào nhà, hán giao cả số tiền cho bà, và thấy lỏng lỏng sung sung.

Trưa hôm ấy khi ăn cơm thấy giữa mâm một đĩa rau muống luộc, một chén tương và một chén xì dầu hán người mắt nhìn mẹ hán. Như đọc hiểu tâm trạng của con ở hai con mắt:

— Hôm nay ăn chay.

— À...

Bữa trưa ấy hán ăn thấy ngon quá. Không biết đồ ăn lạ hay là cái sung sướng được lãi nhiều ảnh hưởng cho bữa cơm. Vừa suy nghĩ ra một cái gì ngớ ngẩn hán mỉm cười thấy thế mẹ hán hỏi:

— Cái gì thế?

— Con vừa nghĩ: Nếu cứ mồng 8 tháng tư mãi chắc gia đình ta và những gia đình nghèo đỡ khổ — Tại sao thế? bà hỏi hán. Vì bà ta tưởng hán hiểu theo cái nghĩa của bà là: sẽ hết khổ khi đã diệt bớt được tham, sân, si và sung sướng theo tiếng kinh giải-thoát...

Hiểu một cách khác hán trả lời: — Mồng 8 tháng tư mãi, con và những kẻ bán buôn như con sẽ được lãi nhiều và sẽ sung sướng!

« Khi ấy con sẽ dậy lúc mà tiếng chuông thứ nhất vừa điểm. Nhưng mà chắc gì con và họ đã (dậy) được khi tiếng chuông thứ nhất, nếu có được đi nữa thì vì tranh giành nhau bán cho được hàng, có lẽ

sẽ không được lái nhiều đầu. Nhưng mẹ tin chắc rằng con và những người bán hàng quanh đây, và ai đi nữa, cũng không thể thức giấc khi tiếng chuông chùa thứ nhất vừa điểm đầu.

— Vì sao thế mẹ ?

— Nếu con và những người quanh đây và cả mẹ nữa thức giấc được khi tiếng chuông thứ nhất vừa điểm, thì mẹ tin

chắc rằng tất cả thế giới này sẽ trở thành nơi Cực-lạc.

Tiếng tụng kinh của đạo hữu đến chậm chậm thoảng vào trong gió như nhắc nhở gia đình Hiếu nhớ lại ngày sung sướng nhất, cái khổ mà hoàn cảnh đã giao phó, sẽ mất đi một phần nào khi bóng đức Từ-Bi rọi về với nhân-loại.

**DUY - ĐỨC**

Quảng-Trị

« Bánh xe Phật - Pháp xoay vần trên khắp quốc độ Việt-Nam đến nay đã gần hai mươi thế-kỷ. Nhân tâm, phong-tục, văn-hóa, chính-trị trong nước đều đã chịu ảnh hưởng rất sâu xa của Phật-Giáo. Tăng-đồ và Thiện-tín từ Bắc vào Nam, một lòng quy ngưỡng Đức Điều-Ngự THÍCH-CA MÃU NI, sống trong tinh thần từ-bi hỷ-xã và luôn luôn lo toan xây dựng hòa-bình. Nhưng sự đời không hòa nhịp với lòng mong mỏi, hoàn cảnh trước đây đã chia ranh giới ba phần, nên Phật sự cũng phải tùy duyên mặc dầu Phật-pháp vẫn bất biến. Sự tương mỗi phần mỗi khác, làm cho mắt bàng quan xem như có điều chia rẽ. Nay cơ duyên thuận tiện Phật-Giáo Việt-Nam tất phải được Thống-Nhất. Hơn nữa, họa chiến tranh đang gieo rắc khắp nơi, nhân loại đang lâm vào cảnh lâm than phiến nã. Chính là lúc Đạo Từ-Bi vô thượng phải đem nước Cam-Lồ mà tưới tát lửa sân si để xây dựng cảnh hòa bình cho nhân-loại... »

Trích đoạn đầu trong bản TUYÊN-NGÔN THỐNG-NHẤT của 51 Đại-Biểu Phật-Giáo Toàn Quốc họp tại Chùa Từ-Đàm năm Tân-Mão (1951)

**Tìm hiểu một vài Phật sự :**

## ***Tôi sáu mươi tuổi mới được tám năm vui và còn nữa. . .***

— Thiết tưởng Tỉnh-hội Phật-giáo và các Khuôn hội Phật-giáo nên thiết lập thêm nhiều vườn ương hạt giống từ-thiện hơn nữa.

— Tôi sẵn-sàng trao đổi những kinh-nghiệm tồ-chức các vườn ương này.

(Lời tâm sự của Đạo-hữu N.T.T., ủy-viên từ-thiện Tỉnh-hội Phật-giáo Thừa-thiên, hay là LỊCH TRÌNH TIẾN TRIỂN CỦA BỆNH-XÁ TỪ-ĐÀM do Đạo-hữu phụ trách).

**Phỏng-vấn của Vĩnh-Xuyên**

Có thể nói đúng một phần nào rằng tên của Đạo-hữu N.T.T. Ủy-viên từ-thiện của tỉnh-hội Phật-Giáo Thừa-Thiên, đã dính liền với bệnh-xá Từ-Đàm của Tỉnh-hội, vì Đạo-hữu đã góp khá nhiều công-dức trong việc thiết-lập và điều khiển bệnh-xá từ 8 năm nay. Sau một thời gian hoạt-động tích-cực và liên-tục bệnh-xá Từ-Đàm hẳn không còn xa lạ đối với đồng-bào thị-xã Huế và các vùng lân cận, nó gần được 8 tuổi và đã bắt đầu có « tên tuổi » bởi những thành-tích công-tác rực-rỡ góp phần thoả dịu những đau khổ bệnh tật ở chung quanh. Chúng ta rất lấy làm hoan-hỷ nhận thấy công-tác từ-thiện và xã hội này đã được Tỉnh-Hội Phật-Giáo Thừa-Thiên đặt thành vấn-đề trụ chốt thường-xuyên và được thực hiện hằng ngày để nuôi-dưỡng và bành trướng một niệm lành cho hàng Phật-tử. Hiện nay, Bệnh-Xá Từ-Đàm đang tiến triển mạnh và đã có cơ sở tương đối vững-vàng : một trụ sở mới của Bệnh-xá đã được thiết-lập ngay trong vườn chùa Từ-Đàm và tại đây mỗi ngày Nữ-cứu-thương và nhân-viên Bệnh-viện tận-linh săn-sóc những người bệnh hoạn dưới mắt đấng Từ-Bi, đó là một cảnh-tượng đáng khích-lệ về tình tương-thân tương-ái có bề icht thiết-thực về mọi phương-diện, giữa kẻ cho và người nhận.

Sau đây, xin quý vị độc-giả theo dõi cuộc đàm-thoại giữa Đạo-hữu N.T.T. (người phụ trách bệnh-xá) và chúng tôi để hiểu tường tận hơn về bệnh-xá Từ-Đàm.

Cuộc đàm-thoại đã diễn ra ở một góc đường phố Huế, hẳn nhiên

*là may mắn lắm chúng tôi mới được gặp Bác. Tuy khó gặp Bác được ở nhà riêng, vì Bác thích cuộc đời phiêu lưu, luôn luôn thích đồ mờ mờ hồ hồ phục vụ từ-thiện, chẳng thể mà người ta đã tặng cho Bác danh hiệu « Ủy-viên từ-thiện lưu động thường trực » sao ? Tiếp theo đây là những câu hỏi của chúng tôi và những câu trả lời nhí-nhảnh vui-vẻ của Bác mặc dầu đang chuẩn bị ăn mừng « lục tuần đại khánh-tiết », Bác vẫn còn nhiều thành-niên-tính...*



**HỎI.** — Bác là người khai sinh và xây dựng bệnh-xá Từ-dàm phải không?

**ĐÁP.** — Nói dốc hoài! không đúng. Đó là công đức của quý vị Tăng-già, của chư-vị Phật-tử. Tôi chỉ là một kẻ xung phong phát nguyện thừa-hành Tỉnh-hội Phật-giáo Thừa-thiên trong việc thiết-lập và điều-khẩn bệnh-xá từ 8 năm nay. Có lẽ người ta thấy tôi lúc nào cũng có vẻ « Lãng-xãng » công việc tại bệnh-xá này nên tưởng tôi là « khai bệnh-xá công thần » đó chứ gì. Tôi xin nói rõ tôi chỉ là một ông cai cương quyết làm tròn sứ mạng đã được giao phó, mặc dầu khó khăn vất vả mấy cũng không lùi bước. Tôi cũng sắp về hưu chẳng có lương tiền gì, nhưng trong 8 năm nay nhờ công tác thường xuyên ở bệnh-xá mà tôi cảm thấy đời sống của tôi vui lạ, 60 tuổi 8 năm vui, và chắc còn nhiều vui nữa, kể cũng đủ làm cho tôi hài lòng lắm rồi, tôi không trông mong gì khác.

**HỎI.** — Bệnh-xá Từ-dàm đã được thiết lập do nhân duyên nào?

**ĐÁP.** — Nguyên năm 1952 lúc súng đạn bom chiến tranh còn thi nhau nổ rền, bệnh tật và đau khổ nhiều quá, tiếng khóc lẫn át nụ cười, thầy Thích-Thiện-Siêu lúc bấy giờ là Trụ-tri chùa Từ-dàm và toàn thể quý thầy cùng đồng ý với ban trị-sự Phật-giáo Thừa-thiên, muốn làm một cái gì thực tế và có tánh cách thường xuyên để bớt nỗi khổ đau ở chung quanh; với cái niềm lành mãnh liệt đó, việc thiết lập bệnh xá được đề cập đến và tôi là người đầu tiên được

giao phó trọng trách tổ chức bệnh xá trong một hoàn cảnh khó khăn; có thể nói chúng tôi đã thiết lập bệnh-xá từ con số không, nhưng tôi rất lấy làm ngạc nhiên mà nhận thấy rằng mọi sự khó khăn buổi ban đầu đều dần dần vượt qua một cách dễ dàng bởi sự hưởng ứng nhiệt-thành của rất nhiều thiện-chí, do đó tôi càng tin-tưởng thêm rằng: muốn thành tựu việc gì, trước hết phải xây dựng một niệm lành vững chắc và cương quyết, sau đó những điều kiện thuận tiện sẽ đến, vì niệm lành có mãnh lực biến chuyển được hoàn cảnh khó khăn trở thành thuận tiện: bệnh-xá Từ-dám là một dẫn chứng hùng-hồn vậy.

HỎI.— Từ khi thành lập đến nay, bệnh-xá Từ-dám đã biến chuyển như thế nào?

ĐÁP.— Thoạt đầu năm 1952, tôi đã thuê một cái nhà ở trước chùa Từ-dám để làm bệnh-xá, tuy không đầy đủ phương-tiện, nhưng vẫn có phòng cho thuốc, tủ thuốc và chỗ khám bệnh, cùng một số ít y-cụ cần thiết; từ đấy bệnh xá Từ-dám đã chịu cảnh ngược xuôi rày đây mai đó những ba bốn lần, khi thì ở trước chùa Từ-dám, lúc phiêu lưu vô tận chùa Diệu-đức, lúc ra chơi Cổng Tường-vân và bây giờ đây, nhờ vô số công đức hợp lại, bệnh-xá Từ-dám đã xây dựng chẽm-chệ ngay trong vườn chùa Từ-dám, chắc chắn là không còn sợ cái nạn chạy rong nữa, trụ sở mới này xây Plots, lợp tôn, cao ráo rộng rãi, có phòng khám bệnh phòng phát-thuốc, tiêm thuốc, tủ thuốc và đủ chỗ cho nữ-cứu-thương ứng trực để làm việc.

HỎI.— Bệnh-xá Từ-dám lâu nay hoạt-động như thế nào?

ĐÁP.— Bệnh xá do một số các Bác-sĩ hăng tâm vui lòng đảm nhận mỗi tuần đến khám bệnh, quý vị Bác-sĩ ấy là Bác-sĩ Trần-kiêm-Phán, Bửu-Du, Thân-trọng-Phước v.v... và mới đây B.S Phan-đông-Tùng cũng hứa sẽ đến khám giúp mỗi tuần 2 lần. Ngày thường thì nhân-viên cứu-thương lo săn-sóc những bệnh thường và bày vẽ vệ-sinh cùng cách phòng bệnh cho đồng bào, và phụ trách luôn việc tiêm thuốc và phát thuốc cho các bệnh-nhân. Lúc bắt đầu, nhân-viên bệnh-xá rất ít

người, chỉ có Đạo-hữu Dương-Anh, vài chị nữ cứu-thương tận tâm và tôi. Về sau số nữ-cứu-thương tinh nguyện đến học việc và số Ni-cô phát nguyện đến phụ lực càng ngày càng đông, các khuôn hội cũng có gởi con em Phật-tử đến bệnh-xá giúp việc và học thêm ngành cứu thương. Có thể nói rằng bệnh-xá cũng là nơi đào luyện ngành cứu-thương và phổ-biến y-học thương-thức trong giới Phật-tử. Những Phật-tử tập sự cứu-thương tại bệnh-xá thời gian từ 8 tháng đến 1 năm, khi xét các em đã đủ tư cách hành nghề cứu-thương, thì chúng tôi trình Tỉnh-hội Phật-giáo đề nghị Ty Y-tế Thừa-thiên cấp chứng chỉ để tiện dụng. Trong số các em, bây giờ đã có người trở thành nhân-viên của các bệnh-xá công hoặc tư, hoặc dời qua ngành cô đỡ và được bổ dụng đi các nơi, có em thì trở về các địa phương ở vùng xa xuôi để giúp ích. Tổng số các em cứu-thương được Tỉnh-hội Phật-giáo yêu cầu Bác-sĩ Quản-đốc Y-tế Thừa-thiên cấp bằng cứu-thương hiện đã lên tới 50 em. Như vậy bệnh-xá Từ-dâm không những đã giúp ích cho bệnh nhân mà đồng thời cũng giúp ích cho chính bản thân các em cứu-thương có thêm hiểu biết đầy đủ để làm việc từ-thiện về ngành này hoặc giúp cho đủ kinh-nghiệm nhà nghề để hành nghề một cách xứng đáng. Tất cả các em cứu thương đều phục-vụ không lương, lắm khi còn hy-sinh chịu mọi phí-tồn đẽ đến tận các chỗ cần như các chùa, các trại hợp bạn của gia-đình Phật-tử để chăm nom các bệnh bất ngờ hoặc tai nạn. Đặc biệt nhất là từ mấy năm gần đây, trong các ngày lễ Phật-dản, bệnh-xá Từ-dâm đã huy động cả một đội cứu-thương len lỏi qua các hàng rào người đi rước Phật, tận tâm cứu tỉnh các người bị xâm xoàng hoặc bị tai nạn bất ngờ. Đó là chưa nói trong các dịp Đản và Vía chư Phật, như Vía Đản-sinh, Vía Đức Quan-Thế-Âm, Đức Dược-Sur v.v... thì bệnh-xá Từ-dâm lại đặc biệt cúng dường thêm giờ làm việc, tăng cường thêm nhân-viên giúp việc và tăng thêm số thuốc men phát ra nhiều hơn ngày thường gấp bội. Bệnh-xá làm việc hàng ngày trước kia có nghỉ ngày chủ nhật, nhưng mới đây bệnh xá cũng mở cửa luôn ngày chủ nhật nữa để ứng đáp với những

nhu cầu của những bệnh nhân thường có chỗ đến xin săn sóc, trong khi bệnh viện công không khám các bệnh thường trong ngày chủ nhật, sáng kiến này được đồng bào quanh vùng rất hoan nghinh, và các em nữ-cứu-thương tuy phải làm việc thêm mà ai nấy đều rất hoan-hỷ.

HỎI . — Tài-chánh và thuốc men của bệnh xá có được dồi dào đầy đủ không? Có những ai giúp đỡ?

ĐÁP . — Không bao giờ có thể nói là dồi dào, nhưng khi cần đến thì cũng đều có thể có đầy đủ, thuốc men thì lắm khi có đủ các thứ thuốc qui và đắt tiền đều sẵn sàng PHÁT KHÔNG cho bệnh nhân. Tỉnh-Hội Phật-Giáo Thừa-Thiên trợ giúp một số tiền thường xuyên, còn nữa thì do các Phật-tử hoặc các đồng bào có cảm tình với Bệnh-xá vui lòng giúp đỡ hàng tháng một số tiền, hoặc một số thuốc men. Ty Y-Tế Thừa-thiên cũng có mỹ-ý cấp cho bệnh-xá hàng tháng một số thuốc cần-thiết, ngoài ra có một số các vị Dược-sĩ hoặc các vị Mạnh-thường-Quản tỉnh-thoảng tự động gửi thuốc đến cho bệnh-xá. Khi nào có những lễ lớn như Phật-Đản, Vu-Lan, Dược-Sur v.v... Các khuơn-hội Phật-Giáo tỉnh thoảng đều có gửi thuốc đến cho. Có những nhóm Phật-tử, hoặc tư nhân, mặc dầu không khá giả gì mà cũng đã có thể giúp thuốc men cho bệnh xá bằng cách giữ gìn các thứ thuốc dư dùng hoặc không cần dùng của gia đình họ, rồi đem gửi đến bệnh-xá, cách cho này rất cảm động và chân-thành, và cũng là thiết thực, vì thuốc dư khỏi bỏ ồng mà vẫn có chỗ dùng.

HỎI . — Bệnh nhân đến nhờ bệnh xá săn sóc là những hạng người nào? có phân biệt quyền lợi trong sự săn sóc không?

ĐÁP . — Bệnh xá Từ-Đàm săn sóc tất cả các bệnh nhân đến nhờ săn sóc, nhất thiết không phân biệt người nào hay giới nào hay dành riêng cho một ai cả. Phần đông các bệnh nhân là người nghèo khổ, trong số bệnh-nhân cũng có cả

thêm quân-nhân và nhiều tin-đồ của các tôn-giáo khác. Các bệnh-nhân đều được săn sóc châu đáo và tiếp đón niềm nở, họ không phải trả một món tiền nào cả. Số bệnh nhân mới đầu còn e dè nhưng sau số ấy mỗi ngày mỗi tăng thêm cho đến nay trung bình mỗi ngày trên 150 người, xin nói rõ là bệnh xá chỉ khám và chữa những bệnh thường cùng phát thuốc tiêm thuốc, còn những bệnh nặng nếu cần đem đến bệnh viện thì chúng tôi lo gọi xe Hồng-thập-tự và giúp đỡ thân nhân họ đem họ đến Bệnh-Viện Trung-Uơng cứu chữa.

HỎI. — Ban Từ-thiện của Tỉnh-hội do Bác phụ trách có dự tính phát triển bệnh xá thêm nữa không ?

ĐÁP. — Đó hẳn là sự mong mỏi của chúng tôi hòng dần dần đem lại cho bệnh xá đầy đủ tiện nghi hơn. Hiện thời bệnh xá Từ-Đàm cũng đã đủ điều kiện để phục vụ bệnh-nhân quanh vùng. Tốt hơn là nên thiết lập thêm nhiều bệnh-xá tại nhiều địa điểm khác nữa, trước để giúp đỡ đồng bào bệnh hoạn trên một lãnh vực rộng rãi hơn và sau nữa cũng để gây thêm được nhiều hoàn cảnh thiết-thực cho anh chị em Phật-tử tự huấn luyện mình làm việc từ thiện hằng ngày ; có thể nói những bệnh xá là những vườn ương chủng-tử lành cho những người Phật-tử phụ trách mà đồng thời cũng cho tất cả mọi Phật-tử và mọi người khác để góp công, góp của trong công tác Xã-hội Từ-Thiện này. Do thế, nên năm ngoái đây, Ban Từ-thiện của Tỉnh-Hội Phật-giáo Thừa-thiên vừa thành lập thêm một bệnh-xá tại phường Tây-lộc Thành nội Huế, phường này ở xa các bệnh-viện công tư nên bệnh-xá này rất cận tiện cho bà con trong vùng, hiện bệnh-xá Tây.lộc đã hoạt động đều đặn và đã thu được nhiều kết quả khả quan. Tôi hy vọng và cầu nguyện sẽ còn nhiều bệnh-xá khác nữa lần lượt sẽ do các Tỉnh-hội Khuôn-Hội Phật-Giáo ở các địa phương phát tâm thiết lập trong một tương lai gần đây. Ban Từ-thiện của Tỉnh-Hội Phật-Giáo Thừa-Thiên do tôi phụ trách xin sẵn sàng cống hiến những kinh



nghiệm tổ-chức và điều hành, và tùy theo phương tiện sẽ xin giúp đỡ phần nào trong công cuộc tổ chức.

HỎI.— Bác hằng hái trong công tác từ thiện bệnh xá, vậy xin bác cho biết quan niệm của bác về từ-thiện như thế nào?

ĐÁP.— Những người Phật-tử như chúng ta thì nên tìm hiểu và học hỏi quan niệm ấy trong các kinh sách của Đạo-Phật và nhờ quý vị Tăng-già giải thích cho thêm tường tận, tôi không đủ sức để đưa ra một quan niệm chính xác. Riêng tôi, tôi thấy rằng nói hay chỉ cho lắm cũng không bằng bắt tay làm một cái gì có thể lợi lạc cho kẻ khác, nghĩa là làm cho họ bớt khổ được vui phần nào và trong khi làm đó, phải nên khiêm tốn kính cần, thì tự nhiên thấy lòng mình cũng được vui và bớt khổ, tôi hiểu thế là từ-thiện đó, tôi chỉ biết nôm na như vậy thôi.

HỎI.— Nghe đồn Bác sắp xin thôi công việc ở bệnh-xá để về dưỡng lão phải không?

ĐÁP.— Tôi tin tưởng rằng sự thành công của bệnh-xá là một nguồn cảm hứng vô song cho anh em trong gia đình Phật-tử, vậy chắc sẽ có người sẵn sàng gánh vác công việc thay tôi để tôi nghỉ ngơi trong một thời gian qua công tác việc Phật-sự khác, nhưng nếu chưa có ai muốn ra thay tôi ở bệnh-xá thì vấn đề « về lưu » của tôi e không thành mà cũng đến tam tứ thứ « nhưng lưu » cũng nên.

HỎI.— Nghe đồn Bác sẽ tổ chức lễ hạ-thọ lục tuần to lắm, xin Bác cho biết Bác có sở thích gì để chuẩn bị lễ mừng bác?

ĐÁP.— Có người bảo tôi tổ chức ăn 60, nhưng tôi chưa biết ăn làm sao đây, chưa nhất định gì. Nhưng nếu anh muốn mừng tôi vào dịp này, hoặc ai có muốn mừng tôi như anh vậy, thì xin mỗi người làm giúp cho tôi một số việc từ thiện nào đó, thế là tôi khoái lắm. Trong năm nay, nếu có khuôn hội Phật-giáo nào tổ chức được thêm bệnh-xá nữa, thì tôi sẽ nhân dịp vui mừng đó ăn lễ hạ-thọ của tôi luôn thế.

Cõi Tì-Bì

Ưng-ánh cõi Tì-Bì

Xuân sang xuân bốn thì.

Nước mây hằng tự-tại

Vàng đá cũng tương-trì.

Rừng trở hoa an-lạc

Chim đừng cánh biệt-ly.

Ngọt-ngào trong tiếng pháp

Hương thoảng gió liên-trì.

Quách-Tấn

# NHỮNG NGÀ ĐUỜNG

của VÕ ĐÌNH CƯỜNG

CHUYỆN DÀI XÃ HỘI

(Tiếp theo)

## IV

**M**INH ở lại chùa Giác-Hạnh đã mấy hôm nay. Mỗi buổi sáng tinh sương, sau giờ công phu xong, nhà Sư Thiện-Ứng ngồi uống nước trà tại nhà trai và kể câu chuyện mà hôm đầu, nhà Sư đã hứa sẽ kể cho Minh nghe.

Câu chuyện ấy, trong vùng này nhiều người biết ; nhưng biết một cách tường tận và đầy đủ chi-tiết, chỉ có một mình Sư Thiện-Ứng, vì câu chuyện đã xảy ra quanh chùa, ngay cả trong chùa, và nhà Sư cũng là một nhân vật quan-trọng trong câu chuyện.

Nhưng, mặc dù đóng một vai quan-trọng trong tấm bi kịch ấy, Sư Thiện-Ứng, trong khi thuật lại che Minh nghe, không có dụng ý nâng cao hay khoe khoang vai trò của mình, cũng không vì sự thích thú được kể một câu chuyện có nhiều chi tiết éo-le, gay cấn. Mục-dịch của Sư Thiện-Ứng khi kể câu chuyện ấy, là muốn cho Minh hiểu rằng trong đời không phải chỉ có một mình Minh đau khổ, mà còn bao nhiêu người đau khổ nhiều hơn Minh

nữa, và mỗi khi đau khổ, không phải người ta chỉ có một cách giải quyết là lánh đời đi tu. Sư Thiện-Ứng, mặc dù là người của thế-hệ cũ, nhưng có một quan-niệm rất mới về sự tu-hành. Sư không muốn rằng nhà chùa chỉ là một nơi lẩn trốn của những kẻ chán đời, bất mãn vì công danh gian-dở, tình duyên ngang trái, những kẻ bất lực bị đời ruồng bỏ. Cửa chùa rộng mở để đón nhận tất cả mọi người; nhưng nếu chỉ toàn những hạng người nói trên đến nương bóng Từ-bi, thì bóng Từ-bi cũng thật là đen tối, buồn tẻ. Không lẽ truyền thống « tiến vi quan, thoái vi sư » của Đạo Nho lại đem áp dụng cho cả Đạo Phật nữa sao ? Nhưng trong thực-tế, Sư Thiện-Ứng nhận thấy nhiều trường hợp như thế quá. Một ông, khi chưa ra làm quan thì tự xưng là một Phật-tử thuần thành, nhưng khi ra làm « phụ mẫu chi dân » thì lại bắt bớ Phật-tử nhiều hơn ai cả, đến cuối cùng, khi thất thế, trở về tay trắng, lại « mượn thủ tiêu dao của Phật », và làm thơ chán đời và khuyên người ta mau thoát vòng danh lợi ! Đôi khi Sư Thiện-Ứng nhìn mây trắng trôi trên nền trời xa mà mỉm cười tự hỏi : « không biết những người ấy, một khi vòng danh lợi trở trêu buộc lại một lần nữa thì họ sẽ đối phó cách nào ? Cương-quyết dứt bỏ vòng danh lợi hay gấp rút thủ-tiêu những bài thơ rặc mùi chán đời của mình ? ». Sư không muốn Minh tu-hành theo cái kiểu tiêu-khiển, như uống rượu, ngâm thơ để giải sầu khi thất thế ấy. Với những tâm hồn thanh niên như Minh, Sư muốn rằng sự tu-hành phải vừa có ích cho mình và cho đời. Dựa lên quan-niệm rộng rãi, đại-thừa như thế, Sư cho rằng tu không phải chỉ có một cách là cạo đầu và ở chùa. Hình-thức thuần túy này chỉ nên để dành cho một số người có bản-lãnh, có đạo tâm kiên-cố, có sự phát nguyện đồng mãnh ; còn nếu vì thất tình, thất thế, thất cơ, lỡ vận

mà vào chùa, thì mặc dù Đạo Phật, trong giáo lý rất đại-hùng đại-lực, rất tích-cực, cũng trở thành trong thực-tế, rất yếm-thế, tiêu-cực.

Những ý nghĩ về sự tu-hành ấy, Sư Thiện-Ứng không nói ra một cách rõ ràng, nhưng qua câu chuyện mà nhà Sư kể, Minh dần dần nhận ra như thế, và càng ngày càng thêm kính nể nhà Sư, mà trước khi gặp, Minh tưởng rằng đây cũng chỉ là một vị « thầy chùa » xoàng xĩnh ở thôn quê mà thôi. Mỗi buổi sáng sớm, Sư Thiện-Ứng kể chuyện cho Minh nghe cho đến khi chú lái thuyền cụt chân vát chèo lên chùa tìm « ba hột lót lòng », mới thôi. Sau đó, Sư Thiện-Ứng dắt Minh ra sân chùa hay đi xuống dưới làng, chỉ cho Minh thấy tận mắt những nơi đã xảy ra câu chuyện, hay giới thiệu cho Minh làm quen với những nhân-vật trong câu chuyện của nhà Sư, trong ấy có Lực, anh lái thuyền cụt một chân, và Dung, cô giáo trường làng. Nhờ sự làm quen với những nhân-vật ấy mà Minh hiểu thêm được tâm-lý hay biết thêm nhiều chi-tiết mà nhà sư đã bỏ quên hay không nói ra, vì cho là không quan-trọng, hay khó nói vì địa-vị tu-hành của mình. Những điểm nào Minh thấy chưa rõ ràng, thì Minh lân-la gọi chuyện với Lực, để tìm hiểu thêm. Ban đầu Lực chỉ trả lời nhạt gừng hay qua-loa, vì Lực không thích ai gọi lại chuyện cũ đầy đau khổ và đen tối ấy; nhưng dần dần thấy Minh thật-tình muốn tìm hiểu, Lực không ngần-ngại trả lời cặn-kẽ những điểm Minh muốn biết. Và mỗi lần nói ra được những điều u-ẩn, xót đau chôn chặt từ đáy lòng, Lực cảm nghe quá khứ của mình nhẹ bớt âm-u, tủi-cực và ân-hận. Về phía Minh, thì ban đầu, khi mới nghe câu chuyện, Minh không khỏi thấy ghê tởm những hành động tàn ác của anh chàng có cái chân cụt ấy, và nhìn anh ta với cặp mắt

nghiêm khắc. Nhưng khi càng đi sâu vào đời sống của Lực, và nhận thấy sự thành thật trong ăn-năn, hối cải của chàng, Minh đâm ra thương Lực hơn là ghét, cảm mến hơn là nguyền rủa anh chàng tàn-tật ấy.

Riêng về chúng ta, chúng ta không nên nóng nảy hấp tấp đặt một lời phê-phán nào cả, trước khi được biết câu chuyện ấy đã xảy ra như thế nào.

## V

Câu chuyện ấy đã xảy ra ở vùng này ba năm trước khi Minh đặt chân đến chùa Giác-Hạnh, nghĩa là vào khoảng năm 194... Hồi ấy Lực còn lành lặn cả hai chân, và là một nông dân, hay nói đúng hơn, một tiểu nông, có được vài mẫu ruộng của cha mẹ để lại, tự canh tác lấy ruộng đất mình, nên đời sống cũng tạm đủ. Ngoài những vụ làm mùa, Lực cũng được thông-thả đi đây, đi đó. Có thể nói được rằng Lực là hạng nông-dân của thế-hệ mới, nghĩa là biết đọc, biết viết, ngoài giờ làm việc ở đồng áng, cũng biết chải rẽ, ăn mặc theo thanh-niên thợ thuyền ở thành-thị, nghĩa là áo sơ-mi, quần xanh hay trắng, mang giày hay dép da, có một ngòi bút máy giấu ở túi áo trên, một chiếc đồng hồ đeo tay loại rẻ tiền và một chiếc xe đạp, giữ gìn bao giờ cũng bóng loáng như khi mới đem ở tiệm về. Riêng về trường hợp đặc biệt của Lực, anh phải ăn diện tươm tất hơn tý nữa, săn-sóc từng nếp quần, nếp áo, vì anh đang cần làm cho cô bạn láng giềng phải để ý đến anh. Nếu Dung, cô bạn láng giềng cũng đồng ở trong thành phần của anh, thì vấn đề ăn mặc của anh cũng không lấy gì làm quan trọng lắm. Ngặt, cô Dung lại là một nữ giáo-viên ở xã anh. Mặc dù Dung chỉ học đến lớp nhất và lợi tức hàng năm chưa chắc đã hơn anh, nhưng trước mắt Lực, dù sao người ta cũng là một cô giáo, nghĩa là thuộc thành phần,

theo sự sắp đặt từ ngàn xưa, đứng trên thành phần của anh một bậc: nhưt sĩ, nhì nông kia mà!

Mà thực! Dung tự thấy mình ở một địa vị cao hơn Lực nhiều. Chưa bao giờ nàng nghĩ rằng mình sẽ lấy một anh chồng làm ruộng như Lực. Mặc dù dạy ở trong một trường làng hẻo-lánh, tâm trí nàng vẫn hướng về thị-xã Nha-trang là nơi nàng đã sống trong thời niên-thiếu. Thường thường, những ngày nghỉ lễ, nàng vào Nha-trang chơi, vì nàng có những người bạn gái ở đấy. Những gì xảy ra ở Nha-trang, nàng còn biết rõ một cách tường tận hơn là những sự việc đã xảy ra hằng ngày trong thôn nàng ở. Từ ngày cùng mẹ về ở đây, hơn ba năm, con đường nàng quen đi lại là con đường đất từ nhà đến trường, và nơi nàng thường dẫn học sinh đến chơi là ngôi chùa Giác-hạnh. Ngoài ra nàng ít đi đâu và cũng không có bạn thân ở trong thôn xóm. Nàng chỉ chơi với đám học-sinh nhỏ của mình; những ngày chủ nhật hay nghỉ lễ, nếu nàng không đi Nha-trang, thì học sinh, nhất là nữ-sinh đến đầy nhà. Chúng mến nàng, vì nàng đẹp, dễ thương và hiền lành. Chúng xem nàng như một người chị lớn, bất luận một câu chuyện gì xảy đến trong gia đình, chúng cũng đem đến kể cho nàng nghe. Cho nên mặc dù ít khi đi đâu, nàng vẫn biết được tình trạng và nếp sống ở trong nhiều gia-đình học-sinh của nàng. Nàng cũng biết cả tình ý đặc biệt của Lực đối với mình nữa, do sự nhận xét riêng của nàng và sự khúc khích bàn tán của đám nữ-sinh nhỏ của nàng nữa. Dung thấy Lực đã chọn sai đường, đã đặt tình cảm không phải chỗ, nhưng nàng chỉ cười thầm trong bụng. Nhưng bọn nữ sinh của nàng lại không có được đức tính kín đáo, nhã nhặn như nàng, chúng chế riễu Lực ra mặt. Mà làm sao bọn con nít tình nghịch ấy có thể dẫn được ý muốn trêu chọc Lực, khi thấy mặt chàng đỏ như gấc mỗi lúc gặp cô giáo chúng đi dạy hay đi đâu về?

Làm sao có thể không reo cười chế nhạo mỗi khi chúng ở trong sân nhà Dung, nghe tiếng chuông xe đạp của Lực « canh-còn », từng tràng ở ngoài đường, mặc dù đường rất vắng người đi ! Những lúc ấy thế nào chúng cũng chạy đến phía hàng rào, nói với ra :

— « Ê, đừng reng chuông nữa, cô tôi đi vắng rồi ».

Nhiều khi Dung có ở nhà, thấy tội nghiệp cho anh chàng chạy ra rầy chúng. Sự can-thiệp ấy làm Lực thầm cảm ơn nàng và lắm tưởng Dung có tình ý với mình, nên lại càng mê nàng hơn. Dần dần Lực tìm cách lân-la sang nhà Dung, và mượn cớ chỉ vẽ cách trồng trọt để làm thân với mẹ nàng. Nhưng Lực thường sang nói chuyện với mẹ Dung vào những lúc nàng đi dạy vắng ; và khi nàng sắp sửa trở về, thì Lực cũng đã tìm cách tháo lui khỏi nhà nàng. Cũng có đôi khi, chàng chưa kịp ra khỏi nhà thì nàng đã về đến ngõ. Những lúc ấy thật tội nghiệp cho Lực, với cái vẻ lúng túng, ngượng nghịu của chàng. Một người đàn bà ngượng nghịu đầu sao cũng đáng mến vì họ có vẻ mềm mại, thanh cảnh của họ. Chứ một anh chàng lực-diễn vai u thịt bắp, với hai bàn tay cụt ngón, những ngón tay sè ra như một nải chuối ngự, mà ngượng nghịu vụng về thì thật dễ tức cười. Dung cũng không thể nhin cười được, nhưng vốn tánh nhũn nhặn, nàng đã biến cái cười chế nhạo thành một nụ cười thoáng nhẹ, bàng quơ, mà Lực thấy rất dễ thương, như nàng có ý cười duyên với mình, nên lại càng mê tít.

Lực đang mê mết trong một thứ tình-yêu đơn độc như thế, thì một hôm, chàng nhận thấy bên nhà nàng có bóng dáng một người thanh-niên có vẻ như ở thành mới về. Hôm ấy nhằm ngày chủ nhật. Lực đứng núp trong nhà nhìn ra, thấy Dung và người thanh-niên ấy đi ngang ngoài đường nói chuyện gì có vẻ tâm-đầu ý-hiệp lắm, Lực dám ra hoang-mang, lo-ngại. Hôm sau chàng tìm cách sang nhà Dung trong lúc nàng đi vắng để dò hỏi mẹ nàng về người thanh-niên đã xuất-hiện đột-ngột như thế. Mẹ Dung cho



biết người thanh-niên ấy tên Thường, bạn học cũ của Dung và là con một thương-gia ở Nha-trang hiện cũng đang theo nghiệp của cha, Lực muốn biết nhiều hơn nữa, nhưng vì không biết cách gợi chuyện và mẹ Dung cũng không phải hạn dạn-bà lắm lời, nên Lực chỉ biết được chừng ấy chi-tiết về anh chàng thanh-niên kia. Những chủ nhật sau, nếu Dung không vào Nha-trang, thì thế nào anh chàng Thường ấy cũng ra chơi nhà Dung. Qua bụi chuối ở sau hè nhà, nơi Lực thường đứng núp để dễ nhìn sang nhà Dung, chàng nhận thấy cử-chỉ của hai người mỗi ngày mỗi thân-mật âu-yếm hơn. Lực đâm hoảng và càng ngày càng tức giận Dung. Chàng thấy như Dung đã phản bội mình, bỏ rơi mình để theo duyên mới.

Ban đầu, Dung vô tình không để ý đến sự thay đổi của Lực; nhưng dần dần nàng nhận thấy, đúng như lời mách lại của đám học-sinh thường đến chơi nhà nàng, Lực không reng chuông xe đạp như trước nữa, mỗi khi đi ngang ngõ nàng; và cứ tối tối, anh chàng lại ra đi, cho đến 11, 12 giờ đêm mới trở về. Một buổi chiều, trong lúc tiền đưa Thường ra ngõ, hai người đang nắm tay nhau trước khi từ-giã, bỗng Dung nghe tiếng lá động ở bên kia hàng rào phía nhà Lực, nàng trật nhìn sang và kinh hãi thấy hai con mắt đục ngầu trừng trừng nhìn nàng qua kẽ lá! Dung vội rút tay ra khỏi Thường và kêu lên một tiếng khẽ như vừa bị ai thụi mạnh vào người nàng. Thường tưởng vì mình siết tay Dung quá mạnh làm nàng đau, vội vàng xin lỗi. Dung trấn tĩnh, nở một nụ cười thoáng nhẹ cho qua chuyện. Từ đấy, mỗi khi có Thường đến, Dung giữ gìn từng cử-chỉ, phập phồng lo sợ như mỗi hành-động của mình đều bị dò mắt của Lực trừng trừng rình ngó. Thường nhận thấy cử chỉ mỗi ngày mỗi dè dặt của Dung, không khỏi thắc mắc, lo ngại. Chàng vội vã nhờ người làm lễ hỏi Dung. Mẹ Dung và Dung ưng thuận ngay. Dung

có linh tinh như càng làm lễ cưới hỏi sớm, càng chóng thoát khỏi một tai biến gì đang rình rập quanh mình.

## VI

Tối hôm nay cũng như mọi hôm, Lực lê-la ở các quán rượu dựng quanh đồn lính thân binh đóng bên đường quốc lộ số 1 cách xóm Đồi-mít vào khoảng 4, 5 cây số. Từ ngày được tin Thường làm lễ hỏi Dung, Lực dăm ra chè chén hơn trước. Tối nào chàng cũng đạp xe đạp ra đây ngồi uống rượu cho đến 11, 12 giờ khuya mới về. Bọn thân binh thấy chàng có tiền, lân-la đến trò chuyện làm quen với chàng để uống rượu khấn.

Tâm-sự thâm kín của Lực dần dần được tuông ra cùng với hơi rượu. Bọn thân binh thường lấy nỗi thất tình của chàng làm một đầu đề để đùa bỡn. Nhưng một đôi anh chàng tinh khôn hơn, giả làm bộ chia nỗi chua xót với chàng để được uống nhiều rượu hơn. Chúng đề nghị kể này kể khác, nhưng kể nào rồi chúng cũng thấy không ổn.

Tối hôm nay cũng như thế, 4, 5 cái đầu của bọn thân binh và của Lực, với những cái mặt đỏ gay như mặt trời dậy, đang chụm vào nhau, lắc lư quanh bàn rượu để bàn mưu tính kế dùm cho Lực.

Một đứa đề nghị:

— Hay là bắt quách nó về đồn giam lại, rồi cho mày đến lãnh về đề lập công?

Vài đứa đáp bàn tán thường ý kiến ấy. Nhưng một đứa khác cãi lại:

— Không được! Bọn mình bắt về đồn, lão đồn trưởng thấy được, phồng nó mất, và thằng Lực có lạy sói đầu nó cũng không thả con nhỏ về đâu!

— Phải! phải! con nhỏ mà rơi vào tay thằng già râu dê ấy, thì trời cũng không gỡ ra được.

Sau một phút im lặng như để đưa đám tang cái đề nghị trên, một đứa khác trong bọn đứng dậy, nói có vẻ cả quyết như vừa tìm được một chân lý.

— Thì có gì đâu mà phải bắt nó về đồn? Cứ bắt nó về cho thằng Lực là được rồi! Phải không tụi bây?

— Đứng! Đứng!

Lực trương gân cổ cãi:

— Không được! Nhà tao ở sát nhà nó. Nó la làng thì chết!

— Thì tao cho mày mượn nhà tao. Cả bọn nhao nhao tán thành:

— Đứng! đứng! Phải thi hành ngay bây giờ.

Cả bọn đều xô ghế đứng dậy. Nhưng Lực vẫn còn ngồi, có vẻ do dự. Nó nắm áo thằng vừa đề nghị nói:

— Khoan đã! Không được đâu!

Tao chắc không được đâu!

— Mầy nói sao không được?

— Tao sợ người trong xóm họ biết được, họ...

— Trời cũng không biết được!

Đêm khuya mà!

Lực vẫn do dự:

— Nhưng...

— Nhưng gì nữa?

— Nhưng nếu nó không chịu tao, thì sao?

Một thằng khác xen vào:

— Thì mầy phải làm cho nó chịu mầy chứ!

Cả bọn đều phá lên cười và kéo Lực dậy.

Người chủ quán xăm-rắm đến tính tiền rượu, Bọn thân bình nhìn nhau:

— Đứa nào trả bây?

— Thì thằng Lực chứ ai nữa! Hôm nay nó phải đãi tụi mình, vì sắp được vợ mà!

— Đứng lằm! Đứng lằm rồi!

Lực lại phải móc tiền ra trả một lần nữa.

Hắn gọi xe đạp tại quán rượu rồi đi ra sau hết. Bọn thân binh đứng đợi ở ngoài cửa tiệm, đang thì thầm bàn tán, nhưng khi Lực đi ra, chúng lại im lặng, và kéo tay Lực đi.

Trời tối đen như mực; một đêm không trăng và rất ít sao. Trên đường đất chạy bằng qua khoảng đồng rộng từ đường quốc-lộ vào «Đồi mít», bọn sứ giả của Ma-vương đang hăm hở đi thực hiện những dự-định yêu quái của chúng. Đêm đen như đồng lõa che chở chúng; men rượu thấm vào làn da thô thịt bốc lên đầu óc, càng thúc giục, kích-thích chúng nhúng tay vào tội ác. Thói quen phá phách, cướp bóc và bắt gái nổi dậy trong tiềm thức, che lấp, chôn vùi lương tâm chúng. Giờ đây chúng chỉ là những con thú khát mồi, đang hung hăng lục-lạo, tìm kiếm những gì có thể thỏa mãn được sự thèm khát của chúng. Trong bọn họa may chỉ có Lực là còn có đôi chút sáng suốt để hoãn-khoản thắc-mắc về những hậu quả của công việc mình sắp làm. Nhưng trước sự hăm hở, cả-quyết của bọn thân binh, hắn thấy không cần phải suy nghĩ làm gì cho mệt trí nữa. Vả, nếu hắn tỏ ra rụt-rè, e-sợ, hắn sẽ bị bọn kia chê cười. Cho nên hắn cũng cố làm ra vẻ thành thạo, lão-luyện trong tội ác như bọn kia, để khỏi bị chúng chê cười. Sợ bị chê cười vì làm thiện-hay làm ác, đó là điều đáng quan-tâm nhất đối với Lực.

Khi chúng đến đầu thôn Đồi-Mít thì cũng vào khoảng 12 giờ đêm. Tiếng giày nện trên đá sỏi nghe rõ mồn-một. Các nhà đều đã tắt đèn, đóng cửa kín mít. Không biết người trong nhà đã ngủ chưa, nhưng không nghe một tiếng động. Thỉnh-thoảng một con chó thò đầu ra ngoài hàng rào sủa, nhưng hình như linh tinh báo cho biết một điều gì nguy-hiểm sắp xảy ra, nó lại thụt cổ vào, rồi ngoan-ngoán nằm xuống lại trong sân. Những cuộc bắt bớ trong đêm tối của bên này hay bên kia xảy ra thường ngày ở thôn quê, cho nên dù biết bên nào bắt, người ta cũng không

dám lên tiếng, can thiệp. Người dân quê run sợ nằm lắng nghe tiếng giày đi ngoài đường, và họ kinh hãi như chính tử-thần đang gõ cửa nhà mình, mỗi khi nghe tiếng giày dừng lại ở ngoài ngõ; hay cảm nghe sung-sướng như vừa thoát chết, khi nghe tiếng giày tiếp tục đi xa dần...

Một đứa trong bọn thân binh đi sát vào bên cạnh Lực và tinh nghịch đưa tay đặt lên ngực Lực rồi phá lên vừa cười, vừa nói:

— Trống ngực thẳng này nó đập như sắp vỡ, tụi bay ơi! Ai đời sắp được vợ mà lại sợ run như con gái vậy à!

— Đâu có sợ? tụi bay đi mau quá, tao đi theo muốn hụt thở thì có!

Thôi đừng có dẫu! Mày sợ thì cứ nói sợ đi! Tao cho mày mượn cái «dò heo» của tau đây này. Khi cần, mày cứ nả đại đi cho tao, có chuyện gì tau chịu mà!

Nó vừa nói vừa dúi khẩu súng lục vào túi quần Lực. Lực không chối từ, mặc dù chàng thấy mình sẽ không dùng đến khẩu súng ấy để làm gì cả.

Đi gần đến nhà Dung, Lực bảo cả bọn dừng lại và áp úng đề nghị:

— Hay đề bữa khác? Hôm nay chưa chắc nó có ở nhà. Đề tao dò xét lại cho chắc rồi báo tin cho bọn bay sau.

Cả bọn nhao nhao phản đối:

— Không được! không có nó cũng cứ vào!

— Không lẽ đến đây rồi lại về tay không?

— Mày tưởng tụi tao dõn chơi với mày sao?

— Thôi, đi vào bậy! Mặc kệ nó!

Lực biết không thể ngăn cấm được nữa, đành đề cho cả bọn vào, còn mình đứng ở ngoài ngõ đề đợi chúng ra.

Hắn nghe tiếng gọi mở cửa, tiếng đập phá cửa, tiếng la ú-ớ của hai mẹ con Dung, rồi tiếng chạy thình-thịch ra ngõ. Lực đứng nép vào trong bụi cây, tránh chỗ cho chúng vát Dung chạy qua. Đầu óc hắn bây giờ thật bấn loạn, không biết xử trí ra sao, chạy theo chúng hay chạy trốn. Một phút sau có tiếng bà mẹ Dung chạy theo la cầu cứu:

— Cướp! cướp! Ai cứu mẹ con tôi! Cứu mẹ con tôi với làng xóm ơi!

Bà chạy ngang qua trước mặt Lực, nhưng không biết có Lực đứng đấy. Tiếng la cứu của bà làm cho bọn thân binh lo ngại. Một thằng đứng dừng lại, đợi bà chạy gần đến và nả súng bắn mấy phát. Người đàn bà khốn-nạn ngã gục xuống giữa đường và không la-lối gì nữa. Lực không ngờ tai-biến xảy ra một cách đột-ngột và hung tợn như thế. Hắn chạy theo bọn thân-binh và gọi chúng dừng lại.

— Dừng lại đã, dừng lại đã, anh em ơi!

Nhưng bọn kia vẫn cứ chạy. Để đánh lạc hướng Lực, chúng chạy băng lên sườn đồi chùa Giác-hạnh. Nhưng Lực vẫn nghe được tiếng giày chúng nện xuống đường, cảm cổ chạy theo, và vừa chạy vừa kêu chúng dừng lại. Cuối cùng không biết làm thế nào cho bọn chúng dừng lại. Lực rút súng lục trong túi quần, bắn chỉ thiên mấy phát. Quả nhiên bọn quỷ sứ đứng dừng lại bên sườn đồi, đợi Lực chạy đến. Nhưng khi Lực vừa đến, chưa kịp nói gì thì một thằng trong bọn xán một bả súng vào đầu Lực và một thằng khác tống một đập vào hông chàng. Lực lăn nhào xuống theo sườn đồi và rơi vào một bụi rậm.

Bọn thân binh tiếp tục vát Dung chạy mất trong đêm tối.

(Còn nữa)

PHẦN THỨ HAI

Mục-đích và lịch-trình tiên triễn của

**GIA - ĐÌNH PHẬT - TỬ**

(tiếp theo)

HÙNG-KHANH

**3) Giai đoạn cải-tổ sâu xa.** — Trong giai đoạn phục hồi sau ngày hồi-cur, như chúng ta đã thấy trong đoạn trước, tánh cách đại gia-đình đã không được hoàn toàn nguyên-vẹn như giai-đoạn sơ-thời, trong thời kỳ tiền-chiến thứ 2 nữa. Các thành phần trong đại-gia-đình này không còn thuần-nhất là trí-thức và tiểu-tư-sản thành thị như trước nữa. Nó gồm đủ hạng người, đủ tâm-trạng, đủ khuynh-hướng. Có thể nói đây là một nhóm người tụ-hợp dưới một mái nhà để thực-hiện cái nhu cầu tin-tưởng về Đạo-Phật của mình, để cùng nương tựa vào nhau, giúp đỡ nhau sống trong một khung-cảnh từ hòa đặc-biệt. Cái tinh-thần đại-gia-đình ở đây đã bị pha trộn vào một phần các tinh-thần xã-hội. Những phần tử hoạt-dộng đặc-lực ở trong các gia-đình này có xu-hướng tổ-chức thanh-niên, tổ-chức giáo-dục hơn là tổ-chức thành đại-gia-đình với mục đích xây dựng những gia-đình kiểu mẫu như thời kỳ đầu. Do đó, họ tổ-chức thành đội, thành đoàn, sắp-đặt sự sinh-hoạt trong Gia-đình theo hạng tuổi : thanh, thiếu,

đồng-niên, và chia ra nam, nữ, chứ không luộm-thuộm già, trẻ trai gái chung lộn như trước nữa. Khi đã chia thành đoàn, đội, chúng, tất nhiên phải nghĩ đến đồng phục, huy-hiệu, cờ... Tóm lại là những hình thức cần thiết của một tổ-chức thanh-niên. Và cũng vì là một tổ-chức thanh-niên, nên các vị lão-thành, ông bà, cha mẹ, chú bác không còn hội-hợp với con cháu như trước nữa. Từ đây chỉ còn lại một bác Gia-trưởng là người chủ tinh-thần của gia-đình-Phật-hóa-phổ. Chúng tôi gọi là « chủ-tinh-thần » vì vị Gia-trưởng này chỉ có tánh-cách tượng-trưng cho Gia-đình, chứ mọi công việc, từ sắp đặt cho đến huấn-luyện, đều do một nhóm huynh-trưởng trông coi cả.

Các tổ-chức Gia-đình này được hưởng-ứng ở Đà-lạt, Hà-nội và Hải-phòng, rồi dần dần lan ra các tỉnh ở Trung-việt như Quảng-trị, Quảng-nam, Khánh-hòa, Phan-rang, Phan-thiết...

**4) Giai-đoạn thay đổi danh hiệu.** — Năm 1951 sau khi ở Trung, Nam, Bắc đều hưởng-ứng phong-trào thành-lập gia-đình Phật-hóa-phổ, nhưng tài-liệu còn thiếu-thốn và ý-chí cũng như đường lối có vài điểm chưa thống-nhất, nên ban Hướng-dẫn gia-đình Phật-hóa Phổ Trung-Việt đề nghị triệu tập một Hội-nghị Huynh-Trưởng Toàn Quốc để xác định tinh-thần, mục đích và hình-thức của tổ-chức này. Hội-nghị này đã thu thập được rất nhiều kết quả tốt đẹp. Đồng-phục, huy-hiệu, mục đích đã được duy nhất từ Bắc đến Nam; đường lối đối nội cũng



---

## **Cần hiểu đúng đắn ý nghĩa Gia-đình Phật-tử**

---

như đối ngoại được xác nhận một cách minh-bạch. Tài liệu học tập được trao đổi và phổ cập khắp nơi. Mặc dù lúc ấy, Phật-Giáo Việt-Nam chưa được thống-nhất, mà Gia-đình Phật-hóa phổ đã thực-hiện một cách hoàn-toàn sự thống-nhất từ tinh-thần cho đến hình-thức. Và mặc dù ba tập-đoàn cư-sĩ còn nằm riêng rẽ và có một đời sống hoàn-toàn độc-lập, thế mà Gia-đình Phật-hóa-phổ là những tổ-chức nằm dưới sự quản-trị của các tập đoàn ấy, lại liên-lạc mật thiết với nhau và cùng chịu một sự hướng dẫn chung của một nhóm lãnh-đạo cốt cán của Gia-đình. Sự hướng-dẫn này được thi hành qua giấy tờ thì ít, mà qua tinh-thần thông-cảm, qua lý-tưởng, qua sự cảm phục nhau thì nhiều. Một vài bằng-chứng cụ-thể sau đây có thể chứng-minh sự thông cảm, phục thiện và nhân-nhượng của các cấp lãnh-đạo trong sự thực hiện thống-nhất thật sự Gia-đình-Phật hóa, p hồ

a) Hồi ấy, cấp lãnh-đạo Gia-đình ở Bắc-Việt muốn theo sát đường lối, tinh-thần và hình-thức của ban Hướng-dẫn Trung-Việt, nên đã dựa theo nội-lệ của Gia-đình Trung-việt để xin chính-phủ duyệt y tổ-chức của mình. Danh hiệu trong bản nội lệ ấy là : Gia-đình Phật hóa-phổ. Nội-lệ vừa được duyệt y xong vài tháng thì Hội-nghị Huynh-trưởng Gia-đình toàn-quốc được triệu-tập tại Huế. Trong hội-nghị này có đề-nghị sửa đổi danh hiệu Gia-đình Phật hóa-phổ ra Gia-đình Phật-tử. Nhận thấy sự hợp-lý của đề-nghị này, anh em đại-biểu Bắc-Việt hoan-hỷ tán-thành, không một chút phản nài hay tự ái, mặc dù trước kia họ

---

## **Cần hiểu đúng đắn ý nghĩa Gia-đình Phật-tử**

---

đã dùng danh-từ ấy để gọi tổ-chức của họ, nhưng sau vì muốn tổ-chức Gia-đình được thống-nhất, họ đã đổi lại là Gia-đình Phật-hóa-phồ, và như thế là họ lại phải xin sửa đổi danh hiệu lại một lần nữa trong vòng có mấy tháng thôi.

b) Ở Đa-lạt, và khi mới thành lập Gia-đình tài liệu chưa đầy đủ, sự liên lạc với cấp lãnh-đạo ở Huế, vì thời cuộc, chưa được chặt chẽ, nên anh em Huynh-trưởng ở đây đã mặc đồng phục với áo chemise tay dài, quần dài và khăn quàng. Nhưng để đồng phục được duy-nhất trong toàn quốc, anh chị em Gia-đình Phật-hoá-phồ Đa-lạt đã hoan hỷ cắt bớt cánh tay... áo, cắt cụt ống quần dài và bỏ khăn quàng ra, mặc dù làm như thế là họ sẽ bị lạnh lẽo nhiều hơn trong một miền luôn luôn lạnh lẽo, mưa gió.

Cái tinh thần hy-sinh cho thống-nhất ấy thật đáng làm gương cho những người lớn, những tổ-chức lớn, mặc dù các người lớn và tổ chức lớn ấy bao giờ cũng xem Gia-đình Phật-tử là một bọn con nít, làm việc con nít. Cái câu « hậu sanh khả úy » đáng được áp dụng cho « bọn con nít » ấy lắm. Tiếc thay! người lớn, người già trong các tổ-chức lớn và già lại cứ thấy họ là « hậu sanh » mà không bao giờ thấy họ là « khả úy ». Nguyên nhân vì đâu ? Chúng tôi sẽ đề cập trong một số sau.

(còn nữa)

**HÙNG - KHANH**

# MÂY NGÀY DỰ HỘI

## QUÁN-ÂM

Tường thuật của NHƯ-TÂM

TÔI đã trọn niềm chung thủy với ngày hội Quán-Âm. Hôm nay, trước chén trà lên hương — ôn lại sự việc qua — tôi xin ghi lại điều mắt thấy tai nghe, để cống hiến quý vị xa gần không gặp duyên lành về dự hội, với ý niệm truyền thống Đông phương « Thuật nhi bất tác ».

Đã hơn một lần, tôi đặt chân đến Ngũ-hành-sơn. Nhưng mỗi lần đến là một lần tôi có thêm cảm giác mới lạ.

Ngũ-hành-sơn, tuy không có « rừng mai » để « chim cúng trái », nhưng có cả rừng sứ ngát hương.

Ngũ-Hành-Sơn; thiếu « khe Yến » để « cá nghe kinh » nhưng lại có vú nước từng giọt, từng giọt thơm mát như nước Cam lồ mà du khách không ai là không nếm thử.

Ái viếng Ngũ-hành-sơn mà không thấy lòng mình thanh-thoát, nhẹ nhàng khi vào động Huyền-Không.

*« Lạ cho vừa bén mùi thuyền,  
Mà trăm nảo với ngàn phiền sạch không ».*

(Chu - Mạnh - Trinh)

Ái vào động Huyền-Không mà không dừng bước trước tượng Ngài Quán-Âm để :

*« Trẻ già ai cũng đồng tâm,  
Gái trai cũng niệm Quán-Âm hộ trì ».*

(Chu - Mạnh - Trinh)

Đề rồi « khách tang hải giặt mình trong giấc mộng » khi nghe tiếng trống chày kinh của chùa Linh-Ứng. Nơi đây,

đứng trên Vọng-hải-dài trước mắt đã trải cảnh mệnh mỏng của biển cả, với làn gió muôn phương đổ dồn về. Một hình ảnh lại hiện ra: trong sóng cả ba đào, đứng trên hoa sen, Ngài Quan-Âm tầm thanh cứu khổ...



Cũng non này, cũng nước ấy, cũng những chòm cây đồng cỏ kia, sao hôm nay tôi xao xuyến trên đường về Ngũ-hành? Có cái gì thay đổi trong tâm tư? — Phải, có cái gì khác với ngày thường đã lay động tận đáy lòng tôi? Từ xa, trên năm chòm núi, lá cờ năm sắc uốn mình trước gió như thúc giục, như kêu gọi thiết tha! Tôi giật mình trước cuộc đổi thay, tình đời đen bạc, lòng người nham hiểm khôn lường. Vì nơi kia, khác hẳn:

*« Bao nhiêu trần chương lòng thì sạch không ».*

Tuy mới ngày 17, mà thập phương đã lục tục kéo về, tuy rằng ngày Hội không được phổ biến rộng rãi. Trên mặt mọi người, một niềm hoan hỷ lộ ra.

*« Kể quen người lạ vui thay,*

*Dầu trong bốn bề tới đây một nhà ».*

**(Chu - Mạnh - Trinh)**

Đúng là con một nhà vì cùng chung một giống máu. Không ai bảo ai, khách đã trở nên chủ, vo quần, xắn áo giúp ban Tổ-chức dựng trại, trang hoàng, sắp bàn nhấc ghế. Trong lúc đó tiếng mõ đều đều, hương trầm lan tỏa, làm Ngũ-hành-sơn có một nếp sống linh hoạt. Nhất là ban đêm, Ngũ-hành-sơn trở nên huyền ảo. Những chiếc lồng đèn được thắp lên rải rác — Từ dưới nhìn lên, như muôn sao lấp lánh. Tiếng chuông chùa lại vọng ra như cảnh-tĩnh những ai còn đắm chìm trong danh lợi, não phiền...

Ngày 18, mới tinh sương tiếng « A-Di-Đà-Phật » đã vang lên. Cùng với mặt trời, cùng với ánh nắng, người lại càng đông:

« Người thì ra, kẻ thì vào,

« Gặp nhau mừng rỡ đón chào vui thay »

(Chu - Mạnh - Trinh)

Không vui sao được với cái quang cảnh đạo vị này. Thế mà; giữa cái vui ấy, một cụ già tay cầm bó hương kính-cần vái hết phương này đến phương khác, miệng làm râm cầu nguyện. Bỗng bà tiến về thùng phước sương tay run rẩy chuỗi vào đó số tiền công đức rồi khóc ròng. Lạ lùng, tôi đến cạnh bà:

— Sao Mẹ khóc?

— Tôi nhớ chùa Hương!

Tôi cũng ngậm ngùi. Trên nét mặt của đồng bào miền Bắc, như có một niềm hân hoan nhưng đượm vẻ buồn kín đáo. Phải chăng không khí này nhắc nhở một tập tục ệm đẹp của quê hương!

Phải chăng cảnh tượng này làm sống dậy tinh quê thâm thiết, qua những lúc trải hội chùa Hương!

Mặt trời càng cao, mồ hôi càng nhễ nhại. Vì rằng đoàn người trải hội Quan-Âm không phải « mượn chèo Ngự phủ đưa đường Đào-nguyên », mà:

« Bạc cao tuy có khó trèo »

Thế mà lạ lùng thay:

« Nam mô một tiếng ai đều nhẹ chân ».

Nhẹ nhàng hơn, khi được nghe Sư Bà Diệu-Không giảng kinh Phổ-Môn. Hợp cảnh, hợp tình, ai nấy đều chăm chú. Không ai muốn rời. Khách thập phương tìm những chỗ mát mẻ nghỉ ngơi, tập đặc san kỹ-niệm trên tay đọc cho nhau nghe, có lúc cao hứng lại ngâm cả bài thơ của TT Bích Phong, trong lúc đó từ chiếc vi âm vọng ra câu hát:

« Miền Trung nước Việt từ đây

Có ngày hội Quán-Thế - Âm Bồ-Tát.... »

Thế rồi khách lại dỡ oản xôi, miếng bánh hay kéo nhau vào quán cơm chay. Cửa không ngon, dòng con cũng hết. Kể đến chậm đành bóp bụng miếng nước gọi là. Khổ hơn là ban văn hóa, luôn miếng mời mọc, mỗi tay phát hành, băng đèo vượt núi từ Huế vào mà bụng vẫn trống không! Oán ai? vì đây là việc nhà! Trách ai? đâu cũng là con Phật. Thôi, «quản-tử thực vô cầu bảo» (người quản-tử ăn chẳng cầu no), tượng Phật đó, «tranh Quan-Âm» đây, «Em bé Tổ-Tám» ngồi kia, «Câu chuyện đạo-lý» từng chồng, «Đặc-San Ngày-Hội» từng xấp là những món ăn tinh-thần không đủ nuôi sống thể-chất ba ngày sao?

Thế mà cũng cứ vui. Mặt tươi như hoa tuy dạ dày không mấy tươi. Mắt sáng như sao, dù đôi khi nhấp nháy. Ai tò thêm về tươi? Ai căng thẳng mí mắt? Ai? — Niềm giao hòa với mẹ hiền linh ứng và tinh người thông cảm trong sự uất nghẹn phũ-phàng của nhân thế! Cho hay cái khó bên ngoài, càng thắt chặt cái đoàn-kết bên trong. Gió táp mưa sa không làm sờn lòng thủy thủ có định hướng! Có lẽ cái hấp dẫn nhất trong ngày là lễ Chấn tế Cò-hồn. Phật-giáo nào có quên ai! «Cò-hồn sống» vừa mới được Thượng-tọa Mật-Nguyên cho ăn «Bi Tri Dũng», thì «Cò-hồn chết» cũng được hưởng «kinh, chú vãng sanh», nếu khách thập phương được nghe hai giờ thuyết pháp, thì «Thập loại cò hồn» cũng được lắng mình trong «đạo tràng tế độ». Và ngày đã tàn với cuộc rước đèn của Gia-đình Phật-tử Hòa Long quanh núi Ngũ-hành.

Ngày đã tàn, nhưng lòng người chưa tàn. Lòng người đang nao-nức chờ-dợi.

Ngày 19. Ngày chờ-dợi. Ngày lễ chính thức. Thật đúng với danh nghĩa ngày hội:

*«Én oanh nó nức xa gần đua nhau».*

Xa như miền Nam, đồng khô cỏ cháy như Quảng-Ngãi, thâm sơn cùng cốc như Đa-lạt, Pleiku, nghèo nàn như Quảng-Trị đều có mặt.

Chuẩn bị tư-tưởng cho lễ chính thức, cầu-nguyện Quốc thái Dân an, Sư Bà Thẻ-Quán đã thuyết pháp một đề-tài hết sức căn-bản « Đạo Phật với phương-pháp diệt khổ ». Gần Ngọ, liệt vị Hòa-Thượng từ Huế vào. Một đoàn xe trực chỉ Ngũ-Hành-sơn. Thập phương thiện-tín, hội hữu, cho đến cả Tăng, Ni làm hàng rào đón tiếp từ dưới cấp Tam-thai lên tận chùa. Tất cả có dịp chiêm-ngưỡng Hòa-thượng Pháp Chủ, Hòa-thượng Hội-Trưởng Tổng-hội Phật-giáo Trung-phần, điển hình của những tinh thần xã thân vi đạo. Nhìn những tấm thân sòng khom vì tuổi tác, nhìn những nét nhăn đậm sâu trên mặt mà vẫn không từ nan một Phật-sự khó khăn nào, vẫn đứng đầu trước trận bão đời, ai không thấy lòng mình hăng lên, máu mình sôi nóng? Không thể nào không rung động trước những hiện tượng đạo-dức, mà một cái nhìn mắt hiền-từ của quý Ngài có giá trị bằng trăm nghìn lời hoa mỹ của yêu đương. Một cử chỉ, một hành động của quý Ngài là cả một bài thuyết pháp không lời. Tôi thâm cảm ý-nghĩa sâu xa của « dĩ thân tác chứng » giữa một trường đời ngấy người vì luyến truyền, vì khủng bố. . .

Lễ chính thức đến rồi. Quý vị quang khách cũng đã đến: Ông Phó Tỉnh-Trưởng Quảng-Nam, Ông Phó Thị-Trưởng Đà-Nẵng, Ông Chủ sự văn-phòng Quảng-Nam, đại diện Ty-công chánh và Kiến-thiết Quảng-Nam và Đà-Nẵng, đại diện chính-quyền Quận Hòa-vang và Xã Hòa-long cũng đang trầm tư trước chén trà nghi ngút.

Chuông trống bát-nhã vang lên, Bốn vị Hòa-Thượng và trên 70 vị Tăng, Ni vào diện Phật, màu vàng của y chói ngời trên đường đi, tỏa sáng trong diện Phật.

« ... Phật-Giáo không đặt một mục phiêu giải-thoát viễn-vông siêu-hình, mà chính ngay ở trong cuộc sống. Con người đã đau khổ trong cuộc đời, thì cũng chính trong cuộc đời con người sẽ tìm thấy an-vui. Khổ đau hiện tại vì như cấu bẩn của một ly nước mà phần nước trong là hạnh-phúc. Chúng ta không thể tìm hạnh-phúc bằng cách đổ phăng ly nước mà chính là phải gạn lọc sạch cấu bẩn « khổ đau ... »

Lời lẽ của bài diễn-văn làm tôi suy-nghi. Giữa hàng ngàn người mà không chút tiếng động, từng chữ, từng lời rót vào tai, ăn vào máu, khua động tận tâm tư. Phải, ai gây nên cảnh tang tóc, ai oán hận và ai trả thù ? Ai ? Phải chăng chỉ do Người với Người.

Chính trong cuộc đời này, Người với Người cố tình sống trong cảnh địa-ngục, thì cũng trong cuộc đời này Người với Người có thể sống trong cảnh giới Niết-bàn.

*« Ai chấm dứt cuộc tương tàn đẫm huyết  
« Cho dân lành nhẹ bớt nỗi đau thương »  
« Ai cản ngăn tiếng súng nổ sa trường  
« Cho cây cỏ khỏi vương màn tang tóc »*

Ai bây giờ ? Nếu không phải chỉ có Phật-giáo. 2500 năm truyền bá khắp Đông Tây, Âu Á, đã có một giọt máu nào đổ ra vì đạo Phật ? đã có tiếng đại bác, súng thần công nào đưa đường dẫn lối cho Phật-giáo không ? Quá khứ 25 thế kỷ thay tôi trả lời. Vẫn trong bài diễn văn :

« Ngài cứu độ những gì ? Hay nói khác đi, Phật-giáo đã đem những gì cho nhân loại ? Đạo Phật chỉ nhằm một mục-dịch giải-thoát con người ra khỏi khổ đau. Đặt mục-dịch ấy không phải là tìm cho người những liều thuốc mê để được ngất lịm đi trong cơn đau khổ mà cốt yếu là phải giáo hóa con người biết đâu là vui, đâu là khổ, để tránh khổ tìm vui ».

Rõ ràng quá. Phật-giáo không than, không khóc, không cầu xin vì :



Than, khóc, cầu xin đều hèn nhát. . .

(*Gémir, pleurer, prier est également lâche*).

(Alfred de Vigny)

Người Phật-Tử can đảm nhìn vào nghiệp xấu của mình để chuyển nghiệp bằng « hành lý Phật-pháp ».

« Gương sáng của chư vị Bồ-Tát có diệu dụng như ngọn đèn soi chúng ta trên những nẻo đường tăm tối, giáo-lý tự nó đã là một phép nhiệm màu cho chúng ta trên đường hành động. Đây chẳng phải là biển hình của giọt nước Cam-lồ hay sao? »

(*Diễn-văn khai-mạc*)

Hôm nay, Phật-tử muốn phương về đây để tự cầu mình gan lọc và tập trung (*Purifier et concentrer*) tư-tưởng trong hạnh độ khổ của chư vị Bồ-Tát theo đúng chủ trương muốn thuở « Tâm bình, thế-giới bình » (*Kinh Phật*).

Không những chỉ hôm nay mà kể từ năm nay trở đi, cũng vào độ này, ngày « HỘI QUAN-ÂM » lại khai mở đề. . .



Chiều nay, trên sân ga, lòng tôi vẫn vít, tiễn đưa đoàn người trảy hội. Người đã về đây gây thêm tình thương, nhận thêm mầm giống, mang thêm hành lý để lại ra đi tung vãi muôn phương.

Tàu bắt đầu chuyển bánh, tôi vọng về Ngũ-hành-sơn. Này chùa, này động kiên nhẫn đợi chờ. Bất giác tôi niệm thầm :

« Phở Đà Phật-hóa chân hình,

Bao nhiêu khổ nạn tầm thanh hộ trì ».

**Nam mô Đại-Tử Đại-Bi Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.**

### **Ý NGHĨA LÁ CỜ PHẬT - GIÁO**

do Thượng - Tọa THÍCH CHƠN - TRÍ soạn vừa mới tái bản, hiện có phát hành tại các nhà sách Phật trong nước.

# NGÀY VUI VẠN HẠNH

Bài ca chính thức

Của Trại HỢP BẠN VẠN-HẠNH

(NHA - TRANG)

1960



LÊ CAO PHAN - 1960

Hành-khúc — Vui



Ta về đây nắm tay cùng vang reo. Ta về  
Tay cầm tay chúng ta cùng đi lên. Tay cầm



đây chứa chan lòng Tin yêu. Hương gió muôn phương vì  
tay quyết tâm cùng gây nên. Hương thơm sắc tươi cho



cùng chúng ta về theo. Ta về đây với bao  
đời sống vui thàn tiên. Tay cầm tay xóa tan



niềm hận hoan. Ta về đây góp muôn lời chim  
niềm đau thương. Tay cầm tay đắp xây tình muôn



ngao. Nam Nữ Thiếu Niên vui chung một đoàn.  
phương. Luôn vững Đức Tín vui ca lên đường.



Nào anh em, noi gương Đảng Thế Tân Từ



Bi. Nào chị em, ta luôn có gắng lo trau



dài Dừng Trí. Hợp một đây Ta vui



hát ca vang ngàn mây. Cùng thè vang Tinh Tấn



noi gương Ngài Vạn Hạnh, Ta về đây...

# TIN TỨC TRONG NƯỚC

## Chương-trình Phật-đản Toàn quốc năm nay

- Tối mùng 7-4 Á.L.* — Treo cờ, thắp đèn, phóng đăng.  
*Sáng mùng 8-4 Á.L.* — 5g.00 — Chuông trống báo hiệu,  
từ 6g  
tới 7g. — Lễ đài,  
— Diễn văn giải thích ý nghĩa ngày  
Khánh-đản.  
8g.00 — Diễn hành.  
10g.00 — Giải tán.  
*Chiều mùng 8-4 Á.L.* — Tiếp tân,  
— Công cuộc từ-thiện — Phóng sinh.  
*Tối mùng 8-4 Á.L.* — Lễ kỷ-niệm đệ cửu chu niên Tổng-Hội  
Phật-giáo toàn quốc.  
— Thuyết pháp.  
— Quay phim — Văn nghệ.

Ý nghĩa tùy nghi nói trên, là mỗi nơi tùy hoàn cảnh địa-phương và khả năng hoạt động của mình mà cố gắng thực hiện những điểm chánh ghi trong chương-trình, càng đầy đủ càng hay, hoặc hơn lên càng quý.

### Kỷ-yếu của Giáo-hội Tăng-già toàn-Quốc

Giáo-hội Tăng-già toàn-Quốc vừa xuất bản một tập Kỷ-yếu đại-hội Tăng-già toàn-Quốc kỳ II. Trình bày đẹp, có rất nhiều bài vở đặc sắc, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc-giã.

### Trại họp bạn ngành Thiếu toàn-Quốc.

Tổng-hức Phật-giáo Việt-Nam sẽ tổ-chức một trại họp bạn cho ngành Thiếu toàn-Quốc vào ngày 6, 7, 8, 9 tháng 6 năm 1960 tại Nha-Trang lấy tên là trại Vạn-Hạnh. Hiện nay đã thành lập xong ban Tổ-chức và Ban trại trường, chương-trình đã gửi đến các ban Hướng-dẫn Gia-đình Phật tử các Tỉnh.

### Khai giảng chi nhánh Phật-học-viện Đà-nẵng

Đào tạo Tăng tài đề hoằng dương Chánh pháp là việc làm cấp thiết, nên Giáo-hội Tăng-già và Hội Việt-Nam Phật-giáo Trung-phần đã thiết-lập thêm một chi-nhánh Phật-học-viện tại chùa Phổ-đà Đà-nẵng, dưới sự điều khiển của Phật-học-viện Nha-Trang. Hôm 19-2 Âm-lich vừa rồi Chi-nhánh Phật-học-viện đã làm lễ chính thức khai giảng rất long trọng có Hòa-Thượng Hội-chủ Tổng-hội Phật-giáo Toàn-Quốc, Hòa-thượng Thuyền-Tôn Viện Trưởng Phật-học-viện Nha-Trang, Hòa-thượng Tây-Thiên, Hòa-thượng Vạn-Phước và chư Thượng Tọa Đại-dức Tăng Ni trong Giáo-hội Trung-phần và Đà-nẵng, đại biểu Hội Phật-giáo Trung-phần, đại biểu Tỉnh-hội Đà-nẵng và rất đông Phật-tử ở địa phương tham dự. Liên Hoa nguyệt-san chân thành cầu chư Phật gia hộ ban Quản-Trị chi nhánh Phật-học-viện Đà-nẵng thấu hoạch nhiều kết quả tốt đẹp trong công cuộc đào tạo Tăng tài và yêu cầu quý Phật-tử xa gần tích-cực ủng hộ cho Phật-học-viện ấy đầy đủ phương-tiện để sống còn và phát-triển.

(Chúng tôi xin cảm ơn quý Thầy trong chi nhánh Phật-Học-Viện Phổ-Đà đã gửi cho chúng tôi nhiều tài liệu về ngày khai giảng, nhưng rất tiếc tài liệu đến Tòa soạn quá chậm, không thể đăng hết được).

T. S.

**Phật-Giáo tại Nam-Mỹ.**

Phật-giáo tại Nam-Mỹ đang phát triển, mặc dầu ở đây không có nhà thông thái nào về Phật-giáo biết tiếng Y-pha-Nho. Một nhà thám hiểm Phật-học là ông Jose A Velenzuela, hội viên thường xuyên của hội Phật-học Ma-Ha Bồ-Đề Ấn-độ đã tụ tập quanh ông một số người hâm mộ Đạo Phật.

Ngoài những buổi giảng về Phật-giáo ông còn xuất bản những tập sách nhỏ về Phật-giáo bằng tiếng Y-pha-nho đề biểu không. Trong số các sách ông dịch có cuốn « Lời sống theo Phật-giáo » của ông Devapriya Valisinha Tổng thư ký Hội Ma-Ha Bồ-Đề Ấn-Độ.

Ở một nước khác của Nam-Mỹ, A-căn-dinh, cũng có những học giả nghiên cứu Phật-giáo và đang xuất bản Tam-Tạng Kinh-diễn bằng tiếng Y-pha-nho,

**Phật-Giáo là « giải-Pháp độc-nhất »**

« Phật-giáo là giải pháp độc-nhất chấm dứt vấn đề cướp bóc và khủng bố » Đại đức Thiranagama Ratanasara đã tuyên bố như thế tại Kuala-Lumpur ở Mã-Lai. Ngài đã đến Kuala-Lumpur sau một cuộc du-hành qua các nước Á-châu gồm có Diến-Điện, Thái-Lan, Lào, Cao-Miên, Việt-Nam, Nam-Dương, và Trung-Hoa. Ngài đã được Bộ Văn-Hóa Tích-Lan tặng thưởng một học bổng hai năm để đi nghiên cứu nền mỹ-thuật Phật-Giáo Á-châu.

Ngài tuyên bố rất sung sướng nhận thấy có tự do tín ngưỡng tại Mã-Lai và cho rằng nếu tất cả Phật-tử sống đúng theo lời Phật dạy thì sẽ không có sự căng thẳng và xung đột thế giới. Ngài nói rằng Phật-giáo có lẽ là tín ngưỡng đứng đầu trên thế giới trong khoảng 50 năm nay, máy móc ngày nay đã tiến đến trình độ làm cho đại đa số muốn trở về Phật-giáo để được tâm trí thành thoi.

**Phái đoàn Nhật-bản nghiên cứu kiến trúc Ấn-độ**

Một phái đoàn gồm 5 giáo sư và hội viên của Viện Văn-Hóa Á-châu thuộc Đại-học-Đường Đông-Kinh, đã đến Ấn-độ để xem xét những cổ-tích và thắng cảnh lịch sử của Ấn-độ. Phái đoàn sẽ ở lại Ấn-độ năm tháng và trên đường đi sẽ viếng Kanpur, Lucknow, Varanasi, Pama, Indore, Ajanta, Ellora và Bombay.

**Đề bảo tồn Ca - Tỳ - La - Vệ.**

Chính quyền Népal đang lo hoàn thành công cuộc bảo vệ Ca-tỳ-la-vệ như là thánh địa. Nơi đây là một trung tâm hành hương của Phật-tử từ khi Thái Tử Tất-Đạt-Đa đã sinh trưởng ở đây. Cái tên của sanh quán Đức Phật là một danh từ đầu lười của mọi Phật-tử trên thế giới này.

**Trụ sở mới của Thanh Niên Phật-tử Tích Lan.**

Trụ sở mới của Thanh-Niên Phật-tử ở Colombo đã xây được hai tầng lầu, tầng thứ ba sắp hoàn thành nay mai. Trụ sở có sáu tầng này sẽ tốn hết 2.500.000. Ru-pi (tức là 14 triệu rưỡi đồng bạc Việt-nam theo giá chính thức) Đến cuối năm nay sẽ hoàn thành trụ sở này. Đây sẽ là một dinh thự chắc chắn đẹp đẽ nhất ở Colombo. Phòng thờ Phật đã làm xong và hằng ngày tín hữu đã đến lễ Phật.

## **Tỳ-kheo Nagasena du học tại Thái Lan**

Tỳ-kheo Nagasena xuất-gia tại Sarnath đã đi Thái-Lan để tu-học Phật-giáo. Ngài là một trong những người mới theo Phật-giáo, Ngài đã được chính phủ Thái Lan cấp cho một học bổng để học tiếng Pa-li và Phật-giáo tại Bangkok. Sau khi thành công sẽ về thực hành ở xứ sở.

## **Thành-phần Tổng - hội Sinh viên Việt-Nam ở Nhật**

Trong cuộc đại-hội-đồng thường-niên của Tổng-hội Sinh-viên Việt-Nam ở Nhật niên-khóa 1960-1961 họp vào ngày 13-3-60 vừa qua tại trụ-sở của Hội (Tokyo) Thầy Thích Thiên-Ân (Tiến-sĩ Văn-khoa Triết-học) được trúng-cử chức Hội-trưởng với đa-số tuyệt-đối trong một cuộc bầu phiếu kín.

Ngoài ra, tron ban chấp hành mới này người ta thấy có : Phó hội-trưởng, Ông Trần-cảnh-Lưu (Được-học) ; Tổng-thư-ký, Ông Lê-Dũng-Dân (nguyên-tử-học) ; Thủ-quý Ông Nông-văn-Bé (Công-kỹ-nghệ), và các ông Trưởng-ban về báo-chí, thư-viện, thể-thao v. v...

Đây có lẽ là lần đầu tiên một vị Tăng-già Việt-Nam đứng ra lãnh đạo một đoàn-thể thanh-niên Việt-Nam du học ở ngoại-quốc.

## **Cuộc hội-hợp Zen cho người ngoại-quốc**

Trong tờ báo « The Mainichi », một tờ báo lớn nhất xuất bản hằng ngày bằng Anh-ngữ ở Nhật, vào ngày 14-3-60 đã đề dành một cột lớn đăng-tải về « cuộc hội họp đầu tiên về Zen cho những người ngoại-quốc », do hội English speaking Buddhist Zen Cultural Center tổ-chức tại Công-hội-đường Shibuya, Tokyo.

Trong cuộc hội họp này, ngoài các vị Giáo-sư người Nhật-bản, người ta thấy hầu hết đều là người từ các nước Âu-Mỹ, nhất là Hoa-kỳ và có Thầy Thiên-Ân tham-dự.

Sau cuộc tịnh-niệm thường-lệ, Bác-sĩ Reiho Matsunaga, giáo-sư của Đại-học-đường Komazawa đọc chúc từ cảm ơn những người hiện-diện, rồi đến cuộc thuyết-pháp về vấn đề « Căn-bản của Zen và so-sánh Zen với Thiên-chúa-giáo » do Đại-đức Rosen Takashina giảng.

Tiếp đến Đại-đức Genki Hasebe giảng về ý-nghĩa tọa-thiền, và đồng thời cũng trao dạy cách-thức và phương-pháp tọa-thiền cho người ngoại-quốc.

Trong cuộc hội-hợp này người ta thấy có rất nhiều danh-nhân ngoại-giao đoàn, học-già, văn-sĩ ngoại-quốc đến tham-dự, trong số đó có cả Đại-đức David Garlick, là một giáo-sư Anh-văn ở trường Đại-học Komazawa University. Trường này là một trường Đại-học lớn và danh-tiếng ở Đông-kinh, do phái Tào-Động trong Thiền-tôn quản-trị.

Kể từ đây, hội English speaking Buddhist Zen Cultural Center sẽ tổ-chức những buổi họp « Zen cho những người ngoại quốc » này, mỗi tháng 2 kỳ, vào ngày chủ-nhật thứ 2 và chủ nhật thứ 4 của mỗi tháng ở công-hội-đường trên. Hội rất hoan-ngheh sự tham-dự của tất cả những người có thiện-chí về Zen, kể cả Nhật và ngoại-quốc.

In tại nhà in LIÊN-HOÀ đường Lam-sơn Huế